

Số 127

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Một lần
sốt bát

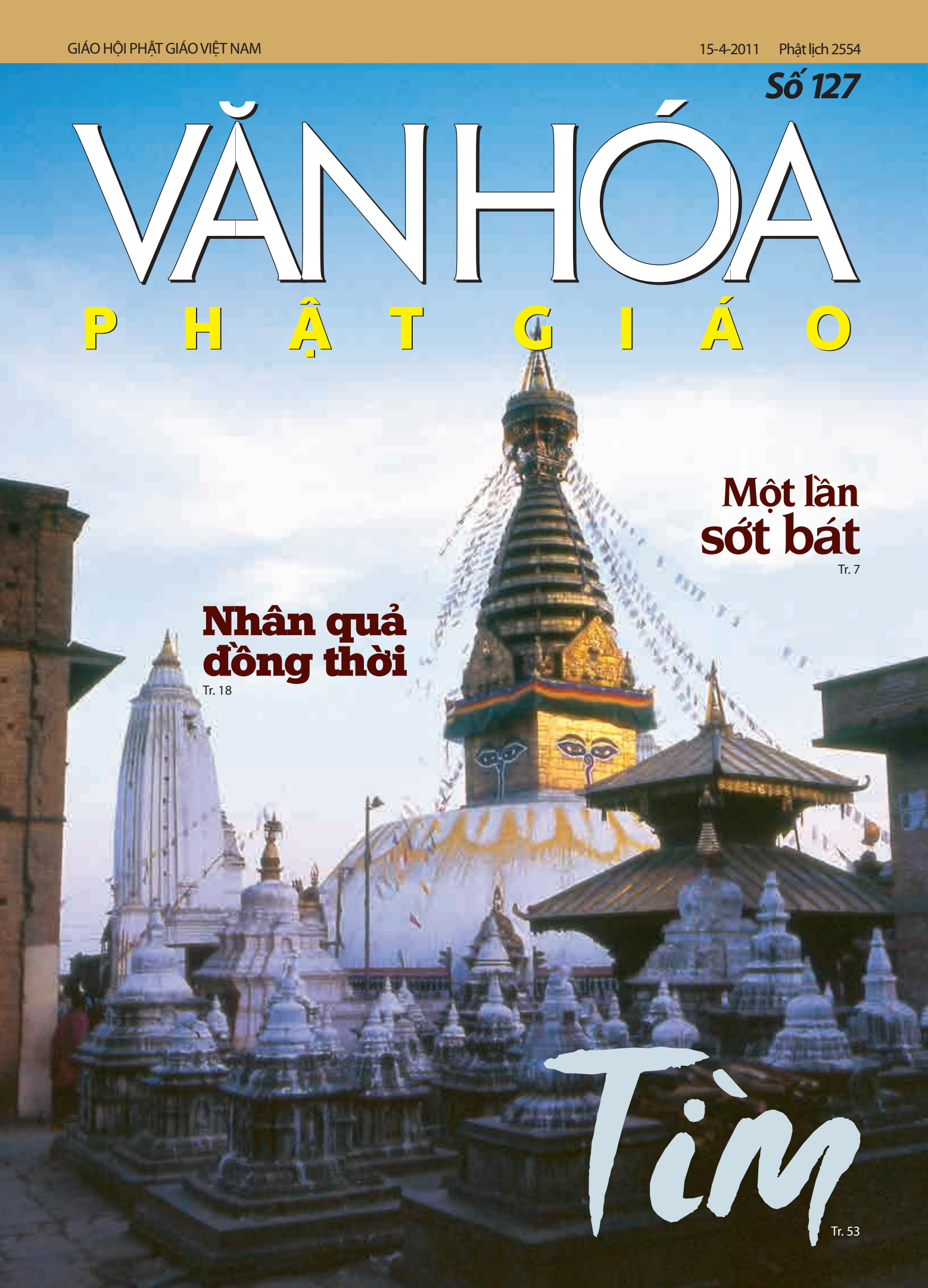
Tr. 7

Nhân quả
đồng thời

Tr. 18

Tim

Tr. 53





TÔN HOA SEN



Mái ấm gia đình Việt

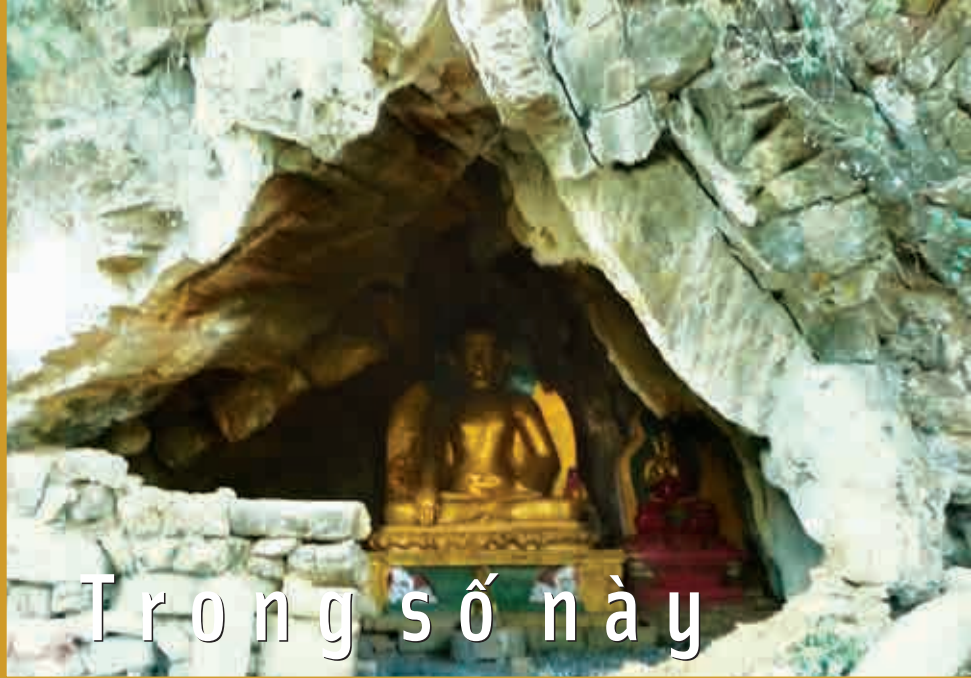
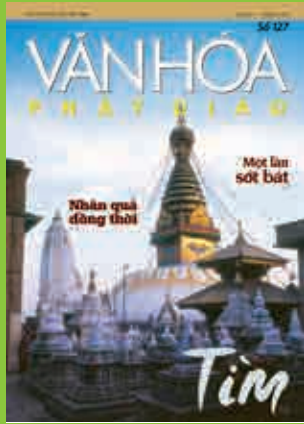
Số 9 Đại lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần 2 - Dĩ An, Bình Dương

Tel: 0650.3791.791 - Fax: 0650.3791.792

VPĐD: 215-217 Lý Tự Trọng, Q.1, Tp.HCM

Tel: 08.3910.6910 - Fax: 08.3910.6913

www.hoasengroup.vn



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
 Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kèm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
 Trụ sở Tòa soạn VHPG
 ĐT: (84-8) 3 8484 335
 Cô Hồ Thị Phương Châu, ĐD: 0907 164 066
 0914 063 669

Quảng cáo
 Cô Thu Sương, ĐD: 0918 032 040

Tòa soạn
 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
 Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
 ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
 Fax: (84-8) 35265 569
 Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
 Số tài khoản: 1487000000B
 Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
 Bộ Văn hóa - Thông tin
 số 96/GP-BVHTT và 66/GP-SĐBS
 Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
 Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Tâm hoang vu (<i>Nguyễn Cẩn</i>)	3
Sương mai	6
Một lần sốt bát (<i>Chân An Hoa Nguyễn Phước Thị Liên</i>)	7
Chùa Thiên Đức và tháp Thiên sư Thiệt Lương (<i>Đồng Dưỡng</i>)	9
Chén rượu rót đầu ghềnh của Tiên quân Nguyễn Văn Thành (<i>Nguyễn Phúc Vĩnh Ba</i>)	12
Tám yếu tố xây dựng cuộc sống hạnh phúc vững bền (<i>Nguyễn Thủy</i>)	15
Nhân quả đồng thời (<i>Nguyễn Thế Đăng</i>)	18
Phòng hộ nhờ Quán niệm (<i>Nyanaponika Thera</i>)	21
Ai thoát điềm lành dữ (<i>Tấn Nghĩa</i>)	24
Giải thoát thân, giải thoát tâm: việc kết nối Yoga với Phật giáo (<i>Michael Stone, Nguyễn Văn Nghệ dịch</i>)	26
Phật pháp của cha tôi: Một cây bon-sai (<i>Nguyễn Khắc Phước</i>)	28
Đạo pháp của Đức Phật có phải là triết học hay không? (<i>Hoang Phong</i>)	30
Hoàn thiện cuộc sống nhờ Phật pháp (<i>Sunil J. Wimalawansa</i>)	34
Cho đủ tình thương (<i>Thảo Vy</i>)	36
Vi sao con người bị nghiện và làm sao để không bị nghiện? (<i>Nguyễn Hữu Đức</i>)	38
Thầy chùa (<i>Thị Giới</i>)	42
Tẩu hỏa nhập ma (<i>Minh Hạnh Đức</i>)	45
Chuyện lẻ (<i>Nguyễn Trọng Hoạt</i>)	47
Ăn chè... rồi lại ăn xôi (<i>Huỳnh Kim Bửu</i>)	49
Thơ	51
Tim (<i>truyện ngắn của Hồ Anh Thái</i>)	53
Hẻm Sài Gòn (<i>Đoàn Đại Trí</i>)	56
Ga xếp tuổi thơ (<i>Hoàng Thị Giang</i>)	58
Tiếng guốc gỗ... (<i>Thảo Nguyên</i>)	59
Lời cảm ơn cuộc sống	60
Món chay: Gỏi và dùng với bánh tráng mè (<i>Hoàng Anh - Phú Xuân</i>)	61

Bìa 1: Chùa Tây Tạng tại Nepal. Nguồn: panoramio.com

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả

Trong số ra mắt phát hành vào đầu xuân Ất Dậu tháng 2-2005, quan điểm và chủ trương của tạp chí Văn Hóa Phật Giáo đã được xác định trong bài viết "Vài ý kiến về bảo tồn và phát huy văn hóa Phật giáo Việt Nam" trong đó có nêu rõ, "Ngoài những phần mang đậm nét Phật giáo, báo chí Phật giáo cần có nội dung phản ánh đời sống thường nhật, những rung cảm về cuộc sống đẹp đẽ, hiền thiện, ca ngợi cái đẹp tinh thần, các thái độ, hành xử thể hiện tinh thần trong sáng, hiền thiện... chính là đóng góp vào việc bảo tồn, xây dựng và phát huy truyền thống dân tộc, đồng thời cũng là bảo tồn, xây dựng và phát huy văn hóa Phật giáo".

Đến nay là gần bảy năm phục vụ độc giả, có thể nói VHPG đã luôn trung thành với chủ trương được vạch ra từ những ngày đầu; không những thế, Ban Biên tập đã cô đọng những ý kiến trong bài viết nói trên thành một khẩu ngữ, minh định VHPG là "Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc".

Với chủ trương trên, VHPG sẵn sàng đăng tải mọi bài viết phù hợp với chủ trương của tạp chí mà nội dung không nhất thiết phải chứa đựng Phật pháp; thay vào đó, chính những bài viết thể hiện những sự kiện đời thường, phản ánh những tư duy tình cảm tốt đẹp, lại càng dễ đi sâu vào tâm thức mọi độc giả, từ đó có thể giới thiệu với những người chưa biết đến Phật giáo những giải pháp xây dựng xã hội của nhà Phật, một điều mà công cuộc hoàng pháp cần nhắm tới.

Về phương diện hình thức, VHPG không đăng những bài dài quá 5.000 từ và cũng không đăng liên tiếp nhiều kỳ một bài viết dài. Gần đây, một số độc giả gửi thư đến khen ngợi việc trình bày của tạp chí là đẹp và trang nhã, và mong mỗi sao cho hình thức của tờ báo ngày càng rực rỡ hơn, sang trọng hơn. Về mặt này, chúng tôi xin thưa, Văn Hóa Phật Giáo luôn chú ý đến cái đẹp, sự tinh tế thanh nhã của hình thức để góp phần làm nổi bật nội dung của bài viết, không nhắm tới sự phô trương với quá nhiều hình ảnh và màu sắc rực rỡ trên từng trang báo mà chúng tôi nghĩ không phù hợp với một tạp chí Phật giáo. Do vậy, chúng tôi xin vẫn giữ phong cách hiện hữu, chỉ cố gắng lựa chọn hình ảnh thích hợp hơn, và sẵn sàng cải tiến hình thức theo những góp ý của mọi độc giả sao cho vẫn giữ nguyên tính cách trang nhã của từng trang báo.

Như đã thưa trong số báo trước, VHPG 128 phát hành ngày 1-5-2011 là số báo đặc biệt kỷ niệm ngày Đức Phật đản sinh. Chúng tôi xin nhắc lại và kính mong quý vị gửi bài Phật đản về tòa soạn sớm.

Chân thành kính chúc quý độc giả thân tâm thường lạc.

Văn Hóa Phật Giáo





Tranh của Viktor Burtas

Tâm hoang vu

NGUYỄN CĂN

Những điều nghe thấy

Lướt trên mạng với mục đích tìm kiếm thông tin, chúng ta dễ bị cuốn hút vì những tin tức mang tính thời sự với các hàng tít nóng bỏng trong khoảng thời gian gần đây với hàng loạt những sự kiện đáng buồn:

Trên trang mạng Việt Báo thuộc Trung tâm Báo chí và Hợp tác Truyền thông Quốc tế (CPI) có tin Nam sinh viên bị sát hại lúc nửa đêm với nội dung "Rạng sáng 10/3, tại khu vực cổng trường THPT Lý Thái Tổ (thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh), một thanh niên bị hai người đuổi theo đâm dao khiến gục ngã tại chỗ. Nạn nhân được người

dân đưa đi cấp cứu song đã tử vong. Cảnh sát cho biết, người bị đâm chết là Trần Văn Hải, 20 tuổi, sinh viên Cao đẳng Điện lực, Hà Nội. Trong ngày 10/3, Công an thị xã Từ Sơn xác định hung thủ gây án là Nguyễn Duy Trường và Nguyễn Thanh Hải, cùng 19 tuổi, trú tại phường Đình Bảng. Tại cơ quan công an, Trường và Hải khai đêm 9/3 họ trông thấy anh Trần Văn Hải cùng 2 thanh niên đi xe máy ngược chiều. Cho rằng những người này không nhường đường mà còn cố tình dàn hàng ngang gây sự, nhìn đều, nhóm của Trường đã "cà khịa". Hai bên xô xát, Trường và Hải rút dao gây án.



Trang mạng An Ninh Thủ Đô đưa tin “Chi 50 triệu đồng thuê sát thủ giết chồng”, thuật lại việc một người đàn ông 45 tuổi tên Nguyễn Đăng Thụy trên đường đi từ Hải Dương đến Hải Phòng đã bị hai kẻ lạ mặt chĩa súng vào nhau trên xe gắn máy kẻ sát rồi chĩa súng bắn chết ngay tại chỗ. Sau đó, các cơ quan điều tra đã nhanh chóng phát hiện các đối tượng giết người và lần ra kẻ chủ mưu chính là vợ của nạn nhân. Người đàn bà này đã giao cho con rể thuê sát thủ giết người là chồng của chính mình và là bố vợ của y với giá 50 triệu đồng; người con rể đã dẫn các sát thủ đến nơi bố vợ thường đi qua để chỉ điểm cho chúng nhận diện nạn nhân; khi thấy bố vợ bị bắn gục, anh ta bình thản trở về báo cáo cho mẹ vợ là kẻ chủ mưu.

Một tin khác được thấy trên trang mạng của Công An Thành Phố với hàng tít “Xôn xao vụ nữ sinh bị đánh hội đồng, in đĩa CD” ghi nhận rằng “Ngày 19-1-2011, Ban Giám hiệu Trường THCS Trần Phú (huyện Đức Trọng, Lâm Đồng) nhận được đoạn clip có nội dung một nhóm nữ sinh lột áo, vây đánh hội đồng một nữ sinh khác, mặc cho nạn nhân van xin thảm thiết. Những gương mặt non choẹt trong đoạn clip chính là những học sinh của trường này, trong đó có cả lớp trưởng lớp 9A4 và một học sinh giỏi cấp huyện khác. Ngay sau đó, trường THCS Trần Phú đã mời 8 nữ sinh có mặt trong đoạn clip và đại diện gia đình các em đến để xác nhận thông tin và tường trình lại toàn bộ vụ

việc”. Bản tin cho biết *Nguy hiểm hơn, đoạn clip dài 9 phút 30 giây này không chỉ nhanh chóng “lây lan” các trang mạng mà còn được phát tán bằng những đĩa CD.*

Trên đây chỉ ghi nhận vài trường hợp tin tức nổi bật. Cũng ghi nhận thêm rằng ngay sau khi một bản tin đầu tiên nào đó được phát đi, hàng trăm bản tin của những trang mạng khác xào nấu lại nội dung của bản tin đó, đôi khi đặt lại những tựa đề cho giật gân hơn nữa để thu hút sự chú ý của người vào mạng; do đó, những thông tin đáng buồn nói trên ngập tràn không gian kỹ thuật số.

Khi tâm hồn bị “sa mạc hóa”

Trừ những nơi đang xảy ra chiến tranh, có lẽ không ở đâu như trong xã hội ta hiện nay, tình trạng bạo lực đang diễn tiến hết sức đáng lo ngại. Đã có nhiều cuộc hội thảo, tranh luận, bàn cãi xoay quanh chủ đề bạo lực học đường, bạo lực xã hội... Chưa bao giờ người ta lại giết nhau đơn giản đến thế. Một vụ va quệt sơ sài, một vài câu nói vu vơ, thậm chí chỉ một cái nhìn nhưng bị diễn dịch cố ý thành ‘nhìn đểu’, cũng đủ để loại một người ra khỏi đời sống. Nhiều bậc phụ huynh đâm ra sợ khi đưa con mình đến trường vì nơi đó không còn bình yên, không chỉ có “hoa vàng cỏ xanh” mà có cả máu và dao... và nguy hại thay, hiểm nguy luôn rình rập.

Nhìn rộng ra, có thể thấy cái ác đã hiện diện ngay dưới khuôn mặt trẻ thơ, trong sân trường, .. và chung quanh chúng ta. Cái ác đến từ chuyện hàng xóm gây gổ

liên quan tiếng ồn do việc mở nhạc với âm lượng quá lớn, từ anh xe ôm giành mồi, anh xe tải giành đường... thậm chí từ người vợ đã có cả hàng chục năm chung sống... Cái ác lẫn khuất trong bó rau nhiễm thuốc trừ sâu hay nhiễm nhất thải mang mầm bệnh; cái ác nhào trộn trong sữa nhiễm melamine gây sỏi thận và nguy cơ tử vong ở trẻ em... Cái ác không lộ diện. Cái ác không công khai tuyên chiến. Cái ác nhiều khi bùng phát ngẫu nhiên như ung nhọt nảy sinh ngay từ trong huyết mạch của con người.

Vi đâu nên nổi?

Có thể thấy nguyên nhân sâu xa của cái ác nằm ở chỗ lòng tham dục đang được kích hoạt hết cỡ, điều mà một vị quan chức thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam khi bình luận về vụ án nhà báo Hoàng Hùng bị chính vợ mình lập mưu đốt chết đã khái quát hóa thành 'động cơ sống', rằng "*Khi con người quay cuồng, đảo điên với hàng loạt các vấn đề về sự hưởng thụ, ích kỷ, thì họ có thể trở nên toan tính, lạnh lùng hơn và dễ tạo nên những tội ác*".

Suy cho cùng, mọi cái ác đều xuất phát từ lòng ham muốn thỏa mãn những dục vọng của con người. Nhiều khi ranh giới giữa thiện và ác hết sức nhỏ nhoi và mong manh. Tâm thiện và tâm ác tồn tại song song ngay trong chính mỗi con người; và cái ranh giới thiện ác ấy mong manh đến mức chính những kẻ đã vượt qua ranh giới ấy cũng chưa biết mình vừa đặt chân vào cõi ác. Nhiều khi con người thực hiện cái ác mà không ý thức được hậu quả khôn lường từ hành vi gieo mầm ác của mình. Chính vì vậy, việc tiêu diệt cái ác lại càng khó khăn hơn. Cái ác không những được che đậy tinh vi hơn mà nhiều khi còn bùng phát bất thường từ chính những con người vốn được xem là lương thiện.

Có những người bi quan không tin rằng có thể có những biện pháp diệt trừ mầm ác trong một xã hội mà chủ nghĩa vật chất ăn sâu vào suy nghĩ của từng con người. Khi một đứa trẻ thấy cha mẹ nó được người ta xúng tưng vì tiền, vì quyền; mặt khác, cha mẹ nó bị người khác mua chuộc, lung lạc cũng bằng tiền, thì rất khó để đứa trẻ đó tin vào những giá trị tinh thần khác. Khi tình yêu có thể được cân đong bằng phép định lượng từ nhà cửa, xe cộ, giá trị cổ phiếu... thì khó có thể hình dung chuyện 'túp lều tranh, hai quả tim vàng', trừ khi tìm làm bằng... vàng 'bốn số 9'.

Phật dạy về tâm hoang vu

Hơn hai ngàn năm trăm năm trước, Đức Phật đã ân cần vạch ra sự nguy hiểm của dục:

"Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nguyên nhân, do chính dục làm nhân, vua tranh đoạt với vua, Sát-đế-lị tranh đoạt với Sát-đế-lị, Bà-la-môn tranh đoạt với Bà-la-môn, gia chủ tranh đoạt với gia chủ, mẹ tranh đoạt với con, con tranh đoạt

với mẹ, cha tranh đoạt với con, con tranh đoạt với cha, anh em tranh đoạt với anh em, anh tranh đoạt với chị, chị tranh đoạt với anh, bạn bè tranh đoạt với bạn bè. Khi họ đã dẫn mình vào tranh chấp, tranh luận, tranh đoạt; họ công phá nhau bằng tay; họ công phá nhau bằng đá; họ công phá nhau bằng gậy; họ công phá nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục... là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ cầm mâu và thuẫn, họ đeo cung và tên, họ dàn trận hai mặt, và tên được nhắm bắn nhau, đao được quăng ném nhau, kiếm được vung chém nhau. Họ bắn đâm nhau bằng tên, họ quăng đâm nhau bằng đao, họ chặt đầu nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục... là nguyên nhân của dục... Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục, đưa đến đau khổ tương lai, là khổ uẩn, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nhân duyên, do chính dục làm nhân. (Phẩm Tiểu kinh Khổ uẩn, Kinh Trung Bộ. HT Thích Minh Châu dịch)

Như vậy Đức Phật đã nhìn ra nguyên nhân của mọi nguyên nhân gây nên tội ác: đó chính là Dục. Cũng nên lưu ý rằng dục được nói tới trong đoạn kinh nêu trên là ác dục, là những mong muốn thỏa mãn mọi lạc thú ở đời, khác với lòng mong muốn trong Dục như ý túc, một sự khao khát hướng thượng. Giáo pháp của Đức Phật chỉ ra cho con người thấy cần phải diệt trừ những mong muốn thỏa mãn lạc thú chỉ gây nên tội lỗi mà phải nhắm đến những khao khát hướng thiện để giải thoát khỏi những nỗi khổ trôi buộc con người. Nhưng Đức Phật cũng chỉ ra rằng nếu hành giả không đoạn tận năm tâm hoang vu thì không thể nào hướng tới những khao khát hướng thượng trong Dục như ý túc. Kẻ có tâm hoang vu là kẻ vẫn nghi ngờ bậc Đạo sư, nghi ngờ Chánh pháp của Đức Phật, có tâm do dự, không quyết đoán, không có tinh tín, lại sinh tâm phẫn nộ với những người giữ giới và những người có tín tâm. Một kẻ như vậy sẽ không tin rằng có thể diệt trừ mầm ác trong xã hội. Cho nên, trước hết, xã hội phải ngăn ngừa tình trạng sa mạc hóa tâm hồn, bằng cách xây dựng niềm tin vào Tam bảo.

Làm thế nào để khắc chế hay tiết giảm tầm nguy hại của lòng tham muốn: muốn ăn ngon mặc đẹp, muốn nổi tiếng, muốn vui chơi, muốn có những gì mình muốn mà không cần lao động, không cần cố gắng...? Phải bắt đầu từ giáo dục, từ gia đình, từ người lớn. Trẻ em cần phải thấy sự gương mẫu của cha anh, nhân dân phải thấy sự gương mẫu của quan chức, công bộc của dân... người dưới nhìn kẻ trên... Chừng nào thiếu những tấm gương ấy thì xã hội còn tao loạn, lòng người vẫn nhiều nhuong và cái Ác không thể đoạn trừ!

Hãy bắt đầu ngay nếu không thì quá muộn! ■



*Thân làm thiện, lời nói thiện, ý nghĩ thiện, đầy đủ ba pháp này,
tương xứng được như vậy, thì được sanh lên cõi trời.*

Kinh Tăng Chi Bộ, Chương III

Một lần sốt bát

CHÂN AN HOA
NGUYỄN PHƯỚC THỊ LIÊN

Chín giờ tối hôm ấy, số Phật tử chúng tôi tập họp, chờ nghe sư trụ trì tịnh xá Ngọc Đăng chỉ định lên xe. Trên cao kia, Ngọc Đăng vắng lặng lờ mờ trong bóng đêm.

Vừa sắp xếp hàng ngũ, sư vừa căn dặn: “Đoàn Phật tử đi ba xe. Khi đi, ai lên xe nào thì lướt về phải ngồi xe đó và theo đơn vị mình”. Sư nói thêm: “Đoàn đến tịnh xá Ngọc Viên tỉnh Vĩnh Long dự lễ tưởng niệm Sư tổ Minh Đăng Quang, người khai sáng hệ phái tu khổ sĩ, nhân đó có buổi **SỐT BÁT** cho hàng trăm vị Tăng Ni từ các tỉnh về dự”.

Hai giờ sáng xe đến nơi.

Các sư tịnh xá Ngọc Viên tiếp đón chúng tôi niềm nở chu đáo, mặc dầu lúc này, nơi đây rất đông Phật tử, họ vật vạ ở hành lang, trên ghế đá bên hè, ngay lối đi hay tranh thủ từng gốc cây, mắc võng ngủ. Chúng tôi phải cẩn thận, dè chừng từng bước chân theo sự hướng dẫn. Đoàn chúng tôi được nghỉ nơi tịnh xá Ngọc Viên xưa cũ, thoáng mát, rộng và rất sạch. Mọi người lần kèn ra gạch đánh giặc.

Bốn giờ sáng, ai nấy thức dậy lo làm vệ sinh cá nhân. Tôi là người chân yếu, chậm chạp, khi đến khu nhà vệ sinh đã thấy thật đông bạn đạo đứng chờ tự hồi nào, trong khi ở trong đó, kẻ bước ra chỉ lác đác, miệng thều thào, bực dọc chuyện gì. Dưới chân, giày dép ai cũng ướt. Một chập lâu, tôi được lọt vào trong... để thấy nơi đây còn đông hơn, nước thì lẹp xẹp. Nhà vệ sinh nữ có hai dãy đối mặt, cách nhau một lối đi không đầy mét rưỡi. Trong đó tự dưng im ắng. Ngay nơi lối vào ra, giờ này bị đóng nút bởi một vị sư, gần như ngồi bệt, cúi mình xuống cái hố ga. Sư đang thò tay móc vật gì bị kẹt dưới đó. Tôi đứng cạnh sư chừng ba mét, chỉ thấy lưng sư trong bộ y vàng lụng thụng, một phần nằm trên nền gạch ướt dầm. Và phần kia là cái vai trần của sư luôn cử động. Cạnh sư, một thanh niên mặc thường phục cầm ống nước, mắt nhìn cái nắp hố, chốc chốc xịt nước xuống, có khi cúi lấy cho sư vật gì như cái xà beng ngăn ngùn để sư nạy viên gạch đầy hố ga. Hố nhỏ thôi nhưng thâu nạp cả đường nước từ dãy vệ sinh nam kể bên chảy qua để cùng thoát. Trước cảnh đó, tôi và mấy bà đưa



mắt nhìn nhau xuýt xoa: “Tội quá! Tội quá chùng!”. Cũng có nhiều lời ta oán, giận ai đã làm nghệt lỗ cống.

Trời chưa sáng và đang lạnh, khá lạnh.

Loay hoay một lúc thì xong việc. Sư nhanh chóng đập nắp hố, trở xà beng, lấy cán động mạnh mấy lượt quanh viên gạch rồi đứng dậy bỏ đi. Không ai kịp vái chào sư, cùng lúc đó, tôi bị đẩy dạt sang bên để nhường lối. Chính vì vậy tôi thấy rõ mặt sư, cả dòng nước trên chiếc y chầy dài. Từ trong vô thức, tôi lơ mơ nhận ra Danh Thôm. Phải Danh Thôm đó không em? Người học trò cũ của cô. Năm 1978, cả gia đình em trong số 143 người dân vô tội ở Hà Tiên bị bọn diệt chủng Pôn Pốt giết hại. Em may mắn được cứu sống nhưng vì quá đau khổ trước cảnh mất cha mẹ và người thân, em làm chuyện rở dại. Một lần nữa, em được cứu. Sau đó có nhà sư đem em về chùa nuôi nấng, dạy dỗ.

Lục tung ký ức, tôi gần như bật khóc trước em. Khi định tĩnh, tôi quyết tìm em khắp tận xứ, nhưng lòng vòng mãi giữa rừng người ở các ngã “bát quái đồ”, tôi chịu đánh mất cơ hội.

* * *

Bây giờ rười, ban tổ chức phát loa hướng dẫn việc *SỐT BÁT*. Tất cả Phật tử, y giới trang nghiêm bước ra cổng, xếp hàng đơn, trong trật tự, theo lối đi ra bờ kè đến cầu Cái Cá. Dừng lại ở đây, xếp hàng đứng nép dọc lộ, chờ đoàn khất sĩ đi qua...

Lễ vật của tôi là một ít kẹo ngậm Vitamin C, một ít gói bột dinh dưỡng và một ít bánh tây, gọi là tượng trưng.

Mặt trời chói rạng, vầng hào quang lấp lánh, trước mặt là dòng Tiền Giang nước lớn đang xuôi chảy như hóa độ chúng tôi.

Đi suốt dọc bờ kè có nhiều ụ đất lớn nhỏ lại ngổn ngang vật liệu đang xây dựng. Rẽ qua khúc quanh lờm chờm sỏi đá, dưới chân cầu, từng vị khất sĩ ló dạng: chậm rãi, trang nghiêm và vàng rực. Tức khắc chúng tôi im bật, vội sửa y trang đầu tóc, chấp tay đứng ngay lại. Ai nấy nín thở hồi hộp chờ. Tôi càng hồi hộp dữ khi để vuốt mắt cơ hội là khi tay tôi đang cầm lễ vật mà không tài nào cho vào cái bát vị khất sĩ vừa hé mở. Vì người đồng và cũng vì chân tôi đang lấn cấn trong đôi vớ thun bó sát một nửa bàn chân lên tận gối. Loại vớ “đẳng cấp” khó ưa khó dùng, dành cho người bị giãn tĩnh mạch. Tôi đành đứng tại chỗ, cúi gập người, xá lạy từng vị sư chậm chạp đi qua để thấy từng đôi chân trần to bè, khô cứng có năm ngón “củ gừng” sần sùi đập trên sỏi đá. Rồi... một bàn chân không trần lạ lẫm bước tới. Bàn chân Ni sư có mang vớ màu kem để hở phần ngón. Tức thì tôi nhận ra tôi qua đôi vớ ấy. Tôi chăm chăm nhìn vào nó. Cả hai chiếc vớ đều bị rách với hai lỗ thủng khá lớn ở gót chân để lộ hẳn ra đôi gót mang đầy vết nứt đen đũi, sần sùi, khô cứng đến tê lòng. Tôi hẩn thờ, mắt không rời nhíp gót nhắc lên, đập xuống...

* * *

Trong khi đoàn khất sĩ lần lượt tiến bước, tôi còn chưa trở về thực tại.

Bỗng đâu có người cầm tay tôi đưa đến chỗ vị sư sắp bước tới, chờ sư vừa hé cái nắp bát, y dí tay tôi vào. Tôi bối rối xá lạy sư, xá ngay vào người giúp tôi là một cậu thanh niên xa lạ. Sự phản xạ có điều kiện, lúc đó tôi thốt ra: A-di-đà-Phật.

Đúng suốt buổi sáng, tôi mong được *SỐT BÁT* niệm Phật và cúi lạy 108 vị sư khất sĩ. Nhưng chỉ một lần đó thôi, nhờ ai tôi được sống trong đạo hạnh làm kẻ sốt bát. Và luôn luôn biết mình chậm chạp, tôi không thể đứng đợi vị sư thứ 108. Tôi mau về tịnh xá, hòa cùng bạn đạo, nghinh đón đoàn sư lần lượt trở về, tiến thẳng lên chánh điện. Lễ vật còn lại, tôi đem cúng dường ban quản lý...

* * *

Tôi dặn lòng bình tĩnh, cố nhìn cho ra vị sư ban sáng và vị ni có đôi chân mang vớ. Vì tôi đã tháo đôi vớ của tôi rồi, nguyện cúng dường nó cho Ni sư, mặc dù nó không phải là phẩm vật còn tinh khôi.

Trải qua 72 năm trong đời, chỉ một ngày gọi là đủ duyên, tôi được thực chứng, ngộ ra cái Đẹp thường hằng của Tâm ẩn trong sắc tướng vị sư, bộ y vàng sũng nước với cái hố ga cùng đôi gót chân sần sùi nứt nẻ trong đôi vớ rách, cả bàn tay ai giúp tôi bước tới...

Và giờ đây, quãng đời còn lại của tôi là chuỗi ngày thật an lạc hạnh phúc. ■



Chùa Thiên Đức và tháp Thiền sư Thiệt Lương

Bài & ảnh: ĐỒNG DƯƠNG

Chùa Thiên Đức tọa lạc trên đường Nhị Trưng, phường Tân An, thành phố Hội An. Chùa do nhà thờ tộc Đinh quản lý. Ở Quảng Nam chỉ có một ngôi chùa này mới do tộc họ quản lý, hầu hết các chùa trong tỉnh đều thuộc sự quản lý của Giáo hội. Từ ngoài đường nhìn vào, khách sẽ không biết đây là một ngôi chùa. Bởi vì chùa làm theo kiểu xưa, thấp, nhỏ, phía trước có bóng cây che phủ và không có cổng như các ngôi chùa khác nên nhiều người lầm tưởng đây là một từ đường dòng họ.

Đi từ ngoài vào, đập vào mắt ta là một bức hoành khắc ba chữ chân phương lớn “Phổ Tuyền Am 溥泉庵”. Lạc khoản đề: “Vĩnh Khánh Ngũ Niên tứ nguyệt sơ nhị nhật cát lập” nghĩa là ‘Lập ngày mồng 2 tháng 4 năm Vĩnh Khánh thứ 5’. Lạc khoản bên phải ghi: “Quý

Sửu niên kỷ nguyệt sửu nhật thượng lương” nghĩa là ngày sửu tháng kỷ năm Quý Sửu thượng lương. Xung quanh đường viền không có trang trí họa tiết hoa văn. Đường viền phía dưới khắc số 1732. Có thể người sau khắc năm lập bức hoành chằng? Lý giải từng lạc khoản, chúng ta sẽ có nhiều thông tin bổ ích trong việc nêu ra năm lập chùa.

Đầu tiên, xét lạc khoản bên trái có ghi rõ niên hiệu là năm Vĩnh Khánh thứ 5. Tra vào quyển *Niên biểu Việt Nam*, niên hiệu Vĩnh Khánh chỉ kéo dài trong ba năm, từ năm 1729 đến năm 1731 là hết. Như vậy, Vĩnh Khánh thứ năm trong lịch sử thì đã đổi sang một niên hiệu mới. Thông thường, giai đoạn Trịnh Nguyễn phân tranh, Đàng Trong thường không cập nhật thông tin từ Bắc Hà. Các chúa Nguyễn vẫn sử dụng niên hiệu các vua Lê nhưng



khi ngoài Bắc đổi niên hiệu thì Nam Hà chưa nhận kịp thông tin nên trong việc ghi niên hiệu lại bị chệch đi. Trường hợp bức hoành chùa Thiên Đức cũng như thế. Do đó, chúng ta tính tiếp thêm hai năm nữa thì Năm Vĩnh Khánh thứ 5 là năm 1733. Năm 1733 đúng là thuộc niên hiệu Long Đức thứ 2 mới chính xác.

Tại lạc khoản phía tay mặt đề ngày tháng năm thượng lương. Bức hoành đề là năm Quý Sửu. Tra vào *Niên biểu Việt Nam* và kết hợp niên hiệu, chúng ta biết năm Quý Sửu là năm 1733. Năm này chính là năm Vĩnh Khánh thứ 5 mà bức hoành ghi lại trên lạc khoản bên trái. Qua hai thông tin từ lạc khoản bức hoành, chúng ta biết ngày sữu tháng kỷ năm Quý Sửu thì cho thượng lương dựng am Phổ Tuyền và cũng chính năm này người ta đã lập một bức hoành để treo làm kỷ niệm nhân sự kiện quan trọng đó. Người sau để năm 1732 là sai, thiếu chính xác, gây ra nhầm lẫn cho các nhà nghiên cứu sau này. Qua đây, chúng ta có một cứ liệu quan trọng cho biết tiền thân chùa Thiên Đức là am Phổ Tuyền.

Ở gian giữa của chùa có một bức hoành với hai đại tự là Thiên Đức. Lạc khoản bên trái đề: “Tuế thứ Tân Mão quý xuân cát đán”, bên phải đề: “Long Phi Mậu Thân trọng hạ Đỉnh Lộc An trùng tu phụng cúng, mịch ân đệ tử Nghê Sỹ thành kính lập”. Năm làm bức

hoành là năm Tân Mão (1831), còn năm trùng tu chùa là năm Mậu Thân (1830), trước đó một năm. Ông Đỉnh Lộc An là người đứng ra trùng tu và chính ông lập bức hoành để kỷ niệm lần trùng tu này. Còn Nghê Sỹ chính là người viết chữ hoặc khắc chữ vào bức hoành. Một cây xà cò ở tiền đường có đề câu chữ Hán như sau: “Tự Đức thập niên Đỉnh Tỵ quý thu cát nhật Đỉnh Quảng Sỹ, Đỉnh Quảng Huỳnh đồng trùng tu”. Nghĩa là hai ông Đỉnh Quảng Sỹ, Đỉnh Quảng Huỳnh cùng trùng tu vào ngày lành cuối thu năm Đỉnh Tỵ niên hiệu Tự Đức thứ 10 (1857). Còn một cây xà cò trong gian hậu điện có ghi: “Thành Thái thập nhất niên Kỷ Hợi trọng thu cát đán huyền tôn Đỉnh Hoài Minh trùng tu”. Nghĩa là Chắt Đỉnh Huyền Minh trùng tu vào ngày lành giữa thu năm Kỷ Hợi niên hiệu Thành Thái thứ 11 (1899). Hai bức hoành, hai câu đối treo hai bên gian thờ đều để năm Bảo Đại Tân Mùi tức năm 1931, có thể trong năm này chùa lại được trùng tu. Mãi đến năm 1972, Đỉnh Văn Vĩnh mới đứng ra trùng tu lại.

Qua các đợt trùng tu, chúng ta vẫn thấy ngôi chùa có một vẻ đẹp cổ kính theo kiến trúc Á Đông. Chùa làm theo mô hình ba gian hai chái, gian giữa có một khám thờ Phật, giữa khám để tôn tượng Đức Phật A Di Đà ngồi theo thế liên hoa, phía dưới có tượng Quan Âm thủ quyển, tượng

Đức Phật đản sinh cỡ nhỏ, và một số tượng thánh. Gian trái có một khám thờ hai vị Thiên sư là Thiệt Lương và Hải Lương Chí Trạm. Thiên sư Thiệt Lương thuộc đời chính tông Lâm Tế thứ 35, khai sơn Đỉnh Môn, sẽ được bàn kỹ khi nghiên cứu về ngôi tháp của ngài vẫn còn tại bốn tự. Còn vị kia thấy đề “Khai sơn viên tịch sa-di pháp danh Hải Lương hiệu Chí Trạm giác linh”. Qua đó thì biết vị Hải Lương Chí Trạm này mới thụ giới sa-di và không rõ ngài khai sơn chùa nào, chỉ có thể đoán chắc ngài thuộc dòng Lâm Tế phái Đột Không Trí Bản. Phái này có ảnh hưởng lớn đến Phật giáo tại Đàng Trong thời các chúa Nguyễn. Phải chăng hai vị này đều họ Đỉnh?

Gian bên phải có một khám thờ dòng tộc họ Đỉnh. Bài vị đề: “Phụng vi Tế dương quận Đỉnh tộc đường thượng lịch đại tông thân”. Phía sau có ba bàn thờ, gian giữa thờ Đức Địa Tạng Bồ-tát, có tượng thân thổ địa. Theo một vị trông chùa cho biết, tượng thổ địa nguyên được đặt phía trước cửa bên phải; do bị mất trộm tượng Hộ Pháp phía trái nên tượng này được mang vào phối thờ phía sau. Hai bên là bàn linh thờ các hương linh trong tộc Đỉnh. Các khám thờ và bàn thờ ở đây được làm bằng gỗ, sơn son thếp vàng rất đẹp. Các bức phù điêu chạm trổ khá đẹp mang phong cách mỹ thuật thời Nguyễn. Chùa còn có một tấm ván khắc tượng Quan Âm trông rất uy nghiêm, tiếc rằng tượng khắc ván này thiếu phần dưới.

P phía trước chùa còn có miếu Ngũ Hành, theo tục thờ mẫu ở các chùa thuộc tỉnh miền Trung. Phía sau miếu có một ngôi tháp khá xưa, làm bằng vôi. Ngôi tháp có hai tầng, trên đỉnh tháp có một búp sen, nếu tính cả thì thành ba tầng. Ngôi tháp làm theo kiểu bát giác theo truyền thống của các tháp Tổ tại miền Trung, xung quanh có thành bao bọc, phía sau khoảng giữa bức tường thành có xây bình phong hậu đầu cao lên, phía trước có hai cây trụ cổng. Qua hai cây trụ có một tấm đá phẳng có khắc chữ. Đây chính là tấm bia tháp ghi lại tiểu sử vị thiên sư được an táng trong lòng tháp. Văn bia tháp kết cấu theo kiểu xưa, không trang trí hoa văn. Phần trên đề hai chữ “Chúc minh 囑銘 hàng giữa đề: “臨濟宗三十五世開山丁門諱實良禪師之塔 Lâm Tế tông tam thập ngũ thế khai sơn Đỉnh môn húy Thiệt Lương thiên sư chi tháp” nghĩa là tháp của Thiên sư húy Thiệt Lương khai sơn Đỉnh môn đời thứ 35 tông Lâm Tế. Lấy hàng giữa làm trung tâm, chúng ta thấy bia có hai hàng đề: “Bạch Sa địa Giáp Thân sáng tạo, Thiên Đức tự thụ giới trụ trì”. Nghĩa là năm Giáp Thân sáng tạo nơi đất Bạch Sa, thụ giới rồi trụ trì tại chùa Thiên Đức. Còn hai hàng ngoài sứt xuống có ghi: “Lộc sinh Bính Ngọ, hưởng thọ cửu thập lục tuế; Thời tại Mậu Dần quý thu nguyệt cát nhật lập”. Hai câu sau cho biết niên đại và năm lập tháp của thiên sư.

Từ những cứ liệu niên đại do bức hoành, chúng ta có thể tái lập niên đại Thiên sư Thiệt Lương qua tư liệu văn bia tháp. Văn bia cho biết thiên sư sinh năm Bính Ngọ

tức năm 1666, năm Giáp Thân đến đất Bạch Sa lập am tu hành, suy ra năm Giáp Thân chính là năm 1728. Đến năm 1733, thiên sư mới thượng lương tu bổ am tranh đã được bức hoành ghi lại. Ngài thọ 96 tuổi, suy ra ngài viên tịch năm 1761. Văn bia ghi Mậu Dần tức năm 1758 là năm lập bia. Có giả thuyết nữa lấy năm lập tháp làm năm viên tịch của ngài. Có thể do sự tính toán nhầm chăng?¹ Văn bia cho biết thiên sư thụ giới trụ trì chùa Thiên Đức. Viết như thế thì ngài đã thụ giới Thanh văn và trụ trì chùa Thiên Đức do chính ngài lập. Trong sơn môn Chúc Thánh, tương truyền rằng ngài Thiệt Lương là đệ tử của Tổ Minh Hải Pháp Bảo (1670-1746), khai sơn chùa Chúc Thánh. Có thể sư đến xuất gia ở đây rồi xin phép bốn sư cho lập am tu hành gần chùa Tổ để hằng ngày qua tham học với Tổ sư. Quả thật, theo địa giới hiện nay, chùa Thiên Đức cách chùa Chúc Thánh vài trăm mét nên sự qua lại rất thuận tiện.

Một vấn đề đặt ra là tên chùa Thiên Đức xuất hiện khi nào. Điều tra thực địa không có một cứ liệu nào xác định rõ năm đặt tên chùa là Thiên Đức, chỉ có thể đặt trong khoảng cách các năm. Vì lúc đầu Thiên sư Thiệt Lương lập am Phổ Tuyền vào năm 1733 thì chưa xuất hiện tên Thiên Đức, đến năm Mậu Dần (1758) thì thấy tên Thiên Đức trong văn bia. Do đó, tên Thiên Đức chỉ xuất hiện trong khoảng 1733-1758 là điều có thể suy ra được. Còn năm Giáp Thân (1728) chính là năm ngài lập am tranh để tu trì và chính năm này là năm lập chùa chăng?

Theo tư liệu của dòng tộc cho biết thì Thiên sư Thiệt Lương là người Phước Kiến, Trung Quốc. Thiên sư đã cùng với lưu dân sang định cư tại Hội An. Sau này nhân duyên đến, sư xin xuất gia với Tổ Minh Hải và lập một am tranh gần chùa Tổ để tu hành. Khi điều kiện đã chín muồi, Thiên sư mới sửa lại am tranh, đổi tên là Thiên Đức. Từ đó, ngôi chùa chính thức đóng một vai trò không nhỏ trong công tác truyền bá Phật giáo nơi đây. Do không có người kế thừa nên ngôi chùa được con cháu trông nom và đã có nhiều lần các vị trong tông tộc của tổ sư đứng ra tu bổ để Thiên Đức ngày một khang trang hơn. Đây là một ngôi cổ tự có một vai trò quan trọng trong sự phát triển Phật giáo phương Nam. Chùa còn bảo tồn nhiều hiện vật có giá trị, nhiều tư liệu Hán Nôm quý giá như hoành phi, câu đối, ván khắc. Tiếc rằng hiện nay chùa do tộc họ quản lý nên chỉ phục vụ việc thờ cúng họ hàng mà không phát huy tính tôn giáo đích thực của ngôi chùa. Mong sao Ban quản trị dòng tộc nên cúng lại cho Giáo hội làm nơi tu học cho các tín đồ Phật tử. Chùa nằm trong lòng thành phố cổ lại có một số đất đai rộng, cảnh chùa đẹp, nếu nơi đây mở được trung tâm văn hóa Phật Giáo thì hay biết mấy!

Chú thích:

1. Tình trạng này xuất hiện đối với các tư liệu ghi chép về Thiên sư Thiệt Lương Đỉnh Ân Triêm, chùa Phước Lâm - Hội An. ■

Chén rượu rót đầu ghèn

của Tiên quân Nguyễn Văn Thành

NGUYỄN PHÚC VINH BA

Văn tế là một thể loại văn vần có thành tựu khá sớm trong nền văn học nước ta. Nói đến văn tế, ta thường nghĩ ngay tới các bài văn tế thời danh như *Văn tế thập loại chúng sinh* của cụ Nguyễn Du, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục Tỉnh...* của cụ Nguyễn Đình Chiểu, hay *Văn tế Phan Chu Trinh*, *Văn tế Nguyễn Thái Học...* của cụ Phan Bội Châu. Tuy nhiên, trước đó khá lâu vào tháng Chạp năm 1802, Tiên quân Nguyễn Văn Thành đã đưa thể văn vần này lên đến đỉnh cao phát triển của nó với *Văn tế tướng sĩ trận vong*.

Nhận định về tác phẩm này, nhà văn hóa Phạm Quỳnh viết: *"Lời đáng ghi vào vàng đá truyền đến muôn đời, khi gióng giả như nhịp trống trong quân, khi tơ bời như ngọn cờ dưới nguyệt, khi mịt mù như cơn gió lốc thổi dẫu kẻ tha hương, khi lập lòe như đám lửa trời soi chùng cổ độ, khi hùng tráng như tiếng gươm tuốt giữa trận, khi lâm li như vượn khóc trên ngàn"*. Quả là một lời tán thưởng không gì sánh kịp. Phải chăng *Văn tế tướng sĩ trận vong* đã đạt được những giá trị tuyệt vời như thế?

Tiên quân Nguyễn Văn Thành sinh năm Đinh Sửu (1757), tiên tổ của ông người Quảng Điền, phủ Thừa Thiên, tăng tổ là Nguyễn Văn Toán dời vào Gia Định. Sử cũ ghi: Nguyễn Văn Thành trạng mạo đẹp đẽ, tính trầm nghị, thích đọc sách, tài võ nghệ. Năm 1773, ông cùng cha là Nguyễn Văn Hiến ra tận đất Phú Yên ngày nay để theo Định vương Nguyễn Phúc Thuần chống Tây Sơn. Khi quân Tây Sơn đánh úp Phú Yên vào tháng 7 năm Ất Mùi 1775 thì cha ông, bấy giờ là Cai đội, tử trận, ông theo một viên quan vào giúp việc giữ đất Phan Rí; sau ông được chúa Nguyễn Phúc Ánh triệu về. Từ đó, ông lập được nhiều chiến công hiển hách Năm 1801, ông lãnh ấn Khâm sai Chương Tiên quân, Bình Tây Đại tướng quân, tước Quận công.

Ông là người văn võ toàn tài. Ngoài việc tham gia nhiều chiến trận với quân Tây Sơn, ông từng giúp nước Xiêm đánh bại Miến Điện âm mưu xâm lược nước này. Năm 1802, sau khi thống nhất được sơn hà, vua Gia Long phong cho ông làm Tổng trấn Bắc thành, ban cho sắc ấn trong ngoài mười một trấn đều thuộc vào cả, các việc truất nhắc quan lại, xử quyết việc án, đều được tiện nghi làm việc. Sau mấy năm dưới sự coi sóc của ông, đất Bắc Hà được yên trị.

Tuy là một võ tướng, Tiên quân Nguyễn Văn Thành lại rất coi trọng việc học. Cùng thời gian sửa sang lại Bắc thành, ông đã cho tu bổ Văn Miếu - Quốc Tử Giám, dựng thêm Khuê Văn Các. Đây là một kiến trúc có giá trị văn hóa và thẩm mỹ, công việc được hoàn thành vào mùa thu năm 1805. Năm 1810, ông được triệu về kinh, lãnh ấn Trung quân, rồi được giao cử chức Tổng tài trong việc soạn bộ *Hoàng Việt Luật Lệ* (thường được gọi là luật Gia Long).

Với cuộc đời chinh chiến gần ba chục năm ròng rã, ông đã đồng cam cộng khổ, vào sinh ra tử với bao nhiêu binh lính. Chính đó là nguồn tư liệu phong phú, là kho thể nghiệm tràn bờ và là suối xúc cảm sâu sắc để ông viết thành công bài văn tế trên.

Ngay từ đầu Tiên quân đã cho ta biết được cuộc chiến oai hùng nhưng không thiếu phần dai dẳng đau thương của 25 năm chinh chiến dưới trướng của vua Gia Long:

Trời Đông Phố¹ vận ra Sốc Cảnh², trải bao phen gian hiểm mới có ngày nay;

Nước Lô Hà³ chảy xuống Lương Giang⁴, nghĩ mấy kẻ điều linh những từ thuở nọ.

Tất nhiên, trong một cuộc chiến bao giờ cũng có nhiều người đã một đi không trở lại cho một khúc khải hoàn ca vang dội. Vẫn biết hòn tên mũi đạn trên chiến trường có

thiên vị gì ai, thế nhưng không ai đã an ủi được các tử sĩ một cách tài tình như ông với những câu sau:

*Cho hay sinh là ký, mà tử là quy;
Mới biết mệnh ấy yếu, mà danh ấy thọ.*

Vâng, ai cũng biết sống gởi thác về (sinh ký tử quy) nhưng ở đây các anh ra đi (mệnh yếu) mà tên tuổi vẫn còn sống mãi trong lòng những người ở lại (danh thọ): Những người con trung can của Tổ quốc. Đọc văn tế của ông, ta cảm thấy như một lời nhắn nhủ cho chính bản thân mình: Danh thơm của một con người mới có giá trị hơn việc sống dài lâu.

Sau này, Quang Dũng với bút pháp tân kỳ hơn cũng đã nói lên cái hình ảnh ra đi hào hùng như thế của người lính trận:

*Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành.*

Với văn phong cổ điển hơn, ông Nguyễn Văn Thành đã viết:

*Đã biết rằng anh hùng thì chẳng quản, trăm trận một trường oanh liệt, cái sinh không, cái tử cũng là không;
Nhưng tiếc cho tạo hóa khéo vô tình, ngàn năm một hội tao phùng, phận thủy có phận chung sao không có.*

Không còn gì để nói cho đầy đủ hơn cái phận người hùng trên chiến trận. Cái tử hay không có phận chung hưởng là tất yếu. *Phong tiêu tiêu hề Dịch thủy hàn / Tráng sĩ nhất khứ hề bất phục hoàn.* Đó là kết cục bi thương của một đời tử sĩ. Họ đã vì cái gì mà can đảm hào hùng đến thế? Vẫn vì một lí do đơn giản như ta đã nói ở trên:

*Dẫn thân cho nước, son sắt một lòng;
Nổi nghĩa cùng thầy, tuyết sơn mấy độ.*

Tình nghĩa cũng như trách nhiệm đều vẹn toàn. Song trong cái bi ai ấy vẫn có cái hùng tráng vì họ đã chấp nhận khi lao vào vòng nguy hiểm:

*... Phận truy tùy, ngấm lại cũng cơ duyên;
Trường tranh đấu, biết đâu là mệnh số.*

Với vô số trải nghiệm chiến trường, Tiền quân Nguyễn Văn Thành đã mô tả được cái cảnh gian nguy ác liệt ở nơi cái sống kể cái chết của một đời chinh chiến. Nào 'Chen chân ngựa quyết giết cờ trong trận' hay 'bắt mũi thuyền toan cướp giáo giữa dòng' là những cảnh tượng hào hùng và sống động nhất của cuộc chiến đấu đầy gay gắt, gan góc từng được mô tả trong văn học cổ điển toàn thế giới. Trong văn học cổ điển khi mà vũ khí chỉ là gươm giáo kiếm cung, có lẽ đây là những dòng thơ tràn đầy xúc cảm:

*... Nằm gai nếm mật, chung nổi ân ưu;
Mở suối bắc cầu, riêng phần lao khổ.*

... Kẻ thời chen chân ngựa quyết giết cờ trong trận, xót lẽ gan vàng mà mệnh bạc, nắm lòng hồng theo đạn lạc tên bay;

Kẻ thời bắt mũi thuyền toan cướp giáo giữa dòng, thương thay phép trọng để thân khinh, phong da ngựa mặc bèo trôi sóng vỗ.

... Hồn tráng sĩ biết đâu miền minh mạc, mịt mù gió lốc, thổi dấu tha hương;



Mặt chinh phụ khôn vẽ nét gian nan, lấp lóe lửa trời, soi chùng cổ độ.

Đọc qua những câu thơ trên, ta không khỏi nhớ lại những âm hưởng buồn ngủi của *Chinh phụ ngâm* mà Đặng Trần Côn đã viết trước đó khá lâu:

*Chí làm trai dậm nghìn da ngựa
Gieo Thái sơn nhẹ tựa hồng mao...
Hồn tử sĩ gió ù ù thổi
Mặt chinh phu trăng dôi dôi soi
Chinh phu tử sĩ mấy người
Nào ai mặc mặt, nào ai gọi hồn...
Trong trường gấm có hay chăng nhỉ?
Mặt chinh phu ai vẽ cho nên...*

Thế nhưng mỗi thể văn có mỗi ưu thế riêng của nó. Qua văn tế này, ta lại cảm nhận được cùng một văn tứ đó nhưng bi thiết hơn ở thể song thất lục bát. Văn biên ngẫu sử dụng phép đối nghiêm chỉnh và nhịp ngắt trắc bằng khắt khe vừa là một thử thách gian nan cho người viết về mặt nội dung vừa làm câu văn có một vẻ đẹp quý phái về mặt hình thức. Trong văn biên ngẫu, câu văn dài ngắn tùy tác giả, có thể tứ lục, có thể cách cú hay gổ hạc khiến một bài văn tế có được sự uyển chuyển gợi cảm chứ không gò bó như các thể văn vần khác.

Ta hãy đọc tiếp để thấy cái tài hoa của võ tướng này khi khắc họa tiếp cuộc đời đầy bi hùng của người lính chiến:

Ôi!

*Cùng lòng trung nghĩa, khác số đoản tu,
Nửa cuộc công danh, chia phần kim cổ.
Đoái là tiếc xương đồng da sắt, thanh bảo kiếm đã
trăm rèn mới có, nộ áo cơm phải trả đến hình hài;
Những là khen dạ đá gan vàng, bóng bạch câu xem nửa
phút như không, ơn dầy đội cũng cam trong phé phũ.
Phận dù không gác khói đài mây;
Danh đã dậy ngàn cây nội cỏ.
Thiệt vì thuở theo cờ trước gió, thân chẳng quản ngàn
sương đem giá, những chờ xem cao thấp bức cân thường;
Tiếc cho khi lỡ bước giữa dòng, kiếp đã về cõi suối làng
mây, nào kịp thấy ít nhiều ơn vũ lộ.*

Vâng, đó là tấm lòng thông hiểu rất chí tình của một người chủ tướng với các thủ hạ của mình. Vâng, đó là nỗi niềm khó nói nên lời của bậc cha anh khi nhìn lại những đóng góp tử sinh của các người con trung nghĩa. Vâng, còn có chăng cũng chỉ là “đoái là tiếc...” hay “những là khen...” mà ngậm ngùi thôi.

Toàn bộ bài *Văn tế tướng sĩ trận vong* của Tiên quân Nguyễn Văn Thành còn có nhiều điều trầm thống nữa cho chúng ta khám phá. Tuy nhiên, nổi bật nhất vẫn là nét tài hoa của nhà võ tướng kiêm văn quan này.

Mọi trường chinh chiến cũng không phải chỉ toàn cảnh đau khổ. Những người lính chiến trong chiều dài của cuộc đấu tranh sống bên nhau còn nảy sinh những tình đồng đội rất thấm thiết. Nói như Chính Hữu viết sau này: *Đêm nay rừng hoang sương muối / Đứng bên nhau chờ giặc tới / Đầu súng trăng treo.*

Là một người cổ điển hơn, ông Nguyễn Văn Thành lại sử dụng một hình ảnh khác, không kém phần cuốn hút. Ta hãy xem ông viết gì?

*Bản chức nay,
Vâng việc biên phòng,
Chạnh niềm viễn thú.
Dưới trường nước mùi chung đỉnh, sực nhớ khi chén
rượu rót đầu ghềnh;
Trong nhà rõ vẻ áo xiêm, chạnh nghĩ buổi tắm cừ
vung trước gió.
Bâng khuâng kẻ khuất với người còn;
Tưởng tượng thấy đầu thì tớ đó.
Vâng, đó là chén rượu rót đầu ghềnh.*

Hãy tưởng tượng một buổi quân nhàn trên sườn núi. Người lính chiến cởi áo bào, treo gươm lên cành cây bên suối. Những lao nhọc của nhịp quân hành hay những căng thẳng của trò chém giết đã trôi qua. Khói thuốc súng dù có làm lem chiến bào, gươm quân địch có chém sượt giáp trụ thì giờ đây cũng là lúc để tâm tình chuyện riêng tư của một đời người thế tục. Không còn là tướng, không còn là quân mà chỉ là những con người như nhau trên cõi thế. Chén rượu được nâng lên và ta hãy cùng nhấp. Tình cảm huynh đệ chi binh đó còn đeo đuổi mãi kẻ còn sống này cho nên dù “sực nước mùi chung đỉnh” vẫn phải “sực” “đoái” “tiếc” và “chạnh” nhớ những ngày chung chia gian khổ.

Hơn thế nữa, người còn sống phải làm nhiều công việc nữa mới đủ tạ ơn những người đã hi sinh:

*Buổi chinh chiến hoặc oan hay dẫu chẳng, cũng chớ
nể kẻ trước người sau, hàng trên lớp dưới, khao thường
rồi sẽ tấu biểu dương cho;*

*Hội thăng bình đừng có nghĩ rằng không, dù ai còn
cha già mẹ yếu, vợ góa con côi, an tập hết cũng ban tôn
tất đủ.*

Tương truyền, khi Tiên quân Nguyễn Văn Thành đọc bài văn tế trên, chung quanh đài lễ mây mù khói nổi, vang vọng tiếng gươm đao chát chúa và vó ngựa hí cuồng. Trên không trung từng luồng gió rít ngang, nghe mơ hồ tiếng than vãn nhớ thương lẫn tiếng chân người rầm rập đi qua. Khi văn tế kết thúc, trời quang mây mù tan hết, cảnh vật chung quanh trở nên tĩnh lặng như cũ. Phải chăng đấy là những oan hồn của bao nhiều binh lính và lương dân đã bỏ mình trong chiến trận hiển linh để nghe văn tế giải oan cho họ?

Quả nhiên, Tiên quân Nguyễn Văn Thành đã để lại cho chúng ta một tác phẩm văn học giá trị về mọi mặt. Mời các bạn hãy tìm đọc lại toàn bộ bài văn tế thời danh nói trên.

Chú thích:

1. Tên cũ của thành Gia Định.
2. Chỉ cõi Bắc.
3. Chỉ sông Tuyên, chảy qua Tuyên Quang.
4. Tên cũ của sông Nhị Hà. ■



Tám yếu tố xây dựng cuộc sống Hạnh phúc vững bền

NGUYỄN THÙY

Đức Phật dạy có tám yếu tố hay tám đức tính mà người gia chủ cần thực hành và phát huy thường xuyên để xây dựng cuộc sống hạnh phúc vững bền, nghĩa là bảo đảm một đời sống thoải mái về vật chất, an lạc về tinh thần được tiến triển ổn định lâu dài, cả đời này và đời sau. Tám yếu tố hay tám đức tính gồm: đầy đủ tháo vát, đầy đủ phòng hộ, làm bạn với thiện, sống thẳng bằng điều hòa, đầy đủ lòng tin, đầy đủ giới đức, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ.

Đầy đủ tháo vát, nghĩa là thiện xảo trong công việc làm ăn, siêng năng cần mẫn, khéo tìm ra giải pháp tối ưu để tự mình giải quyết công việc có hiệu quả và vận dụng nguồn nhân lực lao động có hiệu quả.

Đầy đủ phòng hộ, tức là biết cách gìn giữ bảo vệ hợp pháp các tài sản chính đáng của mình, không để cho các thế lực dòm ngó, không để cho kẻ trộm đục khoét, không để cho thiên tai hỏa hoạn tiêu hủy, không để cho con cái phá tán.

Làm bạn với thiện, nghĩa là có sự thân cận, giao

thiệt và trao đổi thường xuyên với những người hiền đức để học hỏi và phát huy các phẩm chất đạo đức giác ngộ như tín tâm, giới đức, bố thí, trí tuệ.

Sống thẳng bằng điều hòa, nghĩa là biết sử dụng hợp lý các tài sản hay lợi nhuận làm ra để sống một đời sống thích đáng, không phung phí cũng không bòn sẻn. Nói cách khác, người gia chủ cần phải biết cân đối trong thu chi để sinh sống thoải mái hữu ích và để bảo đảm công việc làm ăn được tiến triển vững bền.

Đầy đủ lòng tin, nghĩa là có lòng tin tưởng tôn kính đối với Tam bảo: Phật-Pháp-Tăng.

Đầy đủ giới đức, tức là sống nếp sống đạo đức trong sáng của người tại gia cư sĩ, như không sát hại chúng sinh, không gian tham trộm cắp, không tà tư tà

hạnh, không nói dối, không rượu chè nghiện ngập.

Đầy đủ bố thí, tức là mở tâm bố thí, cúng dường, làm các việc từ thiện hay việc công ích nhằm chia sẻ nỗi khó khăn vất vả của người khác hay góp phần bảo vệ môi trường sống và nâng cao phúc lợi cho cộng đồng.

Đầy đủ trí tuệ, nghĩa là nuôi dưỡng, phát huy và thể hiện sự hiểu biết về lẽ thiện ác, về quy luật nhân quả, về cách thức hướng dẫn đời sống an lạc hay về phương cách loại trừ phiền não khổ đau cho tự thân và cho người khác.

Trên đây là tám yếu tố hay tám đức tính có khả năng giúp cho người tại gia cư sĩ xây dựng cuộc sống hạnh phúc an lạc vững bền theo quan niệm của đạo Phật. Xét các yếu tố vừa được đề cập, chúng ta thấy Đức Phật rất thực tế và sâu sắc khi quan niệm về đời sống hạnh phúc của người tại gia cư sĩ. Đó là việc Ngài nhấn mạnh đến hai yếu tố thiết thực và căn bản trong đời sống của người gia chủ, tức là yếu tố kinh tế-vật chất (đầy đủ thảo vật, đầy đủ phòng hộ, sống thẳng bằng điều hòa) cần phải được tạo lập và duy trì ổn định, song song với yếu tố đạo đức-tâm linh (làm bạn với thiện, đầy đủ tín tâm, đầy đủ giới đức, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ) cần được nuôi dưỡng và phát huy. Chính hai yếu tố này, nghĩa là kinh tế và đạo đức, được cân nhắc và vận dụng đầy đủ, đặt nền móng cho một đời sống tiến triển ổn định và hài hòa, tạo điều kiện cho cá nhân phát huy các tiềm năng sáng suốt và phẩm chất đạo đức tự nội, cho phép con người xây dựng và thưởng thức một đời sống hạnh phúc an lạc vững bền.

Điều đáng lưu ý là cả tám yếu tố trên luôn luôn có sự hỗ trợ và bổ túc cho nhau tạo nên một hệ thống phát triển ổn định và hài hòa về các mặt tích cực hiển thiện của đời sống, có khả năng giúp cho người tại gia cư sĩ tạo lập được một cuộc sống hạnh phúc vững bền theo nghĩa đạt được sự thoải mái ổn định về điều kiện vật chất và tiến triển sâu về mặt đạo đức tâm linh. Hẳn nhiên, một hệ thống phát triển cân đối như vậy về con người cũng gián tiếp tạo nên những chuyển biến tốt đẹp và hài hòa về mặt xã hội bởi tính tương tác tích cực của các yếu tố bên trong nó. Do yếu tố đạo đức được chú ý nhấn mạnh gắn liền với yếu tố kinh tế trong nguyên lý vận hành, nên hệ thống xây dựng cuộc sống hạnh phúc gồm tám yếu tố này là hết sức căn bản cho hướng phát triển ổn định lâu dài đối với con người và xã hội nói chung. Đây là hướng đi của hạnh phúc an lạc mang tính ổn định vững bền mà thuật ngữ đạo Phật gọi là *"pháp hành đưa đến chiến thắng hai đời"*, tức là hạnh phúc đời này và an lạc đời sau. Cũng cần ghi nhận thêm rằng đạo Phật tin tưởng vào luật nhân quả, quan niệm có đời sau, có sự diễn tiến của sự sống tương lai - tốt hay xấu hoàn toàn do hành vi tích tập của chúng sinh, do đó mọi giải pháp được đề xuất bởi đạo Phật đều được đặt trên nền tảng đạo đức hướng thiện, xem đó là hướng đi lợi lạc lâu dài. Nói cách khác, mọi hướng đi của đạo Phật đều được thiết lập và thực hiện



dựa trên luật nhân quả và đều nhắm đến mục tiêu lợi ích lâu dài. Có thể nói rằng tám yếu tố xây dựng cuộc sống hạnh phúc vững bền do Đức Phật giảng dạy đáng được cân nhắc như một gợi ý căn bản hữu ích cho mọi dự án đầu tư và phát triển về con người và xã hội mang tính ổn định và lợi lạc lâu dài. Sau đây chúng ta chiêm nghiệm nguyên văn những lời dạy căn bản của Đức Phật²:

"Này các Tỷ-kheo, có tám đầy đủ này. Thế nào là tám?"

Đầy đủ tháo vát, đầy đủ phòng hộ, làm bạn với thiện, sống thẳng bằng điều hòa, đầy đủ lòng tin, đầy đủ giới đức, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đầy đủ tháo vát?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, phàm thiện nam tử làm nghề gì để sinh sống, hoặc nghề nông, hoặc đi buôn, hoặc nuôi bò, hoặc làm người bán cung, hoặc làm việc cho vua, hoặc bất cứ nghề gì; trong nghề ấy, người ấy thiện xảo, không biết mệt, biết suy tư phương tiện vừa đủ để tự làm và điều khiển người khác làm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đầy đủ tháo vát. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đầy đủ phòng hộ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, những tài sản của thiện nam tử, do tháo vát tinh tấn thân hoạch được, do sức mạnh cánh tay chất chứa được, do mồ hôi đổ ra đúng pháp, thân hoạch được đúng pháp, vị ấy gìn giữ chúng, phòng hộ và bảo vệ. Làm thế nào các tài sản này của ta không bị vua chúa mang đi, không bị trộm cướp mang đi, không bị lửa đốt, không bị nước cuốn trôi, không bị các người con thừa tự không khả ái phá tán. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đầy đủ phòng hộ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là làm bạn với thiện?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, thiện nam tử sống tại làng hay tại thị trấn. Tại đấy có những gia chủ, hay con những người gia chủ, những người trẻ được nuôi lớn trong giới đức, hay những người lớn tuổi được lớn lên trong giới đức, đầy đủ lòng tin, đầy đủ giới đức, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ, vị ấy giao thiệp, nói chuyện, thảo luận với những người ấy. Với những người đầy đủ lòng tin, vị ấy theo học đầy đủ lòng tin; với những người đầy đủ giới đức, vị ấy theo học đầy đủ giới đức; với những người đầy đủ bố thí, vị ấy theo học đầy đủ bố thí; với những người đầy đủ trí tuệ, vị ấy theo học đầy đủ trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là làm bạn với thiện. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sống thẳng bằng điều hòa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, thiện nam tử sau khi biết tài sản nhập, sau khi biết tài sản xuất, sinh sống một cách thẳng bằng điều hòa, không quá phung phí, không quá bôn sên. Người ấy suy nghĩ: "Đây là tiền nhập của ta, sau khi trừ đi tiền xuất, còn lại như vậy; không phải là tiền xuất của ta, sau khi trừ tiền nhập, còn lại như vậy". Ví như, này các Tỷ-kheo, người cầm cân hay đê tử người cầm cân, sau khi cầm cân, biết rằng: "Với chùng ấy, cân nặng xuống; hay với chùng ấy, cân bồng lên". Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thiện nam tử sau khi biết tài sản nhập, sau khi biết tài sản xuất, sinh sống một cách điều hòa, không quá phung phí, không quá bôn sên, người ấy nghĩ rằng: "Đây là tiền nhập

của ta, sau khi trừ đi tiền xuất còn lại như vậy; không phải là tiền xuất của ta, sau khi trừ đi tiền nhập, còn lại như vậy". Này các Tỷ-kheo, nếu thiện nam tử này, tiền nhập vào ít, nhưng sống nếp sống rộng rãi hoang phí, thời người ta nói về người ấy như sau: "Người thiện nam tử này ăn tài sản của người ấy như người ăn trái cây sung". Này các Tỷ-kheo, nếu người thiện nam tử này có tiền nhập lớn, nhưng sống nếp sống cơ cực, thời người ta sẽ nói về người ấy như sau: "Người thiện nam tử này sẽ chết như người chết đói". Khi nào, này các Tỷ-kheo, thiện nam tử sau khi biết tài sản nhập, sau khi biết tài sản xuất, sống nếp sống thẳng bằng điều hòa, không quá phung phí, không quá bôn sên, nghĩ rằng: "Như vậy là tiền nhập của ta, sau khi trừ đi tiền xuất, còn lại như vậy; không phải là tiền xuất của ta, sau khi trừ tiền nhập, còn lại như vậy". Này các Tỷ-kheo, đây gọi là nếp sống thẳng bằng, điều hòa. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đầy đủ lòng tin?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, thiện nam tử có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn... bậc Đạo Sư của chư Thiên và loài Người, Phật, Thế Tôn". Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đầy đủ lòng tin. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đầy đủ giới đức?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, thiện nam tử từ bỏ sát sanh... từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đầy đủ giới đức. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đầy đủ bố thí?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, thiện nam tử sống ở gia đình, với tâm không bị cấu uế xan tham chi phối, bố thí rộng rãi, với bàn tay rộng mở, vui thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, vui thích chia xẻ vật bố thí. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đầy đủ bố thí. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đầy đủ trí tuệ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, thiện nam tử có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, với Thánh thể nhập quyết trạch, chơn chánh chấm dứt khổ đau. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đầy đủ trí tuệ.

*Tháo vát trong công việc,
Không phóng dật, nhanh nhẹn,
Sống đời sống thẳng bằng,
Giữ tài sản thân được,
Có tín, đầy đủ giới,
Bố thí, không xan tham,
Rửa sạch đường thượng đạo,
An toàn trong tương lai,
Đây chính là tám pháp,
Bậc tín chủ tâm cầu,
Bậc chân thật tuyên bố,
Đưa đến lạc hai đời,
Hạnh phúc cho hiện tại,
Và an lạc tương lai".*

Chú thích:

1. Kinh Giáo Thọ Thi Ca La Việt, Trường Bộ.
2. Kinh Đầy đủ (2), Tăng Chi Bộ. ■

Nhân quả đồng thời

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Nhân quả đồng thời được nói một cách cô đọng trong kinh *Pháp Hoa*, kinh *Hoa Nghiêm*... và rải rác trong các kinh điển Đại thừa. Có lẽ người đầu tiên dùng thành ngữ “nhân quả đồng thời” là Đại sư Trí Khải (thế kỷ thứ 6) trong *Pháp Hoa huyền nghĩa* và trong các tác phẩm Thiên Thai tông của ngài, y cứ trên kinh *Pháp Hoa*. Thành ngữ này cũng là một giáo lý chính yếu của Hoa Nghiêm tông vào thế kỷ thứ 7.

Nói một cách vắn tắt và đơn giản, nhân quả đồng thời là quả giác ngộ, quả Phật vốn đã nằm nơi nhân tu hành để đạt đến giác ngộ, để thành Phật.

Nhân quả thành Phật là “nhân địa pháp hạnh của Như Lai” được nói trong kinh *Viên Giác*:

“Bấy giờ Bồ-tát Văn-thù ở trong đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh bên phải ba vòng, chấp tay quỳ thẳng mà bạch rằng: Thế Tôn đại bi, xin vì đại chúng trong Pháp hội này mà giảng nói nhân địa pháp hạnh bản khởi thanh tịnh của Như Lai cùng chỗ phát tâm thanh tịnh của các Bồ-tát trong Đại thừa, làm sao xa lìa các bệnh, khiến cho chúng sanh đời mạt thế sau này cầu nhập Đại thừa khỏi sa vào tà kiến”.

Đức Phật trả lời:

“Thiện nam tử! Bạc Pháp vương Vô thượng có pháp Đại tổng trì Đà-la-ni gọi là Viên Giác, từ Viên Giác này lưu xuất tất cả Chân Như thanh tịnh, Bồ-đề Niết-bàn cùng các Ba-la-mật truyền dạy cho Bồ-tát. Nhân địa bản khởi của tất cả Như Lai là đều y vào tánh giác thanh tịnh tròn đầy soi khắp này mà vĩnh viễn đoạn dứt vô minh, thành tựu Phật đạo”.

Để đạt đến quả giác ngộ viên mãn, để đạt đến quả là cái giác trọn vẹn (Viên Giác), thì nhân cũng là tánh giác. Luận *Đại thừa khởi tín* nói đến Thủy giác và Bản giác. Thủy giác là cái giác nơi người tu, Bản giác là cái giác viên mãn vốn sẵn. Tu hành là thể nghiệm Thủy giác cuối cùng là một với Bản giác.

Trong kinh *Lăng Nghiêm*, Đức Phật nói:

“Nếu các ông muốn tu Bồ-tát thừa để vào tri kiến của Phật, thì nên xét kỹ cái Nhân địa phát tâm và cái Quả địa giác ngộ là đồng nhau hay khác nhau. A Nan! Nếu ở nơi nhân địa mà lấy cái tâm sanh diệt làm gốc, y vào đó mà tu để cầu quả bất sanh bất diệt của Phật thì không thể có chuyện ấy được”.

“Những người tu hành không thành được giác ngộ vô thượng đều do không biết hai thứ căn bản, lầm lộn tu tập, cũng như nấu cát mà muốn thành cơm, dầu trải qua số kiếp nhiều như bụi, rốt cũng chẳng được”.

“Thế nào là hai thứ căn bản? Một là căn bản sanh tử từ vô thủy, tức là ông và các chúng sanh hiện giờ dùng cái tâm bám níu theo duyên (tâm phan duyên) mà làm tự tánh. Hai là thể Bồ-đề Niết-bàn xưa nay vốn thanh tịnh từ vô thủy. Tức là cái chân tâm vốn sáng soi của ông hiện giờ, hay sanh các duyên nhưng ông lại đuổi theo các tướng duyên ấy mà bỏ quên nó. Vì các chúng sanh bỏ quên cái Vốn Tự Sáng này nên tuy trọn ngày sử dụng nó mà chẳng tự biết, oan uổng lạc vào sáu nẻo”.

Kinh *Đại Bát Nhã* nói Bồ-tát phải tu hành tương ưng và ngộ nhập Chân Như hay tánh Không, pháp tánh, thật tế... Chân Như hay tánh Không này là nhân địa tu hành của Bồ-tát:

“Bồ-tát biết các cấp bậc khác nhau: phàm phu, Thanh Văn, Độc Giác, Bồ-tát, Như Lai. Tuy nói có khác nhau, nhưng trong tánh Chân Như của các pháp không có sai khác, không phân biệt, không hai, không hai phần. Bồ-tát này thật sự ngộ nhập Chân Như của các pháp mà trong Chân Như ấy không có sự phân biệt” (Phẩm *Tướng bất thối*).

Một định nghĩa của Chân Như là: “Chân Như Như Lai không đến không đi. Chân Như Tu-bồ-đề cũng không đến không đi, nên nói Tu-bồ-đề theo Như Lai sanh. Chân Như Như Lai tức Chân Như tất cả các pháp. Chân Như Như Lai không ngăn ngại, Chân Như tất cả các pháp cũng không ngăn ngại. Chân Như Như Lai và Chân Như tất cả các pháp đồng một Chân Như, không hai không khác, không tạo không tác. Chân Như Như Lai chẳng quá khứ chẳng vị lai chẳng hiện tại. Chân Như tất cả các pháp cũng chẳng quá khứ chẳng vị lai chẳng hiện tại. Chân Như quá khứ, Chân Như vị lai, Chân Như hiện tại là bình đẳng, và bình đẳng với Chân Như Như Lai, đồng một Chân như, bình đẳng, không hai không khác” (Phẩm *Chân Như*).

Như vậy, quả là sự giác ngộ viên mãn tánh Viên Giác, hay Chân Tâm bất sanh bất diệt, hay Chân Như, Phật tánh... Quả đó có nhân cũng là tánh Viên Giác, Chân Tâm bất sanh bất diệt, Chân Như, Phật Tánh... Nói cách khác, Bồ-đề tâm tương đối trên đó Bồ-tát tu hành, cũng chính là Bồ-đề tâm tuyệt đối.

Điều quan trọng là nhân Phật và quả Phật đều có ngay tại đây và bây giờ. Tin được như vậy và sử dụng thiền định, thiền quán và mọi phương tiện khác (bởi vì mọi pháp môn đều để dẫn vào Chân Như này) thì đến lúc nào đó vô minh bớt dày đặc, chúng ta sẽ trực tiếp thấy cái nhân quả đồng thời ấy. Bởi vì từ vô thủy chúng ta vẫn sống trong cái nhân quả đồng thời ấy dù biết hay không biết.

Dù gọi nó bằng gì, thì nó vẫn có sẵn, vẫn ‘hiện tiền’, ‘như hạt châu trong ché áo’. Công việc đích thực của đạo Phật là chứng ngộ nó, một cách ‘nhân quả đồng thời’, chẳng trải tăng kỳ được Pháp thân, như sự chứng ngộ của ngài A-nan được tường thuật trong kinh *Lăng Nghiêm*. Lục Tổ Huệ Năng cũng đã có một kinh nghiệm trực tiếp và thành linh về cái đó:

Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh
Nào ngờ tự tánh vốn không sanh diệt
Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ
Nào ngờ tự tánh vốn không động lay
Nào ngờ tự tánh sanh ra muôn pháp.

Cũng vì kinh nghiệm ban đầu đó mà về sau, Ngài dạy trong câu nói mở đầu của kinh *Pháp Bảo Đàn*: “Này các thiện tri thức! Bồ-đề tự tánh vốn vẫn thanh tịnh, chỉ dùng tâm ấy hãm thành Phật ngay”.

Chính vì cái nhân quả đồng thời vốn tròn đầy, sẵn đủ và trực tiếp tức thời này mà Thiền tông được gọi là Đốn giáo, Hoa Nghiêm tông và Thiên Thai tông được gọi là Viên giáo, và truyền thống Ấn-Tạng gọi là Đại Toàn Thiện (Mahasandhi, Dzogchen) của phái Nyingma, là

Đại Ấn (Mahamudra) của phái Kagyu... Tịnh Độ cũng y cứ trên cái nhân quả đồng thời này: “Thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật”. Tâm ấy làm Phật (niệm Phật, quán tưởng Phật), tâm ấy là Phật.

Trước hết, chúng ta nhận thấy rằng nhân quả đồng thời không phải là một lý thuyết, dù lý thuyết ấy được rút ra từ kinh điển, mà là một sự thực do tâm chứng. Nhân quả đồng thời không phải là một lý thuyết để các tông phái tranh luận tông nào hơn kém, cao thấp, mà thực ra, ở cực điểm của kinh nào, tông nào, đều có cái nhân quả đồng thời này, dù gọi bằng cái tên nào khác. Nhân quả đồng thời là một sự thực do tâm chứng, thế nên tùy vào mức độ thanh tịnh của tâm đến đâu, người ta sẽ thấy nhân và quả là đồng thời đến đó. *Kinh Duy-ma-cật* nói: “Tùy theo tâm thanh tịnh mà cõi Phật thanh tịnh”. Tâm thanh tịnh và cõi Phật thanh tịnh là nhân quả đồng thời. Một thành ngữ khác thường được nói nhiều trong Đại thừa, “Sanh tử tức Niết-bàn”, đây cũng là nhân quả đồng thời.

Sau đây chúng ta tìm hiểu thêm về cái nhân quả đồng thời ấy, nhất là trong các tông phái, để thấy tất cả đều quay về cái nhân quả đồng thời này.

- Nhân quả đồng thời nghĩa là Nhân tức là Quả, Quả tức là Nhân. Nói theo hệ thống Bát Nhã, Nhân tức là Quả, Quả tức là Nhân nghĩa là “Sắc tức là Không, Không tức là Sắc. Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng đều như vậy”.

Ở đây, thế giới hiện tượng chính là thế giới bản tánh, chân lý tương đối (tục đế) chính là chân lý tuyệt đối (chân đế).

- Theo hệ thống *Duy Thức*, Nhân tức là Quả nghĩa là Thức tức là Trí, toàn Thức là Trí.

Kinh Lăng-già nói:

Biển tàng thức thường trụ
Gió cảnh giới khởi lên
Lớp lớp các sóng thức
Nhấp nhò mà chuyển sanh.
Sắc thanh hương vị xúc
Cả thấy các tướng trạng
Chẳng khác không chẳng khác
Như biển và sóng biển
Bảy thức cũng như vậy
Đều là tâm duyên sanh
Ví như biển nước động
Có lớp lớp sóng chuyển
Bảy thức cũng như vậy
Trong tâm hòa hợp sanh.
Tâm ý và các thức
Tướng trạng được phân biệt
Tám thức chẳng lia nhau
Ví cùng một bản tánh
Ví như biển và sóng
Hoàn toàn không sai biệt.

Các Thức (tất cả Nhân) tức là Tâm, hay Trí (hoàn toàn Quả); toàn Thức tức là Trí là như vậy.

- Nhân quả đồng thời là trong nhân địa, không có thời gian và không gian ngăn cách. Thế nên Thiên tông nói: 'Đương xứ tiện thị', 'Xanh xanh trúc biếc, trọn là Pháp thân, rở rở hoa vàng, không gì chẳng phải là Bát Nhã'.

Kinh *Pháp Hoa* nói (ở đây chỉ trích ra một đoạn ngắn):

Hoặc ở nơi đồng trống
Đắp đất thành chùa tháp
Nhấn đến trẻ con giỡn
Gom cát thành tháp Phật
Những hạng người như thế
Đều đã thành Phật đạo.
Hoặc người lòng vui mừng
Ca ngâm tán thán Phật
Nhấn đến một tiếng nhỏ
Đều đã thành Phật đạo.
Nhấn người lòng tán loạn
Bước vào trong chùa tháp
Một xung Nam mô Phật
Đều đã thành Phật đạo...

- Trong cái nhìn thấu suốt của kinh *Viên Giác*, thì "Tất cả chúng sanh bỗng lai thành Phật, sinh tử Niết-bàn như giấc mộng đêm qua".

Toàn tướng tức tánh, toàn bóng là gương, toàn sóng là nước, thể dụng không hai. Khi con sử tử làm bằng vàng thì mỗi đầu lông đều là vàng. Khi tâm là Chân Không Chân Như thì mọi khởi niệm đều là Chân Không Chân Như.

Kinh *Viên Giác* nói: "Thiện nam tử! Tất cả chướng ngại tức là cứu cánh giác; chánh niệm hay thất niệm không gì chẳng phải là giải thoát; pháp thành hay pháp hoại đều là Niết-bàn; trí huệ hay vô minh cũng là Bát-nhã; chỗ thành tựu của Bồ-tát hay của ngoại đạo đều là Bồ-đề; vô minh và Chân Như không khác cảnh giới; chúng sanh và quốc độ đồng một pháp tánh, hữu tình vô tình đồng thành Phật đạo; hết thầy phiền não là giải thoát rốt ráo. Biển huệ pháp giới chiếu suốt các tướng cũng như hư không. Đây gọi là Như Lai tùy thuận tánh Viên Giác".

- Nhân quả đồng thời là nhân cùng một bản tánh với quả. Như vậy, một địa là cùng một bản tánh với tất cả các địa khác, kể cả Phật địa. Thế nên trong một địa có tất cả các địa. Tất cả các địa bao gồm trong một địa.

Mười địa của Bồ-tát Pháp thân chỉ là một địa là Phật địa, nhưng sở dĩ chia thành mười địa vì phiền não chướng và sở tri chướng của hành giả Bồ-tát có cấp độ nặng nhẹ, sâu cạn khác nhau. Pháp thân Chân Như thì 'không sanh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm', soi suốt vô ngại không có chỗ khác nhau, nhưng vì có sự che chướng ở bản thân hành giả mà có địa sai khác. Điều này là cơ sở cho Đốn giáo và Viên giáo. Thí dụ như Long Nữ tức thời thành Phật trong kinh *Pháp Hoa*. Kinh *Hoa Nghiêm* nói "sơ phát tâm đã thành Chánh Giác".

Nhân quả đồng thời là Nhân đồng một bản tánh, đồng một vị với Quả. Chính vì nhân quả đồng thời đồng một bản tánh, đồng một vị ở tất cả các pháp môn mà Phật pháp bình đẳng và trực tiếp ở khắp tất cả. Bất cứ

thời gian nào không gian nào và bằng bất cứ phương tiện pháp môn nào người ta cũng có thể trực tiếp tiếp xúc và hưởng thụ Phật pháp, tùy theo mức độ thanh tịnh của tâm mình. Chẳng hạn giữ một giới trong năm giới, chúng ta hưởng thụ được ngay sự thanh tịnh của Phật pháp mà cũng là sự thanh tịnh của tâm mình. Sự thanh tịnh ấy ở khắp tất cả nơi chốn, tất cả thời gian, tất cả pháp môn. Tùy tâm chúng ta bị che chướng nhiều hay ít mà sự thanh tịnh ấy hiển lộ ít hay nhiều.

Nhân quả có đồng thời hay không và đồng thời đến mức độ nào là do tâm ta có thanh tịnh hay không và thanh tịnh đến mức độ nào.

- Nhân quả đồng thời là nhân quả không hai, không khác. Đây là cái được gọi là Nhất thừa: tăng tục, thánh phàm không hai, không khác (Trần Thái Tông), đời đạo không hai, không khác (Trần Nhân Tông), sanh tử Niết-bàn không hai, không khác (Huệ Trung Thượng sĩ).

Trên nền tảng Nhất thừa 'bỏ lai thành Phật' này, một giờ ngồi thiền là một giờ làm Phật, cả ngày làm việc gì cũng là Phật sự. Suốt ngày sống trong nhân quả đồng thời là suốt ngày làm Phật.

Như thế, mỗi một pháp môn cho đến mỗi một hành vi cử chỉ đều là sự biểu lộ của bản tánh Phật, như một bọt sóng là sự biểu lộ của tất cả đại dương.

- Dùng thuật ngữ của Phật giáo Ấn - Tạng, đạo Phật gồm có Nền Tảng, Con Đường và Quả. Trong bối cảnh nhân quả đồng thời, Nền Tảng cũng chính là Quả. Thế nên Con Đường đi từ Nền Tảng đến Quả cũng là Con Đường đi trong Nền Tảng, Con Đường đi trong Quả. Đây là điều được gọi là Quả thừa (Phalayana) thay vì Nhân thừa (Hetuyana).

Chúng ta nhớ con đường của Thiện Tài đồng tử trong kinh *Hoa Nghiêm* đến với 53 vị Thầy, mà vị Thầy đầu tiên là Văn-thù và vị Thầy cuối cùng là Phổ Hiền. Con đường ấy là con đường hoan hỷ an vui và hăng say vì con đường ấy đi trong Quả (tức là Pháp thân) của Phật Tỳ-lô-giá-na với những vị thầy đã từng ngộ nhập Pháp thân Tỳ-lô-giá-na. Nói cách khác, con đường tu hành ấy luôn luôn đi trong Phật, không thể làm cái gì khác ngoài Phật. Con đường ấy là con đường trong Phật bằng chất liệu Phật, chặng đầu, chặng giữa và chặng cuối đều là Phật.

Cũng theo truyền thống Ấn - Tạng, con đường của hành giả gồm Cái Thấy hay Thấy Hiểu (kiến giải), Thiền, Hạnh và Quả.

Cái Thấy hay Thấy Hiểu là thấy hiểu sự bất nhị của tướng và tánh, của sắc và Không, của sanh tử và Niết-bàn. Nói cách khác, thấy hiểu rằng mình đang hiện hữu trong Nền Tảng hay Quả, trong Phật.

Thiền định là tâm thức không rời khỏi Cái Thấy ấy, càng lúc càng đi sâu vào Cái Thấy ấy.

Hạnh là mọi hoạt động, mọi ý nghĩ đều thấm đẫm Cái Thấy Nền Tảng đến độ toàn bộ đời sống đều được chuyển hóa thành Tâm Phật (Chánh báo) và cõi Phật (Y báo).

Quả là thân, ngữ, tâm của hành giả được chuyển hóa thành thân, ngữ, tâm của một vị Phật. ■



Phòng hộ nhờ Quán niệm

NYANAPONIKA THERA
LÂM HẠNH NHIÊN trích dịch

Người thiết tha dâng hiến đời mình cho việc tự hoàn thiện về đạo đức, tự phát triển về tâm linh sẽ có một ảnh hưởng năng động và mạnh mẽ cho điều tốt trong cuộc đời, ngay cả khi người ấy không tham gia vào bất kỳ hoạt động nào có tính cách phục vụ xã hội.

Kinh Tương ứng Niệm xứ số 19 có thuật lại việc Đức Phật kể cho các Tỳ-kheo câu chuyện như sau: Hồi trước có một đôi nghệ sĩ tung hứng chuyên trình diễn các màn nhào lộn trên một cây sào tre. Một hôm, người thầy bảo người học việc: “Con đứng lên vai ta rồi leo lên cây sào tre”. Sau khi người học việc thực hiện mệnh lệnh ấy, người thầy lại nói, “Bây giờ thì con hãy bảo vệ ta và ta sẽ bảo vệ con. Bằng cách quán sát và bảo vệ lẫn nhau như vậy, chúng ta sẽ có thể biểu diễn tài năng của mình, kiếm được tiền và sẽ leo xuống khỏi cây sào tre một cách an toàn”. Nhưng người học việc trả lời, “Không phải vậy,

thưa thầy! Thầy nên tự bảo vệ lấy mình, và con cũng tự bảo vệ con. Tự bảo vệ và tự cảnh giác như vậy, thầy trò ta sẽ trình bày màn biểu diễn của mình an toàn”.

Đức Thế Tôn cho rằng đó là biện pháp thích hợp và nói thêm như sau, “Giống như điều người học việc nói, ‘Con sẽ tự phòng hộ’, Tứ niệm xứ cần được thực hành như vậy; ‘Con sẽ phòng hộ người khác’, Tứ niệm xứ cần được thực hành như vậy. Đang khi tự phòng hộ, hành giả phòng hộ người khác; đang khi phòng hộ người khác, hành giả tự phòng hộ mình. Và, làm thế nào để một người, trong lúc tự phòng hộ mình, phòng hộ được cho người khác? Bằng cách thường xuyên thực hành thiền định. Và làm thế nào

để một người, trong lúc phòng hộ người khác, tự phòng hộ cho mình? Bằng nhẫn nhục và độ lượng, bằng cuộc sống không gây hại và không bạo lực, bằng từ ái và bi mẫn”.

Bài kinh này thuộc về số lượng đáng kể những giáo pháp thực tiễn nổi bật và quan trọng của Đức Phật vẫn bị lãng quên như một kho báu bị chôn vùi, ít được biết đến và không được áp dụng. Thế nhưng bản kinh này mang một thông điệp quan trọng và việc bản kinh này được gắn với kinh *Niệm xứ* càng nhắc nhở chúng ta phải quan tâm hơn.

Cá nhân và xã hội

Bản kinh bàn tới mối liên hệ giữa chúng ta với những người chung quanh, giữa cá nhân với xã hội. Bản kinh kết luận một cách cô đọng về thái độ của Đức Phật đối với những vấn đề về đạo đức xã hội và cá nhân, về thói vị kỷ và lòng vị tha. Ý chính của bản kinh chứa đựng trong hai câu ngắn gọn: *Đang khi tự phòng hộ, hành giả phòng hộ người khác. Đang khi phòng hộ người khác, hành giả tự phòng hộ.* Hai câu này bổ túc cho nhau và không thể được trích dẫn riêng lẻ. Ngày nay, khi hoạt động xã hội được nhấn mạnh thái quá, con người có thể bị xúi giục để hỗ trợ cho những ý tưởng của họ bằng cách chỉ trích dẫn câu sau. Nhưng bất kỳ trường hợp trích dẫn một phía nào như thế cũng đều làm sai lệch lời dạy của Đức Phật. Cần nhớ rằng trong câu chuyện dẫn chúng ở trên, Đức Phật hiển nhiên đã chấp nhận phát biểu của người học việc, rằng trước hết người ta phải cẩn thận quán sát các bước đi của chính mình nếu người ấy muốn bảo vệ người khác trước những họa hại. Kẻ đã tự mình lún trong bùn thì chẳng thể nào giúp người khác thoát khỏi chỗ lầy. Trong ý nghĩa ấy, việc tự phòng hộ hình thành một nền tảng không thể thiếu cho việc phòng hộ và giúp đỡ kẻ khác. Tự phòng hộ không phải là sự phòng hộ ích kỷ. Nó chính là sự tự kiểm soát, tự phát triển về đạo đức và tâm linh.

Có vài sự thật lớn lao, sâu sắc, và đầy đủ đến mức có vẻ như những sự thật ấy có tầm quan trọng mở rộng mãi, vẫn phát triển cùng với tâm hiểu biết và mức độ thực tập của từng cá nhân. Những sự thật ấy được áp dụng trên những mức độ hiểu biết khác nhau và có giá trị giữa những bối cảnh khác nhau trong đời sống của chúng ta. Sau khi đạt tới mức độ thứ nhất hoặc thứ hai, hành giả sẽ ngạc nhiên thấy rằng những viễn tượng mới cứ lần lần tự mở rộng ra cho sự hiểu biết của chúng ta, được soi sáng bởi cùng sự thật ấy. Điều đó cũng áp dụng được cho cái chân lý kép của bản kinh vẫn đang được chúng ta xem xét về một vài chi tiết.

“Đang khi tự phòng hộ, hành giả phòng hộ người khác” – chân lý trong phát biểu này bắt đầu ở một mức độ thực tiễn và hết sức đơn giản. Mức độ cụ thể đầu tiên của sự thật này có tính cách hiển nhiên đến mức chúng ta chỉ cần nói thêm vài lời. Rõ ràng là việc bảo vệ cho sức khỏe của chính mình sẽ góp phần vào việc bảo vệ sức khỏe

cho người khác trong môi trường sống của ta, đặc biệt là khi có bệnh truyền nhiễm. Thận trọng trong mọi hành vi cử chỉ của chúng ta sẽ bảo vệ cho người khác tránh được những họa hại mà sự bất cẩn hay sự phóng túng của ta có thể mang lại. Lái xe cẩn thận, không uống rượu, biết tự kiểm chế trong những hoàn cảnh có thể gây nên bạo lực... bằng cách đó và nhiều trường hợp khác, chúng ta sẽ bảo vệ cho người khác khi bảo vệ chính mình.

Mức độ đạo đức

Nay chúng ta tiến đến mức độ đạo đức của sự thật ấy. Sự tự phòng hộ về mặt đạo đức sẽ che chở được cho người khác, cả về mặt cá nhân lẫn trên phương diện xã hội, trước những đam mê vô độ và những thôi thúc vị kỷ của ta. Nếu chúng ta cho phép tam độc – tham, sân, và si – lập căn cứ vững chắc trong tâm mình, khi ấy hoa trái của chúng sẽ đâm chồi nảy lộc giống như dây leo hoang dại, bóp nghẹt mọi sự tăng trưởng lành mạnh và cao quý ở chung quanh. Nhưng nếu ta biết tự phòng hộ chống lại ba nguồn ác ấy, những người chung quanh ta cũng sẽ được an toàn. Họ sẽ an toàn thoát khỏi sự liễu lĩnh vì lòng tham đắm tài sản và quyền lực, tính trăng hoa, sự ganh ghét và lòng ghen tương của ta; an toàn trước những hậu quả tàn phá của lòng căm ghét và tính thù hằn của ta vốn có thể gây nên phá hoại hoặc chết chóc; an toàn trước sự bột phát lòng tức giận của ta cũng như trước cái không khí đối kháng và mâu thuẫn đang hình thành có thể làm cho cuộc sống trở nên không thể chịu đựng nổi đối với họ.

Những tác động tai hại của lòng tham và sự hận thù của ta trên người khác không chỉ bị giới hạn ở thời điểm họ trở thành đối tượng thụ động hay nạn nhân của lòng căm ghét của ta, hoặc khi tài sản của họ trở thành đối tượng cho lòng tham của ta. Cả lòng tham và sự hận thù có một năng lực lây nhiễm sẵn sàng nhân rộng cái tác động tai hại của chúng. Nếu chính ta không nghĩ gì khác hơn khao khát và chiếm đoạt, đạt được và sở hữu, chiếm giữ và bảo vệ... chúng ta cũng có thể khơi gợi hay củng cố những bản năng ấy nơi người khác phẩm hạnh xấu xa của ta có thể trở thành tiêu chuẩn cho thái độ và hành vi của những người chung quanh ta, cho con ta, bạn bè ta, đồng nghiệp ta... Phẩm hạnh của chính ta có thể xui khiến người khác tham gia vào sự thỏa mãn chung của những khát vọng cướp bóc; hoặc chúng ta có thể khơi gợi những tình cảm oán giận và tranh đoạt. Nếu ta có đầy nhục dục, ta cũng có thể thấp sáng lửa dâm dục nơi người khác. Lòng căm hận của ta có thể thúc đẩy người khác căm hận và trả thù. Ta cũng có thể liên kết với kẻ khác hoặc xúi giục họ tham gia vào những hành động chung của sự căm hận và thù hằn. Rõ ràng lòng tham và sự căm hận giống như bệnh truyền nhiễm. Nếu ta tự phòng hộ mình chống lại những căn bệnh truyền nhiễm ấy, ở một mức độ nào đó, ít nhất ta cũng phòng hộ cho người khác.

Sự phòng hộ nhờ vào Tuệ giác

Về căn nguyên thứ ba của ác hạnh, si hay vô minh, ta biết rất rõ vô số họa hại có thể gây ra cho kẻ khác chỉ vì sự ngu muội, sự thiếu suy nghĩ, thiên kiến, ảo tưởng... của chỉ một người. Thiếu kiến thức và tuệ giác, những cố gắng tự bảo vệ hay bảo vệ người khác thường thất bại. Người ta chỉ thấy được nguy hiểm khi đã quá trễ, không dự liệu cho tương lai, không biết được những phương tiện có hiệu quả cho việc phòng hộ và giúp đỡ. Cho nên, việc tự phòng hộ nhờ kiến thức và tuệ giác là điều rất quan trọng. Có được kiến thức và tuệ giác, ta bảo vệ được người khác tránh được những hậu quả tai hại do ngu dốt, thiên kiến, cuồng tín và ảo tưởng. Lịch sử cho thấy những ảo tưởng của đám đông mang tính tàn phá lớn lao thường được nhen nhúm bởi chỉ một người hay một nhóm người ít ỏi. Tự bảo vệ nhờ kiến thức và tuệ giác sẽ bảo vệ người khác khỏi những tác động xấu xa cùng cực của những ảnh hưởng như thế.

Ở đây, ta chỉ nêu ra một cách ngắn gọn rằng đời sống cá nhân của ta có thể có những ảnh hưởng lớn lao đến đời sống của những người khác như thế nào. Nếu ta bỏ mặc không giải quyết những cội nguồn tội ác xã hội tiềm tàng hay hiện hành trong chính bản tâm mình, hoạt động xã hội bên ngoài của ta sẽ chỉ là phù phiếm và bất toàn. Thế nên, nếu ta bị thúc đẩy bởi tinh thần trách nhiệm xã hội, ta không được phép lơ là nhiệm vụ nặng nề của việc tự phát triển về phương diện đạo đức và tâm linh. Bận tâm với trách nhiệm xã hội không thể được coi là lý do để tránh né nghĩa vụ đầu tiên của con người, là hãy dọn dẹp ngôi nhà tâm thức của chính mình.

Mặt khác, người thiết tha dâng hiến đời mình cho việc tự hoàn thiện về đạo đức, tự phát triển về tâm linh sẽ có một ảnh hưởng năng động và mạnh mẽ cho điều tốt trong cuộc đời, ngay cả khi người ấy không tham gia vào bất kỳ hoạt động nào có tính cách phục vụ xã hội. Chỉ riêng cái gương im lặng của người ấy thôi cũng sẽ mang lại sự giúp đỡ và khuyến khích cho nhiều người, bằng cách chỉ ra rằng những lý tưởng của một cuộc sống vô ngã và bất hại có thể thực hiện được một cách thực tế chứ không chỉ là những chủ đề của những lời thuyết giáo suông.

Nguồn: *Satipatthana Samyutta - Protection through Satipatthana*, Nyanaponika Thera, trích từ *eng. buddhapi.com*

Nyanaponika Thera (1901 – 1994) được truyền giới theo Phật giáo Nguyên thủy bởi Đại sư Nyanatiloka Thera vào năm 1936 tại Tích Lan. Ngài nguyên là người Đức gốc Do Thái, thế danh là Siegmund Feniger. Ngài là người đồng sáng lập Buddhist Publication Society, là một tác giả của nhiều tác phẩm Phật học thời danh và là thầy của nhiều nhà lãnh đạo Phật giáo phương Tây nổi tiếng. ■



Ai thoát điềm lành dữ

TẤN NGHĨA

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm, bậc Đạo sư đã kể lại về một người Bà-la-môn giỏi đoán những điềm báo cho là được thể hiện trên y phục. Truyền thuyết nói rằng thời ấy ở thành Vương Xá, có một người Bà-la-môn giàu có nhưng hết sức mê tín.

Một hôm, sau khi tắm xong, người Bà-la-môn bảo đem y phục lại và được báo cho biết là áo của ông đã bị một con chuột cắn cái cắn. Người ấy suy nghĩ, “quần áo bị chuột cắn là trong nhà sắp xảy ra đại nạn. Đây là một điềm xấu, như lời nguyên rủa”.

Chuyện tương tự như vậy xảy ra rất nhiều trong đời. Bà già chuẩn bị đi bán hàng, ra đến đầu ngõ gặp... gái (chứ không phải gặp anh hùng). Bà quay trở lại nhà vì nghĩ rằng quá... xui xẻo, nếu đi thì buôn bán không được. Một cô mới sáng sớm mở cửa hàng, có người đến xem hàng xem họ... rồi chẳng chịu mua. Thế là cô mắng té tát người đó vì sợ xui cả ngày. Nếu lỡ gặp người nào... nặng vía (?) thì dù có mở hàng cô cũng nhất định không bán. Nhiều người khi đi chợ, không dám mua mở hàng vì sợ cô hàng xinh đẹp... ế hàng cả ngày sẽ rủa mình một trận. Hoàn toàn tương tự, hàng năm, giới buôn bán đều nhờ thầy xem cho ngày khai trương. Thấy bảo mừng ba tốt thì các cửa hàng đều đồng loạt khai trương, có lẽ vì nhiều thầy nhưng... cùng một sách. Nếu thầy phán mừng bốn sát chủ thì

không ai dám mở cửa hàng. Vài năm gần đây, nhiều cửa hàng mở cửa bán luôn qua Tết, không nghỉ. Thế là việc khai trương không còn nữa, vì có đóng cửa ăn Tết đầu mà khai trương.

Khi áo bị chuột cắn thì không thể cho con trai, con gái, nô tỳ hay người làm công... Ai lấy y phục này, đại nạn sẽ đến với người chung quanh. Ta hãy quăng nó vào nghĩa địa, chỗ quăng xác chết. Nhưng không thể giao cho những nô tỳ làm việc này. Chúng có thể khởi lòng tham, lấy bộ y phục ấy và gặp nạn. Người Bà-la-môn cho gọi con trai và nói rõ sự việc ấy: “Này con thân, chớ lấy tay chạm vào cái áo này. Hãy lấy gậy mang nó quăng vào nghĩa địa rồi tắm cả đầu cho thật sạch”.

Ông Bà-la-môn này tốt bụng. Ông sợ cái áo xui xẻo kia sẽ gây đại nạn cho người khác. Trong môi trường cạnh tranh hiện nay, thị trường là chiến trường, doanh nghiệp A có thể sẽ tìm cách hạ thấp uy tín của doanh nghiệp B. Chuyện xui xẻo cho A thành chuyện may của B. Những gì đem lại may mắn phải tìm cách giành cho được. Chuyện chen lấn nhau để lấy được ấn đến Trần là biểu hiện tâm lý đó của một số người. Ông Bà-la-môn trong truyện không có tâm lý đó.

Sáng sớm ngày hôm đó, bậc Đạo sư nhìn xem có ai mà ngài có thể hóa độ. Ngài thấy người cha và người con ấy có căn duyên với quả Dự lưu. Như người thợ săn thú, Ngài đi theo con đường thú đi và ngồi trước cửa nghĩa địa ấy,

phóng ra hào quang sáu sắc của Đức Phật.

Đức Phật thấy được sự tốt bụng của cha con ông Bà-la-môn. Ngài biết rằng chỉ cần giúp cho họ tin vào nhân quả, tin rằng mọi sự đều có nguyên nhân từ chính mình, rằng làm điều tốt sẽ được điều tốt, làm điều xấu sẽ gặp điều xấu, thì họ sẽ không còn mê tín điều lành dữ nữa.

Thanh niên trẻ Bà-la-môn vâng theo lời cha, mang bộ y phục trên đầu một cây gậy, như mang con rắn độc và đi đến cửa nghĩa địa. Bậc Đạo sư hỏi:

- Nay thanh niên, làm gì vậy?

- Thưa Tôn giả Gotama, bộ y phục này bị con chuột cái cắn, được xem là lời nguyền rủa, được ví như nọc độc con rắn. Cha tôi sợ rằng nếu giao cho người khác quăng bộ y phục này, họ có thể khởi lòng tham và lấy dùng, nên mới sai tôi. Tôi cảm lấy bộ y phục, hứa rằng tôi sẽ quăng và sẽ tắm cả đầu. Tôi đến đây là vậy, thưa Tôn giả Gotama!

- Vậy người hãy quăng đi!

Thanh niên Bà-la-môn quăng bộ y phục ấy. Bậc Đạo sư nói:

- Y phục này thích hợp với chúng tôi.

- Tôn giả Gotama, chớ có lấy bộ y phục bị nguyền rủa này.

Đức Phật vẫn lấy bộ y phục và đi về hướng Trúc Lâm.

Nhận luôn vật mang điềm xấu, Đức Phật đã làm cho anh thanh niên bối rối, vì nó ngược với suy nghĩ thông thường. Điều xui xẻo chỉ xảy ra do hành động xấu trong quá khứ của mình. Điều may mắn chỉ xảy ra do hành động tốt trong quá khứ của mình. Do đó, nếu bị xui xẻo, không phải chỉ do ra ngõ gặp gái, không phải chỉ do khách hàng... nặng vía, không phải chỉ do khai trương không đúng ngày. Nếu được may mắn thì chắc chắn phải do ấn đến Trần. Nếu nhận thức được điều ấy, người ta sẽ không phải chen lấn lấy bằng được ấn đến Trần. Nếu nhận thức được điều này, chủ cửa hàng sẽ không mắng khách hàng nữa mà còn... cảm ơn. Cảm ơn vì biết phước đức của mình mỏng... như cánh hoa tường vi, lẽ đương nhiên là chẳng có ma nào ghé vào cửa hàng của mình. Nay có một người ghé, dù chẳng mua, cũng là đã tốt hơn nhiều. Lẽ ra là phải cảm ơn thay vì chửi mắng.

Thanh niên đi rất mau về thưa với cha:

- Thưa cha, bộ y phục con quăng ở nghĩa địa; nhưng dù con ngăn cản, Sa-môn Gotama vẫn lấy vì cho là thích hợp và đã đi đến Trúc Lâm!

Người Bà-la-môn suy nghĩ:

- Bộ y phục ấy là điềm xấu, giống như bị nguyền rủa. Dùng nó, Sa-môn Gotama sẽ bị tai hại. Do vậy chúng ta sẽ bị chỉ trích. Ta sẽ đem cho Sa-môn Gotama nhiều y phục khác và khiến Sa-môn Gotama quăng bộ y phục ấy đi!

Người Bà-la-môn này quả thật có quan tâm đến người khác. Ngoài ra, ông còn sợ bị mang tiếng nếu Đức Phật bị tai nạn vì sử dụng cái áo bị chuột cắn. Do đó, ông định đem đến cho Đức Phật nhiều áo khác để thay thế.

Người Bà-la-môn cùng với con trai đi đến Trúc Lâm, thấy Bậc Đạo sư, đứng một bên và thưa:

- Thưa Tôn giả Gotama, có thật chăng, Tôn giả có lấy một bộ y phục bị vút ở nghĩa địa?

- Thật vậy, này người Bà-la-môn!

- Thưa Tôn giả Gotama, y phục ấy sẽ mang lại điềm xấu. Nếu Tôn giả sử dụng nó sẽ bị tai hại và cả tinh xá cũng sẽ bị tai hại. Nếu Tôn giả không có áo mặc hay áo đắp, hãy lấy những áo này và vút y phục kia đi.

- Này người Bà-la-môn, chúng tôi là người xuất gia. Đối với chúng tôi các mảnh vải vút tại nghĩa địa, giữa đường, đồng rác, chỗ tắm rửa vẫn còn có thể dùng được. Ông vẫn mê tín điềm lành dữ như thuở xưa.

Đức Phật kể lại câu chuyện trong một đời trước, câu chuyện đã từng xảy ra tương tự. Sau khi kể câu chuyện xưa, Bậc Đạo sư đọc bài kệ:

Ai thoát điềm lành dữ

Thoát mộng và các tướng

Vị ấy vượt qua được

Lỗi lầm điềm lành dữ

Hai ách được nhiếp phục

Không còn phải tái sanh.

Câu chuyện thuật tiếp rằng dựa vào bài kệ nói trên, bậc Đạo sư thuyết pháp cho vị Bà-la-môn. Ngài cũng giảng cho hai cha con người Bà-la-môn về Bốn sự thật. Cuối bài thuyết giảng, vị Bà-la-môn cùng với người con trai đều chứng quả Dự lưu. ■





Giải thoát thân, giải thoát tâm: việc kết nối Yoga với Phật giáo

MICHAEL STONE
NGUYỄN VĂN NGHỆ dịch

Đã nhiều năm qua, tôi càng ngày càng thấy bức xúc vì yoga cứ liên tục bị người ta hạ thấp xuống chỉ còn là một cách luyện thân và Phật giáo chỉ là một cách luyện tâm. Tôi chẳng thể nào hiểu được. Bất cứ ai đã rèn luyện sâu trong cả hai truyền thống đều biết rằng Đức Phật chú ý đến thân còn Patanjali chú ý đến tâm; và cả hai truyền thống này đều coi trọng giới luật và những cam kết về đạo đức để làm nền tảng cho một cuộc sống thích hợp. Tôi đã thành lập một cộng đồng ở Toronto có tên là Trung tâm Gravity Sangha, một cộng đồng đang phát triển mạnh gồm những người quan tâm đến việc hợp nhất những cách luyện tập theo yoga và theo đạo Phật.

Trong giáo lý của Đức Phật, thân được sử dụng làm đối tượng chính yếu của thiền định, để cho người ta có thể tìm hiểu vũ trụ không phải qua sách vở hay lý thuyết mà là qua trải nghiệm chủ quan của mình. Tương tự như vậy, các tư thế yoga, khi được tập luyện kết hợp với hơi thở

và cảm xúc, sẽ trở thành những cơ hội cho người ta thực hành quán niệm sâu sắc vì những tư thế đó được tạo nên để làm dịu hệ thần kinh. Những điều này đã cho chúng ta thấy được các vấn đề cơ bản. Khi chúng ta thực hiện những động tác khác nhau của các tư thế yoga và làm cho những động tác đó khớp với những kiểu thở đầy nội lực của chúng ta thì chúng ta cũng đã cùng lúc tác động đến những thói quen của tâm nữa. Mặc dù những tư thế yoga chúng ta luyện tập trong các phòng tập yoga hiện đại rõ ràng là mang lại những lợi ích chữa bệnh về mặt sinh lý học, nhưng các giáo viên và các trường dạy yoga dường như đã quên đi việc các tư thế yoga cũng chỉ cho chúng ta biết làm thế nào để tác động đến tâm. Và đối với phần đông chúng ta, những chuyện rắc rối, khổ sở không chỉ nằm ở trong thân, mà chủ yếu là ở trong tâm. Làm thế nào để chúng ta có thể dùng thân để tìm hiểu tâm và qua thân tác động đến tâm? Chúng ta có thể làm được điều đó bằng cách trải nghiệm được thân và tâm là hoàn toàn có liên quan với nhau.

Có một mối quan hệ căn bản giữa những cách luyện tâm và những cách luyện thân. Hãy nghĩ về cả hai như là những đường cong trong một mạn đà la lớn liên tục xoắn theo đường tròn ốc bên trong, bên trên và qua chính nó không có chỗ bắt đầu hay chỗ kết thúc. Khi tôi làm việc sâu với tâm, tôi chú ý đến thân. Tôi chứng kiến những tiến trình của nó, từ thở đến nghe, nhìn. Tôi cũng làm như thế khi tôi nghiên cứu những mẫu thức chứa đựng phức tạp trong mạng lưới của thân tôi (tiếng Phạn gọi là *koshas*). Sau rốt tôi thấy được tâm tôi dính mắc ở đâu, nó không tập trung được ở chỗ nào, nó bị kẹt ở đâu trong những chỗ lặp đi lặp lại của những đoạn băng từ đã cũ. Điều tôi nghĩ là “thân” chủ yếu là tinh thần. Đức Phật dạy “Hãy để thân lại trong thân”. Khi Đức Phật dạy những phép quán niệm, Ngài bắt đầu với chỉ đơn thuần ý thức về thân mà thôi.

Học giả Karen Armstrong đã viết, “Cách luyện tập yoga xưa của Ấn Độ cho thấy người ta đã trở nên không hài lòng với một tôn giáo vốn chỉ tập trung vào những điều có thể nhìn thấy được ở bên ngoài. Việc hiến tế và nghi thức cúng lễ là không đủ: người ta muốn khám phá ý nghĩa sâu xa của những nghi lễ này”. Hướng nội có nghĩa là nhận lấy trách nhiệm đối với con đường tâm linh bằng cách chú tâm vào thế giới vi mô của thực tiễn vốn hiện hữu trong sự vận hành của thân ngay trong giây phút này và trong từng giây phút. Mặc dù việc luyện tập yoga xem như có thể truy nguyên từ cách đây khoảng năm ngàn năm, và mặc dù những tín đồ của yoga miêu tả những con đường và những khám phá của họ bằng những thuật ngữ khác nhau tùy thuộc vào từ vựng trong nền văn hóa của họ, nhưng tất cả đều chia sẻ chung một trọng tâm: thân là đối tượng chủ yếu của quán niệm.

Khi chúng ta bắt đầu bằng cách quan tâm đến thân và chú ý đến những hoạt động của nó, chúng ta nhận thấy mình đang chú tâm, ổn định hơi thở và chúng ta hiểu biết về bản chất của thực tại nhiều hơn là khi chúng ta có thể biết được chỉ bằng cách suy nghĩ hướng ngoại. Có những điều chúng ta không thể nào hình dung ra được với cách suy nghĩ bình thường.

Chỉ cần an trú trong cảm nhận cái cảm giác của thân mà không có ý niệm hay khái niệm gì hết, chúng ta bắt đầu hòa nhịp với sự vận hành tuyệt vời của thế giới tự nhiên vốn chỉ có được khi tâm ta tĩnh lặng. Dĩ nhiên, tâm không tách rời khỏi thân trong bất kỳ trường hợp nào - tâm chỉ là một sự tiếp nối liên lạc của các giác quan. Chúng ta bắt đầu với thân vì thân luôn hiện diện - thân là cái dụng cụ chúng ta cần để tiếp nhận và thăm dò bất kỳ khía cạnh nào của cái thế giới tự nhiên. Chúng ta dùng “cái tâm” để thăm dò “cái thân” nhưng khi chúng ta tiến đến gần hơn và tĩnh lặng hơn thì chúng ta có thể thấy rằng tâm và thân là không tách rời nhau được. Kẻ tầm đạo Uddalaka trong *yoga Vashista*, một câu chuyện trộn lẫn yoga với triết lý Phật giáo, đi tới một nơi tu tập xa xôi và bắt đầu luyện yoga.

Sau một thời gian ông kêu lên, “Cũng giống như con tằm dệt cái kén của mình rồi kẹt vào trong đó, các bạn cũng đã dệt cái mạng khái niệm của các bạn và các bạn bị kẹt trong những khái niệm đó... Không có cái tâm như người ta thường quan niệm. Tôi đã nghiên cứu kỹ rồi. Tôi đã quan sát mọi thứ từ những đầu ngón chân lên đến tận đỉnh đầu: và tôi không tìm thấy bất kỳ một cái gì khiến tôi có thể nói: Cái này chính là tôi đây.

Nếu chúng ta tiếp cận việc luyện tập yoga qua sách vở hay lời nói, và không có sự tiếp xúc trực tiếp với cái hiện thực vật lý và vật chất của thân và hơi thở, chúng ta sẽ chỉ có được một cái dàn khái niệm. Chỉ nhìn từ bên ngoài, chúng ta không thể biết những cách tập luyện này được. Những cách tập luyện này không phải chỉ là triết lý hay nghi thức bắt buộc. Biết về cách luyện tập là chưa đủ: chúng ta phải rũ bỏ cái biết của mình và lần tìm con đường của chúng ta đi vào trong sự trải nghiệm hiện tại bằng cách nhìn thấy mọi chuyện một cách rõ ràng. Khi nói nhìn thấy, những người tu tập yoga hồi xưa không muốn nói đến đôi mắt thông thường nhưng họ muốn nói đến cái mà truyền thống thiền gọi là “con mắt pháp chân thật” - con mắt nhìn mà không dính mắc, không khắc họa vẽ vời, không để cho những gì được nhìn thấy bị mắc kẹt trong cái mạng yêu, ghét. Tinh thần của yoga và đạo Phật bao gồm một cách tiếp cận căn bản trải nghiệm của con người - chúng ta bắt đầu luyện tập bằng cách chú tâm đến cái ở đây vào phút giây này. Tất cả chúng ta đều có thể thức tỉnh mà không cần phải theo một ý thức hệ hay một hệ thống tín ngưỡng nào mới cả. Khi chúng ta trở lại với cái trải nghiệm bây giờ bằng chính những giác quan - mắt, tai, mũi, lưỡi, da và trí tuệ - chúng ta đi vào sự tự do của chính giây phút này, và những con đường xưa cũ của những người luyện yoga sẽ trở nên sinh động ở đây và bây giờ. Không có sự tự do khi chúng ta chỉ lặp đi lặp lại lời nói và những nghi lễ của các vị thầy xa xưa - chúng ta cần phải biểu lộ sự tự do và tính liên lập bằng hành động của trọn vẹn con người của chúng ta và của cộng đồng thông qua thân, khẩu, ý.

Mỗi buổi sáng chúng ta thức dậy dưới ngôi sao Bắc đẩu rạng rỡ như Đức Phật đã từng nhìn thấy khi Ngài thức dậy một buổi bình minh khi Ngài mới hơn ba mươi tuổi. Mỗi phút giây chúng ta thở cùng những phân tử không khí vốn đã từng nuôi dưỡng các vị như Santideva, Dogen, Thích Nhất Hạnh, cha mẹ của các bạn và cha mẹ của các vị đó. Có lẽ việc luyện tập yoga cũng làm tròn trách nhiệm của chúng ta đối với các thi sĩ tín đồ của yoga và những hành giả du phương vốn vào thời xưa đã vật lộn với những thân hình ngày càng già nua, với những tư tưởng mông lung và một nền văn hóa bất cập. Họ đã nỗ lực rất nhiều để hình thành những ngôn từ để xưng danh con đường của họ; họ để lại những bản đồ cho chúng ta đi theo, để cho chúng ta có thể đi vào con đường mà cuộc sống xây ra theo hướng thúc đẩy chúng ta đối mặt với thực tại một cách rõ ràng và cụ thể. ■



Ảnh: Lý Hậu

Phật pháp của cha tôi:

Một cây bon-sai

NGUYỄN KHẮC PHƯỚC

Làng quê tôi cách Huế chừng 40 cây số. Cha tôi là một nông dân. Thuở nhỏ, tôi thường theo cha đến chùa để tụng kinh niệm Phật. Mặc dù ít khi có được các thầy về làng thuyết pháp nhưng Phật tử trong khuôn hội cũng thường giúp nhau tu học.

Cha tôi không được khỏe, thỉnh thoảng lại dặn anh tôi lo chuyện hậu sự: sau khi ông chết thì phải làm thế này thế kia. Một hôm, nhân dịp cha tôi thọ thất tuần, một người bà con chơi cây kiểng mang đến tặng một cây bon-sai. Đó là một cây họ nhà sung, có ý chúc ba tôi mạnh khỏe và trường thọ. Thân cây phủ chi chít trái nhỏ xinh xắn như những trái bồ đề.

Xưa nay cha tôi chưa bao giờ chơi bon-sai. Quanh sân chỉ có mấy bồn hoa vạn thọ và chuối cảnh cho hoa quanh năm, chủ yếu để phục vụ cúng kiếng.

Cây sung được đặt trên bàn tiếp khách ngay chính giữa nhà nhưng chỉ một tuần là trái bắt đầu rụng, có lẽ vì thiếu ánh sáng mặt trời. Cha tôi mang chậu cây sung ra để ở một góc sân. Vì bận việc đồng áng nên cha tôi quên bẵng, đến khi tình cờ thấy lại thì nó đã héo vì gần mười ngày không tưới nước. Để cho dễ thấy và tiện chăm sóc, cha tôi mang cây vào để trên hàng hiên.

Một chiều nọ khi đang ngồi nghỉ bên sân sung, không biết vừa nghĩ ra chuyện gì mà cha tôi à lên một tiếng rồi đốt một cây hương cắm cạnh gốc cây

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2011

bon-sai, hai tay chấp lại, miệng lầm râm khấn vái. Mẹ tôi thấy vậy, hỏi: “Bữa ni chưa đến rằm mà ông thấp hương mần chi?”. Cha tôi có lẽ mất hứng, thôi không khấn nhưng im lặng không trả lời. Từ đó về sau thấy ông vui lên, không còn lo đau ốm.

Bữa nọ có chú Hoàng đến chơi. Chú là một huynh trưởng Phật tử ở chùa làng, thường hay giảng kinh, chính là người tặng bon-sai. Chú cười nói: “Nghe bác không thèm chơi bon-sai nên cho em xin lại”. Cha tôi nói: “Mấy bữa trước chú lấy thì tui đưa, nay chỉ có trời lấy tui mới chịu”. Rồi ông nói: “Tui đã tìm thấy Phật trong cây bon-sai ni rồi”. Chú Hoàng nói: “Phật ở chùa chớ mần chi có Phật trong cây bon-sai. Bác nói bậy, Phật quở chết”. Cha tôi giải thích: “Tui bỏ cái cây trong nhà, thiếu ánh sáng thì cây không sống được, đem ra ngoài vườn quên tưới thì cây héo queo. Muốn cây tốt thì phải có phân tro. Nếu thiếu không khí thì cây cũng chết. Vậy cây cũng do tứ đại gặp duyên mà hợp thành, cũng như người ta đó thôi. Cây cũng khổ, cũng vô thường như mọi chúng sinh khác. Cái này cũng liên quan đến Tứ diệu đế nữa chú ạ. Thấy cây héo phải tìm nguyên nhân là thiếu gì: nước, ánh sáng hay phân. Khâu này gọi là Tập đế, phải không chú? Cây trong trạng thái tốt tươi, không thiếu chất bổ dưỡng, không bị sâu bệnh... Khâu này là Diệt đế, là Niết-bàn của cây. Như người biết mình tham sân si, diệt tham sân si thì hết khổ, phải không chú? Nhưng nước, ánh sáng, phân tro phải có thường xuyên và là thứ tốt để cung cấp cây mới sống khỏe, giống như người phải tìm đến đạo pháp, lấy đức tuệ mà soi sáng vô minh mới giải thoát được khổ đau, khâu này gọi là Đạo đế. Đó, tui trả bài cho chú như rứa được chưa?”. Chú Hoàng nói: “Phật pháp của bác được bầy điểm rồi đó. Nhưng bác thấy tui lựa cho bác một cây có dáng đặc biệt, bác thấy dáng gì không?”. “Tui chưa thấy,” Cha tôi trả lời. “Dáng vị sư ngồi thiền đó, bác thấy giống không?”. Cha tôi ngạc nhiên à lên một tiếng khoái chí và hỏi: “Rứa còn có ý nghĩa gì nữa không?”. “Cái cây đâm rễ xuống đất để hút nước, hút chất khoáng, biến chúng thành nhựa cây, liên tục đẩy lên để nuôi thân, nuôi lá, cây cũng biết tinh tấn trong chánh niệm, bác ạ, rồi cho hoa, cho trái, có khác gì một vị sư đang ngồi thiền, loại trừ tạp niệm để hướng đến tuệ giác, phải không bác?” Chú Hoàng là một huynh trưởng, chú đã nói nhiều và rõ hơn nhưng tôi chỉ là một Phật tử sơ cơ, chỉ thuật lại một cách chấp vá, hy vọng không sai nhiều lắm.

Sau ngày ba tôi mất, anh em chúng tôi, vì chiến tranh và công việc, phải phiêu bạt xa nhà, mẹ tôi lại mang cây sung ra trồng ở một góc sân. Hết chiến tranh chúng tôi về quê, mặc dù ngôi nhà đã cháy rụi nhưng cây sung vẫn còn đứng ở góc sân, giờ đã cao quá đầu tôi, rễ phụ to khỏe đâm xuống đất, trông xa tựa như một vị đại sư đang chống gậy đi khất thực. Tôi thấp hương vái lạy và cắm xuống chân vị Phật của ba tôi, cầu mong cha tôi được phiêu diêu cõi Niết-bàn. ■

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2011, các cá nhân, đơn vị hướng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

PT. Quỳnh Đình Nam	: 100 cuốn/kỳ
Một độc giả	: 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc , NS. Trí Tuệ	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm , Vina Giấy	: 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 32 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib , Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
ĐĐ. Thích Thiện Minh	: 20 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh An & Chơn Hòa	: 12 cuốn/kỳ
Bà Phùng Kim Vy	: 11 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền & Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên	: 10 cuốn/kỳ
Ô Huỳnh Văn Lộc , Q. BT	: 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miền Ngọc	: 10 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định	: 8 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai , Q. BT	: 5 cuốn/kỳ
Phật tử Phạm Thị Mỹ Loan	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Nguyễn Mạnh Hùng	: 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh , Hà Nội	: 5 cuốn/kỳ
Thái Quang Hy	: 5 cuốn/kỳ
Anh Dũng	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ
Chú Tiến , TP. HCM	: 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ
Bà Trương Thị Mai Anh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Vị	: 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh , Q. 2	: 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh	: 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyên , CT TNHH Cơ khí Mê Linh	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ	: 1 cuốn/kỳ
Cô Châu Diệp Anh và Chị Ngân	: 1 cuốn/kỳ
Cô Kim	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung	: 1 cuốn/kỳ
Bà Đặng Nguyên Phương	: 1 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 1 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Toàn , Q. 7	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông , TCPH ĐN	: 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện	: 1 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiên Tâm	: 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh	: 1 cuốn/kỳ
Cô Hồ Thị Phương	: 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này:	586 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**

Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Ban Biên tập



Đạo pháp của Đức Phật có phải là triết học hay không?

Để trả lời cho câu hỏi trên đây, trước hết chúng ta cần tìm hiểu triết học là gì. Chữ Triết học – *Philosophia* – phát sinh từ nền văn hóa cổ đại Hy-lạp mang ý nghĩa là “*yêu chuộng sự hiểu biết và khôn khéo*”. Nền văn hóa đó sản sinh một ngành triết học có chủ đích nêu lên những thắc mắc, những suy tư về thế giới này, về sự hiện hữu của con người, tìm hiểu cái đẹp, ý nghĩa của sự sống, khái niệm về hạnh phúc... Tóm lại, các triết gia theo ý nghĩa đó là những vị “Thầy” tượng trưng cho một lối sống nào đó.

Thế nhưng qua thời gian triết học cổ đại theo ý nghĩa trên cũng đã bị biến đổi nhiều. Triết học ngày nay được xây dựng trên căn bản của lý luận và trí thông minh hơn là lý tưởng tinh thần và đạo đức của triết học cổ đại. Triết học ngày nay nghiêng hẳn về lý thuyết và đôi khi mang tính cách khá cực đoan hoặc không tưởng. Nếu

trong thời cổ đại triết học nêu lên một lý tưởng, một lối sống thanh cao nào đó thì ngày nay một số luận thuyết và tư tưởng triết học hiện đại đôi khi mang lại những ứng dụng lệch lạc, chẳng hạn như chủ nghĩa phát xít (facism), chủ nghĩa quốc xã (nazism), chủ nghĩa tư bản (capitalism), chủ nghĩa xã hội (socialism), chủ nghĩa cộng sản (communism)... Hơn thế nữa người ta còn thêm chữ “ism” vào tên một số nhân vật để chỉ định các chủ thuyết như Marxism, Leninism, Maoism..., và biết đâu cũng có thể tặng thêm chữ “ism” cho Pol Pot để gọi một thứ chủ thuyết diệt chủng là... Polpotism!

Như vậy, nếu muốn nhìn Phật giáo dưới khía cạnh triết học thì nên hiểu theo nghĩa Triết học Hy Lạp cổ đại hơn là triết học ngày nay. Suy tư và nghiên cứu là những gì cần thiết cho triết học và cả Phật giáo, thế nhưng đối với Phật giáo thì những thứ ấy phải được



HOANG PHONG

xây dựng trên lòng từ bi và được phát huy bằng một kỹ thuật thật đặc thù là thiền định. Đây là những gì mà không một nền triết học nào có được. Tóm lại, *Dharma* hay *đạo pháp của Đức Phật* mang tính cách thực dụng, tự nó hàm chứa một cứu cánh rõ rệt, không phải là một triết học đơn thuần chỉ căn cứ vào lý trí.

Rất nhiều kinh sách Phật giáo phủ nhận tính cách tư biện và thuần lý liên quan đến các chủ đề triết học, trong số này có các bộ kinh đáng chú ý nhất: *Sabbasava-sutta*, *Potthapada-sutta*, *Brahmajala-sutta*, *Cula-Malunkya-sutta*,... Các kinh này nêu lên các quan điểm sai lầm hoặc không hàm chứa một chủ đích thiết thực nào cả, chẳng hạn như sự sáng tạo ra thế giới này, sự trường tồn bất biến của cái ngã, tính cách vô tận của vũ trụ, những gì sẽ xảy ra sau khi chết đối với một người đã đạt được giác ngộ, v.v.

Kinh *Cula-Malunkya-sutta* liệt kê “các câu hỏi vô ích” do một đệ tử của Phật tên là Malunkyaputta nêu lên để hỏi Đức Phật. Ngài không trả lời trực tiếp những câu hỏi ấy, nhưng hướng những thắc mắc của Malunkyaputta vào những gì thiết thực hơn: những khổ đau đang diễn ra trước mặt và những gì đang làm cho Malunkyaputta phải bồn loạn tâm thần:

“Này Malunkyaputta, mặc dù có một quan điểm theo đó vũ trụ vô tận và có một quan điểm khác theo đó vũ trụ không vô tận, nhưng trước nhất phải hiểu rằng có sinh, có già, có chết, có khổ, có than khóc, có đờn đau, xót xa và tuyệt vọng. Đối với Ta, Ta chỉ giảng cho con về sự chấm dứt những thứ ấy trong thế giới này, trong chính sự sống này. Vì thế, này Malunkyaputta, hãy giữ lấy trong tâm những gì Ta giảng, đúng như Ta đã giảng, và những gì Ta không giảng, đúng như Ta không giảng...”

Đức Phật không giảng những gì vô ích tức là những tự biện triết học mà chỉ giảng những gì thật thiết thực: *đấy là khổ đau, nguồn gốc của khổ đau, sự chấm dứt khổ đau và con đường mang lại sự chấm dứt khổ đau*. Những lời giáo huấn ấy có vẻ vô cùng “đơn giản” so với những luận thuyết và những tư biện thuần lý hoặc mang nặng tính cách thiêng liêng của các vị Thầy khác, cùng thời với Đức Phật. Thế nhưng phải hiểu rằng sự chấm dứt khổ đau trong Phật giáo không phải đơn giản là sự chấm dứt khổ nhọc và lo buồn, sự chấm dứt ấy (tiếng Phạn gọi là *nirodha* tức sự đình chỉ) tượng trưng cho sự *Giải thoát* hoàn toàn, một thể dạng *Tự do Tuyệt đối* còn gọi là *Niết-bàn (Nirvana)*.

Chính thể dạng *Tuyệt đối* đó đã phản ảnh khía cạnh triết học siêu hình (metaphysic) trong đạo pháp của Đức Phật – *Dharma*. Jean-Francois Revel (1924-2006), thân phụ của nhà sư Ricard Matthieu, là một triết gia, học giả và thành viên của Hàn lâm viện Pháp, trong quyển sách viết chung với con mình (*Một nhà sư và một triết gia – Le Moine et le Philosophe*) đã phát biểu về Phật giáo như sau: *“... Đấy là một triết học mang nhiều đường nét thật quan trọng về siêu hình, quả đúng Phật giáo là một ngành triết học siêu hình thuộc chung trong triết học, thế nhưng không mang tính cách thần khải”*. Nếu một triết gia không Phật giáo tầm cỡ J.F. Revel chỉ nhìn thấy khía cạnh siêu hình trong đạo pháp thì một học giả Phật giáo lỗi lạc khác là Edward Conze (1904-1974) lại nhìn thấy một khía cạnh triết học khác: Trong quyển *Bouddhism*, ông mô tả Phật giáo như là một “*triết học biện chứng mang tính cách thực dụng (dialectical pragmatism) nghiêng hẳn về tâm lý học*”.

Trên đây chỉ là hai trích dẫn tiêu biểu trong vô số những phát biểu của các triết gia và học giả khác khi họ tìm cách đánh giá Phật giáo trên phương diện triết học. Bên cạnh đó, cũng có một số triết gia và học giả khác đã vay mượn đạo pháp để xây dựng hệ thống tư tưởng của họ. Trong trường hợp này có thể kể ra Arthur Schopenhauer (1788-1860) chủ trương một hệ

thống tư tưởng rất gần với Phật giáo. Ông viết về Phật giáo vào tiền bán thế kỷ XIX khi mà các tư liệu và sự hiểu biết về Phật giáo tại Tây phương còn thiếu sót và không chính xác. Thế nhưng mặt khác nhờ vào uy tín của ông mà Phật giáo được nhiều người biết đến. Một thí dụ thứ hai là triết gia Pháp hiện đại André Comte de Sponville (sinh năm 1952) được Chính phủ Pháp mời tham gia Ủy ban Tư vấn Quốc gia về Đạo đức kể từ năm 2008. Ông là một triết gia vô thần, không tin vào luân hồi nhưng lại xây dựng nền móng tư tưởng và đạo đức của mình trên Bát chánh đạo.

Những gì vừa được trình bày trên đây cho thấy phía sau tính cách thực dụng, *Dharma* còn hàm chứa một bối cảnh hay nền móng triết học vô cùng sâu sắc và đa dạng. Tính cách triết học được thể hiện qua thật nhiều tông phái và học phái khác nhau, chẳng hạn như:

- Chủ trương hiện thực (realism): đại diện bởi học phái Nhất thiết hữu bộ (Sarvastivada).

- Chủ trương sự hiện hữu thật của vật chất, còn gọi là thuyết nguyên tử (atomism): thí dụ như học phái Kinh lượng bộ (Sautrantika)

- Tính cách “lý tưởng” (idealism), có nghĩa là tất cả đều do tâm thức mà có: thí dụ như Duy thức tông (Yogacara – Cittamatra)

- Chủ trương hoài nghi, tức không thật (scepticism), tất cả chỉ là tên gọi mà thôi (thuyết duy danh – nominalism): thí dụ như Trung quán tông (Madhyamaka), v.v.

Khi nhìn lại nền móng của đạo pháp tức là *Bốn sự thật cao quý*, người ta nhận thấy gì? *Khổ đau* là *Sự thật thứ nhất*, thế nhưng *Sự thật* ấy không phải đơn giản chỉ là sự thật về những thứ khổ đau xảy ra hằng ngày trên thân xác và trong tâm thức con người mà còn tượng trưng cho *bản chất tất yếu và căn bản của thế giới hiện tượng* mà thuật ngữ nhà Phật gọi là thế giới *ta-bà* hay *luân hồi*. Bản chất khổ đau mang tính cách bao quát và toàn cầu trên đây là một sự “khám phá” thuộc lãnh vực triết học gọi là *Hiện tượng học* (Phenomenology). Theo định nghĩa của triết gia G.W.F. Hegel (1770-1831) thì *Hiện tượng học* là một phương thức tiếp cận triết học nhằm *khám phá các hiện tượng, hầu nắm bắt bản chất, tính cách tuyệt đối, ý nghĩa siêu hình và luận lý của hiện tượng ấy*. Nếu hiểu theo triết gia Johann Gottlieb Fichte (1762-1814) thì *Hiện tượng học* là *Học thuyết về sự hiển hiện, một phương cách hiện tượng hóa sự hiểu biết tuyệt đối*. Khám phá ra bản chất sâu kín của thế giới hiện tượng và hiện tượng hóa bản chất ấy thành Sự thật cao quý thứ nhất trong Tứ diệu đế là một khám phá mang tính cách triết học vô cùng quan trọng. Khám phá đó nắm giữ một vị trí then chốt trong toàn bộ giáo lý của Đức Phật.

Sự thật cao quý thứ hai là *Nguồn gốc của Khổ đau* tức nguyên nhân làm phát sinh ra khổ đau. Đối với *Dharma*, nguyên nhân ấy chính là sự *nhận thức sai lầm bản chất của hiện thực*, xem những biểu hiện ảo giác của mọi

hiện tượng là thật và cả cái *ngã* của mình cũng là thật. Khám phá ra nguyên nhân sâu kín ấy của khổ đau tượng trưng bởi Sự thật Thứ hai là một khám phá thuộc lãnh vực của *Triết học về sự hiểu biết* (Epistemology hay Philosophy of Science, tiếng Việt gọi là *Khoa học luận*, và chúng ta cũng nên hiểu chữ *khoa học* tiếng La-tinh là *scientia* có nghĩa là *sự hiểu biết*).

Sự thật cao quý thứ ba là *Sự chấm dứt khổ đau*; nghĩa là, đối với Phật giáo khổ đau không phải là một định mệnh, một thứ hình phạt phải nhận chịu một cách thụ động và ngoan ngoãn. Đấy chỉ là hậu quả tất yếu phát sinh từ một nguyên nhân nào đó. Khi loại bỏ được nguyên nhân ấy thì khổ đau sẽ chấm dứt. Vì thế bản chất của khổ đau không mang bản chất tự tại. Sự khám phá ấy của Đức Phật có thể được xem như thuộc lãnh vực của *Bản thể học* (Ontology).

Bản thể học nguyên là một ngành triết học siêu hình mang chủ đích nêu lên tính cách “siêu nhiên” nhằm vào việc tìm hiểu về sự hiện hữu trong khuôn khổ Thần học. Một số triết gia thần học như Decartes, Spinoza, Leibniz,... luân phiên đề nghị và khai triển cách suy luận gọi là “luận chứng về bản thể học” (argument ontologique – ontological argument) nhằm chứng minh sự hiện hữu cần thiết và bắt buộc của một vị Trời. Thế nhưng khổ đau trong Sự thật Thứ ba không phải là một hình phạt hay định mệnh do một đấng tối cao áp đặt mà chính là do con người tự tạo ra cho mình và chính con người có thể loại bỏ được nó. Bản thể của sự hiện hữu và khổ đau không mang tính cách thần khải (revelation – divine truth) mà giản dị chỉ là sản phẩm của con người. Khám phá đó của Đức Phật thuộc lãnh vực Bản thể học, thế nhưng đã vượt rất xa và lên trên chủ đích nguyên thủy của ngành học ấy.

Tóm lại, sự chấm dứt khổ đau trong Sự thật Thứ ba mang chiều hướng “vô thần” một cách rõ rệt. Tính cách “vô thần” ấy cũng là bối cảnh chung của toàn thể giáo lý nhà Phật, có nghĩa là con người tự tạo ra khổ đau cho mình và nếu muốn con người cũng phải tự giải thoát cho mình. Câu sau đây trong *Tà kiến Kinh* (*Ditthi-sutta*) thuộc *Tăng Chi Bộ kinh* (Anguttara Nikaya, 10.93) nêu lên một cách minh bạch và dứt khoát bản chất vô thần đối với *bản thể của sự hiện hữu*:

“Tất cả những gì hiện ra như một sự hiện hữu chỉ là kết quả phát sinh từ nhiều điều kiện, từ tác ý và sự tương liên (lý duyên khởi). Tất cả những thứ ấy đều vô thường. Những gì vô thường đều bất toại nguyện (tức khổ đau). Tất cả những gì bất toại nguyện (khổ đau) không phải là cái tôi, cái của tôi, không phải là một “cái ngã”.

Tóm lại, những gì được trình bày trên đây cho thấy đạo pháp – *Dharma* – ngoài tính cách thực dụng còn hàm chứa nhiều khía cạnh triết học thật sâu sắc. Các khía cạnh triết học đó nổi bật trong một số khái niệm do Đức Phật trực tiếp nêu lên và sau đó được các vị đại sư khai triển thêm trên suốt dòng lịch sử tiến hóa của

Phật giáo. Sau đây là một vài khái niệm triết học quan trọng trong đạo pháp: quy luật tương liên (pratitya samucpada - lý duyên khởi), tất cả các hiện tượng cấu hợp đều vô thường (anitya sarva samskarah), tất cả các hiện tượng cấu hợp đều là khổ đau (dukkha sarva samskarah), tính cách vô thực thể của "cái ngã" (anatman), tánh không của mọi hiện tượng (sunyata), khái niệm về ngũ uẩn (skandha), v.v. và v.v.

Sau khi Đức Phật tịch diệt, các khía cạnh triết học Phật giáo được khai triển sâu rộng qua nhiều học phái, tiêu biểu nhất là Duy thức tông (Yogakara - Cittamatra) và Trung quán tông (Madhyamaka). Duy thức chủ trương tất cả mọi hiện tượng đều mang tính cách chủ quan một cách tuyệt đối, chỉ có tri thức (consciousness) là thực thể duy nhất, thế giới và mọi cá thể chỉ là phóng ảnh của tri thức. Tánh Không đối với Duy thức là sự vắng mặt hay vắng bóng của tính cách nhị nguyên phân tách chủ thể và đối tượng. Khi *Bản-thể-của-Phật* hay *Phật-tính* rơi vào tình trạng "cá biệt hóa" để trở thành một tri thức mang tính cách cá nhân nó sẽ trở thành một chủ thể "sáng tạo" ra thế giới này (có nghĩa là Phật tính trở thành một cá thể con người và từ đó con người "sáng tạo" ra thế giới). Sự kiện "quên mất" bản thể nguyên thủy của mình (tức *Phật tính*) khiến cho tri thức cá thể trên đây rơi vào một hệ thống kết nối chằng chịt của vô số nguyên nhân và hậu quả (karma) qua sự "sáng tạo" hay khả năng "phóng tưởng" của chính nó.

Kinh *Lăng già* (Lankavatara-sutra) rất gần với thiền học thế nhưng đồng thời cũng phản ảnh mật thiết và trung thực Duy thức tông, chẳng hạn như qua câu sau đây:

"Mọi vật thể giống như ảo ảnh hay những giấc mơ,
Chúng không có sinh, cũng không hàm chứa một bản thể tự tại nào.

[Vi thể] Từ bản chất chúng là những thứ gì trống rỗng,
Chúng không hiện lên từ sự hiện hữu cũng như từ hư vô".

Trung quán tông xây dựng toàn bộ "hệ thống triết học" gọi là Trung đạo ở giữa hai thái cực là sự hiện-hữu và thể dạng hư-vô. Nói một cách khác, thể dạng phi-đối-ngịch chính là con đường Trung đạo. Sự đối nghịch nhất định cần thiết cho sự phân biệt, thế nhưng những gì phát sinh từ sự phân biệt ấy chỉ tượng trưng cho những thể dạng khác nhau của một thực thể duy nhất. Thể dạng phi-đối-ngịch chỉ định tính cách đồng nhất hay nhất thể của thực thể ấy.

Long Thụ, (thế kỷ thứ II-III) người sáng lập ra Trung quán, cho rằng vì bản chất siêu nhiên và không thăm dò được của Bản-thể-Phật cho nên chúng ta không thể nào nắm bắt được cái Bản thể ấy. Vì thế nền triết học vững chắc duy nhất và có giá trị là "sự phủ nhận tuyệt đối", đó là nền triết học duy nhất có thể chứng minh được Bản-thể-Phật. Dựa vào nguyên tắc phủ nhận tuyệt đối đó, Long Thụ bình giải và khai triển rộng rãi một hệ thống luận lý mà Đức Phật đã nêu lên gọi là "Tứ đoạn luận":

- không thể xác định hiện thực: "có một cái gì đó"

- không thể xác định hiện thực: "không có một cái gì cả"

- không thể xác định hiện thực: "có một cái gì đó lại vừa không có một cái gì cả"

- không thể xác định hiện thực: "không có một cái gì cả lại vừa không phải là không có một cái gì cả".

Một cách đương nhiên và tất yếu hệ thống triết học luận lý xây dựng trên tứ đoạn luận trên đây đưa đến giáo lý về *tánh không tuyệt đối của mọi hiện tượng*. Cũng xin nhắc thêm là hệ thống luận lý của Aristote gọi là tam đoạn luận là hệ thống luận lý thông dụng chi phối sự suy luận của con người từ Tây sang Đông, thế nhưng hệ thống này chỉ nói lên được "sự thực tương đối" của hiện thực, nhưng hoàn toàn bất lực trước "sự thực tuyệt đối" của hiện thực do Phật giáo chủ trương.

Xin trở lại Con đường "Trung đạo" với hai trích dẫn sau đây. Trong kinh *Giác ngộ Viên mãn*, tiếng Phạn: *Mahavaipulya Purnabuddhasutra Prassanartha Sutra* - bản dịch tiếng Hán là *Đại Phương Quảng Viên Giác Tu Đà La Liễu Nghĩa Kinh*, gọi tắt là *Viên Giác kinh*, có một đoạn như sau:

"Không có sự đồng nhất, cũng không có sự khác biệt, không có sự trói buộc, cũng không có sự giải thoát. Vì thế nên hiểu rằng tất cả chúng sinh có giác cảm từ nguyên thủy đều là những chúng sinh hoàn toàn Giác ngộ; Ta-bà và Niết-bàn là một giác mơ hiện ra trong giấc ngủ vào đêm hôm qua. Nếu đây chỉ là một giấc mơ hiện ra trong giấc ngủ vào đêm hôm qua, thì cũng phải hiểu rằng đối với Ta-bà và Niết-bàn không có gì để rời khỏi cũng chẳng có gì để nhập vào. Trong sự thực hiện không có gì để "cố gắng", không có gì phải "lơ là", không có sự "đình chỉ tư duy" hay "loại bỏ dục vọng". Trong sự thực hiện không có chủ thể cũng không có đối tượng, trên một cấp bậc sâu xa không có Thực hiện cũng không có Hoàn tất. Bản thể (sâu kín) của mọi hiện tượng đều giống như nhau và bất hoại" [tức là tánh không], (theo bản dịch của Charles Muller).

Trong kinh *Kaccayanagotta-sutta* (Samyutta Nikaya - Tập A Hàm, 15.12, thuộc *Tương Ưng Bộ kinh*) có một câu như sau:

"Thế giới này được hỗ trợ [chống đỡ, đứng vững] bởi nguyên tắc nhị nguyên, đây là sự hiện-hữu và phi-hiện-hữu. Khi đã nhìn thấy thật chính xác nguồn gốc của thế giới đúng như thế, [sẽ hiểu rằng] phi-hiện-hữu không phải là một thuật ngữ thích nghi [để chỉ định nó]. Khi đã nhìn thấy sự đình chỉ [hay chấm dứt] của thế giới đúng như thế, hiện-hữu không phải là một thuật ngữ thích nghi [để chỉ định nó]", (theo bản dịch của Bhikkhu Thanissaro).

Tóm lại, đạo pháp - Dharma - mang tính cách thực dụng và vô cùng thực tế, đồng thời cũng hàm chứa và bàng bạc thật nhiều khía cạnh triết học cao siêu, hàm chứa những giá trị toàn cầu. Thế nhưng khi tìm hiểu sâu xa hơn về các khía cạnh triết học ấy người ta lại càng nhận thấy đạo pháp vượt xa hơn và cao hơn tất cả mọi hệ thống triết học và tư tưởng của con người. ■



Hoàn thiện cuộc sống nhờ Phật pháp

SUNIL J. WIMALAWANSA
TRẦN KHIẾT BÁCH dịch

Phật giáo không hoàn toàn là một tôn giáo theo cái nghĩa mà từ này vẫn được hiểu, vì Phật giáo không phải là “một hệ thống tín điều và nghi lễ thờ cúng liên kết bất kể tín đồ nào đó với một vị chủ thể siêu nhiên”.

Phật giáo không kêu gọi sự tin tưởng mù quáng nơi những người tin theo. Ở đây, sự tín ngưỡng thuần túy bị hạ bệ và được thay thế bởi sự tự tin dựa trên hiểu biết gọi là tín tâm (hay Saddha trong ngôn ngữ Pali). Niềm tin mà người Phật tử đặt vào Đức Phật cũng giống như niềm tin của người bệnh đặt vào một thầy thuốc giỏi, hay niềm tin của người học trò đặt vào người thầy của mình. Một người Phật tử quy y Phật chỉ vì chính Đức Phật là người đã tìm ra và dạy cho người Phật tử ấy con đường giải thoát. Một người Phật tử không quy y Phật với hy vọng là Đức Phật sẽ cứu rỗi mình bằng sự thanh tịnh của Ngài. Đức Phật không bao giờ đưa ra lời bảo đảm ấy. Đức Phật không nhận rằng Ngài có năng lực thanh tẩy mọi cấu uế của kẻ khác. Không ai có thể làm thanh tịnh ai hoặc làm uest nhiệm ai.

Làm rõ mục tiêu của người học Phật

Giáo pháp của Đức Phật nhắm tới việc hướng dẫn con người thoát khỏi những điều bất hạnh và sự đau khổ, đồng thời chỉ cho họ con đường đạt tới hạnh phúc và an lạc cao nhất. Với lòng từ bi vô lượng của Ngài, suốt 45 năm, Đức Phật đã dạy cho toàn thể loài người về nhân và duyên. Mục tiêu của sự giáo huấn ấy

là giúp con người có thể hiểu được những hành động nào nên theo và những hành động nào nên tránh. Vậy thì, mục tiêu tối hậu của chúng ta trong lúc học theo giáo pháp của Đức Phật phải là hãy học để phân biệt được những lối sống tai hại, gây hủy diệt với những lối sống tốt đẹp, mang lại lợi ích; học để phân biệt được những lối sống gây đau khổ với những lối sống đưa tới an lạc và thanh bình.

Mục đích của việc học tập và hành trì Phật pháp

Phật giáo là lối sống công bằng mang lại hạnh phúc và an bình cho mọi chúng sinh; là phương pháp gạt bỏ mọi đau khổ và bất hạnh để tìm đến sự tự giải thoát. Giáo pháp của Đức Phật không giới hạn vào quốc gia nào hay chủng tộc nào; đó là giáo pháp dành cho mọi người. Phật giáo không chỉ là một tín ngưỡng hay một niềm tin đơn thuần. Đó là giáo pháp cho toàn thể loài người thuộc mọi thời đại. Mục tiêu của Phật giáo là sự phục vụ vô ngã, là thiện chí, là hòa bình, là sự cứu giúp, và là sự tự do trước mọi đau khổ. Không gây hại và có thiện chí là những yếu tố mà mọi tôn giáo đều nói tới. Nhưng hơn thế nữa, Phật giáo dựa trên những nguyên lý hòa bình, bình đẳng, hài hòa; cho nên trong Phật giáo không có chỗ cho lòng ghen tức hay sự bạo động. Niềm tin của Phật giáo về thiện chí và từ tâm dựa trên sự hy sinh và tinh thần phục vụ để mang lại bình an và hạnh phúc cho người khác. Cho nên, những nguyên lý của tôn giáo nên được áp dụng một cách

tích cực nhằm cải thiện phẩm chất cuộc sống cho tất cả mọi chúng sinh. Việc thực hành giáo pháp của Đức Phật sẽ làm phát triển sự thức tỉnh tự nội, lòng từ bi, và tuệ giác. Một trong những lý do khiến Phật giáo có sức cuốn hút đối với giới trí thức và những người có trình độ học vấn cao nằm ở chỗ chính Đức Phật đã thực sự khuyên mọi tín đồ đừng tin vào những gì được nghe mà không kiểm chứng giá trị của chúng.

Phật giáo là một tôn giáo cao quý, một nền triết học nơi đó khai thác tối đa sự công chính, sự bình đẳng và sự hòa bình. Chủ đề trung tâm của Phật giáo là sự tự tin. Giáo pháp của Đức Phật dạy rằng phụ thuộc vào người khác để được cứu giúp là tiêu cực; chỉ có trông chờ vào chính mình mới là tích cực. Giáo pháp ấy giải thích thêm rằng phụ thuộc vào người khác có nghĩa là đầu hàng trước sự thông minh, sự tự tin, và những nỗ lực của người khác. Hơn nữa, Phật giáo công nhận sự hiểu biết và những nỗ lực của con người về mọi thành tựu, chứ không công nhận một đấng siêu nhiên nào. Kinh *Tương Ưng Niệm Xứ* dạy rằng: *Trong khi hộ trì cho mình, là hộ trì người khác; trong khi hộ trì người khác, là hộ trì cho mình... Thế nào là trong khi hộ trì người khác là hộ trì cho mình? Chính là do sự kham nhẫn, do sự vô hại, do lòng từ, do lòng bi mẫn.*

Điều quan trọng là phải nhận thức rằng sự cứu giúp, theo lời dạy của Đức Phật, là một vấn đề cá nhân. Chỉ có hành giả mới cứu giúp được chính hành giả; hết như hành giả tự ăn, tự uống, tự ngủ nghỉ. Giáo pháp của Đức Phật chỉ là phương tiện cho thấy con đường đúng để thành tựu sự cứu giúp ấy. Đức Phật không hề giảng pháp để cải đạo ai cả. Ngài giảng pháp chỉ để người nghe được giác ngộ. Về phương diện này, Phật giáo không bi quan mà cũng chẳng lạc quan. Phật giáo không khuyến khích con người nhìn vào cuộc đời thông qua những cảm giác thường xuyên biến đổi vì tính bi quan hay sự lạc quan của con người. Phật giáo khuyến khích con người hãy thực tế, hãy học để thấy được cuộc đời đúng như nó hiện là.

Phật giáo là hiện thực

Phật giáo có một cái nhìn hiện thực đối với cuộc đời. Phật giáo không giả vờ đẩy chúng ta vào sống trong một thiên đường giả tưởng; cũng không hề dọa dẫm hay khủng bố chúng ta về những sợ hãi tưởng tượng hay những cảm giác tội lỗi. Phật giáo gọi tên một cách chính xác và khách quan ta là gì và thế giới ta đang sống là gì; đồng thời chỉ cho ta thấy con đường hoàn thiện sự tự do, hòa bình, an lạc và hạnh phúc. Phật giáo hoàn toàn trái ngược với thái độ bất mãn, lo lắng, hối hận và u sầu của tâm thức, thực tế vốn được coi là trở ngại cho việc thực hiện Chân Lý. Mặt khác, giáo lý của Đức Phật nhấn mạnh rằng niềm vui (hay hỷ) chính là một trong Bảy giác chi, những phẩm chất thiết yếu phải được rèn luyện để thực hiện Niết-bàn.

Một trong những cách để hiểu biết rõ về sự sống là

hiểu biết về cái chết, vốn chẳng là gì khác hơn sự chấm dứt tạm thời của một sự hiện hữu tạm thời. Tuy nhiên, hầu hết chúng ta đều không thích nghe đến từ "chết". Nhưng dù cho chúng ta có thích hay không, chết là sự kiện chắc thật duy nhất trong cuộc sống của chúng ta, nó đến một cách từ từ. Mặc dù vậy, những hồi ức về cái chết với một thái độ tâm thức đứng đắn có thể mang lại cho con người sự can đảm, sự hiểu biết, và một cái nhìn thấu suốt vào bản chất của sự hiện hữu; đồng thời, phát triển được một sự bình tĩnh khi đối mặt với cái chết. Trong khi người phương Tây tìm cách chinh phục vũ trụ cho những mục đích vật chất, Phật giáo và nền triết học phương Đông cố gắng đạt tới sự hòa hợp với thiên nhiên, với môi trường, và với sự thỏa mãn về tâm linh.

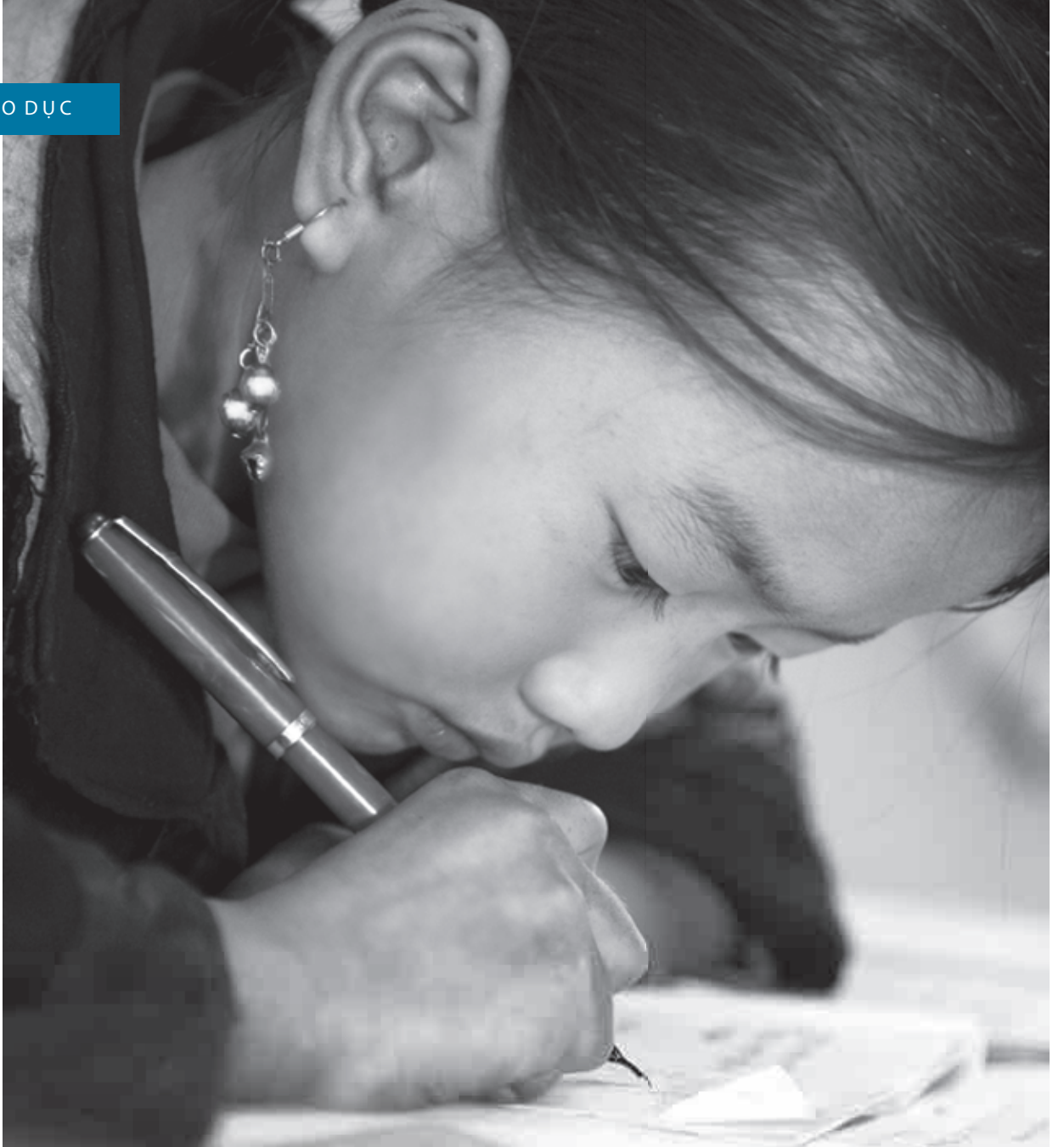
Hầu hết những kẻ giàu có trong thế giới ngày nay, mặc dù những của cải và các phương tiện hiện đại của họ, vẫn luôn đau khổ vì sự bấp bênh của cuộc đời, vì những lo lắng và vô số những vấn đề về thân và tâm. Với tất cả tiền bạc và những mối giao tiếp mà họ có, họ không thể tìm được giải pháp cho những vấn đề và sự đau khổ của họ. Ngược lại, một người nghèo nhưng đã học được sự hài lòng có thể hưởng thụ cuộc sống của mình một cách thanh thản, hơn hẳn những người giàu có nhất. Khi đã hài lòng, người ta chẳng có gì để mất và có rất ít lo âu.

*Có những kẻ có quá nhiều nhưng vẫn khao khát
Tôi có chút ít mà chẳng tìm kiếm thêm
Vậy thì họ vẫn nghèo tuy họ có quá nhiều thứ
Còn tôi thì giàu với những thứ ít ỏi của mình
Họ nghèo, tôi giàu; họ xin, tôi cho
Họ thiếu, tôi thừa; họ mỗi mòn, tôi an vui.*

Phật giáo kêu gọi trí tuệ hơn là tình cảm. Phật giáo quan tâm đến phẩm chất của tín đồ hơn là số lượng tín đồ. Nền tảng của Phật giáo là Tứ thánh đế, gồm có Khổ, Nguyên nhân của Khổ, sự chấm dứt Khổ (hay Niết-bàn) và Con đường ở giữa (hay Trung đạo). Nhiều người nghĩ rằng Phật giáo là cả một hệ thống uy nghi, chẳng thể nào mà những ngu phu ngu phụ thực hành được. Người khác lại cho rằng chỉ trong các chùa chiền hay tự viện người ta mới có thể thực hành theo đạo Phật. Những hiểu lầm ấy sở dĩ có là vì người ta không hiểu rõ giáo pháp của Đức Phật. Giáo pháp của Đức Phật không chỉ dành cho các vị xuất gia trong các tu viện. Giáo pháp ấy dành cho mọi người bình thường như Tôi và Các Bạn. Tứ diệu đế và Bát chánh đạo, lối sống của Phật giáo, là nhằm tới mọi người. Khi một người hiểu được tinh thần đạo Phật một cách đúng đắn, người ấy có thể thực hành đạo Phật ở bất cứ nơi nào.

Nguồn: *Perfecting Life through Buddhism*, Sunil J. Wimalawansa *Buddhist Channel*)

Sunil J. Wimalawansa là Giáo sư Y khoa chuyên về Sinh lý học và Sinh học hệ thống tại Trường Y khoa Robert Wood Johnson thuộc Đại học New Brunswick, bang New Jersey, Hoa Kỳ; một trong những người có thành tựu trong việc nghiên cứu điều trị bệnh tiểu đường. ■



Cho đủ tình thương

THẢO VY

1. Trong cơn động đất 9 độ Richter ở Nhật, trên mạng internet truyền đi câu chuyện về em bé Nhật Bản 9 tuổi xếp hàng chờ phát thực phẩm cứu trợ. Một cảnh sát Nhật gốc Việt thương tình cho em thức ăn riêng của anh. Em không dùng mà nộp thức ăn ấy vào nơi phân phát để chia đều cho mọi người. Chuyện này làm người Việt Nam cảm phục. Nhiều người soi rọi lại bản thân, cảm thấy mình chưa đủ tốt. Có người đoán

chắc rằng nếu chuyện động đất xảy ra ở Việt Nam thì sẽ khó có chuyện nhường nhịn như ở Nhật Bản.

2. Anh D. phản bác lại: “Đừng cho rằng người Việt Nam không có những truyền thống như vậy, chẳng phải là ngày xưa người ta đã dạy câu ‘thương người như thể thương thân’ hay sao?”. Người đối thoại hỏi vặn: “Ngày nay đâu còn thấy dạy những điều ấy nữa, chỉ còn câu ‘thương trường là chiến trường’!”. Anh D. nói: “Anh đợi ai dạy nữa, sao anh không tự mình dạy học trò đi. Chẳng qua khi anh nói với lớp trẻ, anh không đủ tình thương”. “Nghĩa là sao?”. “Anh hãy xử sự với tình thương, khi lớp học ổn, tôi không la mắng, tôi chỉ nói rằng: ‘này các em, các em hãy nghĩ đến những người ngồi học trong giảng đường này với số tiền mà cha mẹ họ phải bán đất, phải làm thuê để có tiền cho con ăn học. Nếu các em thấy mình chưa cần học thì cũng hãy để những người đó được học’. Tất cả lớp đã yên lặng sau đó”.

3. Đủ tình thương thì chuyện rắc rối lớn thành nhỏ, chuyện rắc rối nhỏ thành không có. Một bữa trưa, anh T. ghé một quán chay đường Vườn Chuối, quận 3, TP. HCM và kêu một tô mì sa tế, bảng giá để 20.000 đồng. Ăn xong, chị chủ quán tính 25.000 đồng. Khó chịu, anh T. nói: “Sao chị không để bảng đúng giá, nhờ người chỉ có vừa đúng 20.000 đồng thì có phải khó cho người ta không?”. Chị phân trần một cách dịu dàng: “Giá cả lên quá nên tui chưa kịp sửa, nếu không đủ thì tui cho thiếu”. Khách ra về mà lòng rất cảm động. Chẳng biết những nơi bán tô phở bảy tám trăm ngàn với thịt bò Kobe, tình người ấm lạnh thế nào?

4. Đối xử cho đủ tình thương quả thật không dễ dàng. Đọc trên báo chí, ta thấy có trường phổ thông ở vùng núi, học sinh sau buổi học phải để áo trắng lại vì nhà trường sợ các em mang về nhà sẽ làm dơ áo. Giữ áo của học sinh ở lại trường, thầy cô giặt áo dùm cho các em. Tin tức rất cảm động, lòng thương học sinh như vậy cũng tựa như cha mẹ thương con. Tuy nhiên chị H. đặt ra câu hỏi: “Thương như vậy có đúng không?”. Cha mẹ không chỉ nuôi nấng con cái mà còn phải giúp chúng chuẩn bị vào đời. Vào đời thì phải tự mình làm tất cả, vậy thì hướng dẫn các học sinh tự làm sẽ tốt hơn cho tương lai của các em. Chị H. khá giả, có đứa con gái độc nhất vừa vào lớp 10, thế mà chị vẫn xin cho cháu đi làm phụ bàn vào những buổi rảnh rỗi “cho cháu biết thế nào là phục vụ người khác”. Chị hỏi: “Sao không hướng dẫn các em giặt áo cho sạch có phải tốt hơn không”.

5. Thời còn đi học, ai cũng thấy có nhiều thầy cô bề ngoài trông rất dữ tợn. Già hai thứ tóc mới nhận ra rằng ẩn sau sự dữ tợn ấy là tình thương. Anh B. tâm sự: “Hồi xưa tôi bị đánh đòn nhiều, giờ nghĩ lại, nếu không bị đánh đòn như vậy chắc tôi thành ma cô ma cạo rồi”. Thầy D. điểm danh sinh viên rất chặt chẽ, nghỉ học không lý do bị trừ điểm. Thầy giải thích: “Trước kia tôi không điểm danh, để các em tự giác đi học. Sau tôi mới

phát hiện ra rằng nhiều em khi vào đại học, xa nhà, vào môi trường không kiểm tra chặt chẽ như trường phổ thông thì hay nghỉ các buổi học mà không có lý do đặc biệt gì. Cha mẹ chúng kiếm tiền vất vả nuôi chúng ăn học, mình không giúp chúng học hành cho tốt thì phụ công họ. Những sinh viên thực sự phải đi làm thêm để duy trì sự học thì tôi điểm danh làm gì”. Kiểm tra việc đến lớp đều đặn của sinh viên với một tình thương như vậy quả là rất khó.

6. Nhà giáo Nhân dân N.C. mất khi đã về hưu. Nhà thì neo người. Có người hỏi ý kiến trường chủ quản về ban lễ tang. Trường trả lời: “Cán bộ về hưu do địa phương quản lý”. Hỏi cấp cao hơn của trường, Chánh văn phòng trả lời: “Để hỏi lại ý kiến của Ban Giám hiệu trường”. Mọi chuyện cứ nhùng nhằng, cuối cùng ban lễ tang do địa phương thành lập. Gia đình thầy N.C. rất buồn. Người có công lao nhiều trong ngành giáo dục mới được phong làm Nhà giáo Nhân dân. Số Nhà giáo Nhân dân không phải là nhiều. Cho dù về hưu rồi thì cơ quan chủ quản cũng nên đứng ra làm lễ tang. Ban lãnh đạo của trường cũng rất áy náy vì những tình huống đột xuất ngoài quy định như vậy. Nếu gạt bỏ các suy nghĩ về quy chế, về chức vụ... và nếu “thương người như thể thương thân” thì có lẽ đời sống sẽ ấm áp hơn.

7. Tuyển sinh đại học sắp tới hạn, các trường chạy đôn chạy đáo tham gia tư vấn tuyển sinh. Nay Sài Gòn, mai Cần Thơ, mốt Nha Trang, các trường cố gắng để nhằm thu hút thí sinh vào trường mình cho đông. Anh T. nói: “Anh đi tư vấn tuyển sinh cần phải có đủ tình thương”. Anh X. hỏi: “Tình thương thì dính dấp gì tới chuyện này?”. T. trả lời: “Có đủ tình thương là coi sinh viên của mình như con ruột”. X. nói: “Khó hiểu quá”. “Có gì đâu mà khó hiểu, nếu thí sinh ấy là con anh, nếu nó có đủ sức và nếu nó muốn học trường anh, anh có khuyến khích nó dự thi vào trường anh hay không? Hay anh sẽ cho nó đi học nước ngoài?”. Quả thật, có những người khuyến khích con người khác vào học trường mình, còn con mình thì gửi đi nơi khác học. Anh T. nói ‘mở rộng’: “Làm giáo dục cũng phải đủ tình thương, anh không thể vạch ra chiến lược giáo dục để áp dụng cho con người khác học còn con mình thì gửi đi nước ngoài để thụ hưởng một ‘chiến lược giáo dục’ khác”.

8. Vừa rồi, cuộc vận động “Giờ Trái đất” diễn ra sôi nổi. Một giờ không sử dụng điện. Giới trẻ tụ họp đốt nến, ca hát... để vận động cho việc tiết kiệm điện. Ý định là tốt, nhưng anh D. nói là “chưa đủ tình thương”. Sau các buổi tụ họp, rác vương vãi khắp nơi. Các thanh niên ấy “thương” cái lớn lao, vĩ đại là ‘trái đất’ nhưng chưa “đủ thương” nó vì lượng cac-bô-níc xả ra của nến cũng nhiều. Cho là họ “đủ thương” Trái đất, không đốt nến, đốt đuốc và tổ chức buổi tụ họp trong bóng đêm không đèn đuốc thì họ cũng “không đủ thương” những người phải dọn dẹp rác rưởi hậu quả của buổi thể hiện “tình yêu trái đất” ấy. ■



Vì sao con người bị nghiện và làm sao để không bị nghiện?

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Khi nói đến nghiện, ai cũng nghĩ nghiện một cái gì đó thật cụ thể. Như nghiện ma túy có nghĩa là do sử dụng một chất gọi là ma túy lâu ngày và bị nô lệ chất đó đến độ phải tiếp tục dùng nó. Nhưng hiện nay, người ta còn nói đến việc nghiện một số thứ mà có người cho là quá lạ đời. Hãy xem một thông tin mà báo chí đã đề cập: “Nhiều bậc cha mẹ hiện nay chỉ lo làm ăn, kiếm tiền, thiếu quan tâm đến con cái, chỉ đến khi nhà trường và công an thông báo là các em đã phạm tội, bấy giờ mới

tá hỏa về đứa con “cứng” của mình lâu nay đã bỏ học, đã trở thành “con nghiện” game online mà gia đình không hề hay biết”. Đó là tình trạng nghiện “game online” (tức trò chơi trực tuyến trên internet). Hoặc có tin: “Tiger Wood, tay đánh golf người Mỹ trong thời gian vừa qua đã khốn đốn, không còn giữ nguyên thành tích thắng trận liên tục và hạnh phúc gia đình có nguy cơ đổ vỡ vì nghiện “sex” (tức nghiện hoạt động tình dục) đưa đến ‘lang chạ’ với nhiều cô gái”. Rõ ràng chơi game online và hoạt động tình dục đều có sử dụng chất gì, chỉ là



“cảm giác, cảm xúc đưa đến hình dung, suy tưởng, tưởng tượng” thế sao lại nghiện? Tệ nạn nghiện ngập đang gây khủng hoảng toàn thế giới. Vấn đề cốt lõi là làm sao mỗi một chúng ta, đặc biệt giới trẻ, không sa vào con đường nghiện ngập.

Vì nói chung, nghiện là hệ quả của việc sử dụng một chất gì đó gọi là *chất gây nghiện*, điển hình là ma túy, cho nên trước hết có đôi điều nói về chất gây nghiện.

CHẤT GÂY NGHIỆN LÀ GÌ?

Ma túy là chất điển hình gây ra sự nghiện, có những đặc tính sau mà một chất gây nghiện nhẹ hay mạnh hàm chứa ít hay nhiều các đặc tính này:

- Gây cho người sử dụng nó có sự ham muốn không kiềm chế được là phải sử dụng bằng bất cứ giá nào.

- Gây cho người sử dụng nó có khuynh hướng phải tăng liều dùng, tức là càng ngày liều dùng phải cao hơn mới có tác dụng (thường được gọi là “lờn thuốc”).

- Gây cho người sử dụng nó có sự lệ thuộc, hay cũng có thể nói là sự nô lệ, về mặt tâm thần và thể chất.

Nếu đã nghiện chất gây nghiện mạnh là ma túy mà ngưng sử dụng sẽ bị “*hội chứng cai thuốc*” (withdrawal syndrome) làm cho vật vã đau đớn khiến người nghiện khó lòng bỏ ma túy được.

Đúng ra từ ma túy chỉ dùng chỉ một số chất: thuốc phiện, morphin, heroin, cocain và những thuốc tổng hợp tương tự morphin được ghi tên chung là opiat hay opioid. Nhưng hiện nay dân nghiện sử dụng khá nhiều thuốc ngoài các chất là ma túy thật sự nên có thể chia các chất gây nghiện thành 4 nhóm sau:

1. *Những chất là ma túy thật sự*, gồm có: *Thuốc phiện* (Opium, còn gọi là nha phiện, á phiện, được trích ra từ quả cây thuốc phiện); *Morphin* (hoạt chất chính được trích ra từ thuốc phiện); *Heroin* (diacetyl morphin, còn gọi là bạch phiến), *Các chất tổng hợp tương tự morphin* (pethidin, oxycodon, methadon...); *Cocain* (hoạt chất trích từ lá cây Coca).

2. *Những chất gây ảo giác (hallucinogens)*, gồm có: *Cần sa* (marijuana, Hashish, Ganjah, tiếng lóng hiện nay là bồ đề), *LSD* (viết tắt của Lyserg Sauer Diethylamide tức Lysergic acid diethylamide), *Mescaline* (hợp chất trích từ xương rồng Nam Mỹ có tên là Peyote), *Psilocybin* (trích từ một loại nấm ở Mexico).

3. *Những chất kích thích hệ thần kinh trung ương*, gồm có: *Amphetamin*, *methylphenidat* và các dẫn chất của *amphetamine* như *methylen dioxy-methamphetamine* (MDMA, ecstasy, ở ta gọi là “thuốc lắc”).

4. *Những chất ức chế hệ thần kinh trung ương*, gồm có: *Thuốc ngủ loại barbiturat* (Séconal, tiếng lóng trước đây “sì cọt”, Immenoctal, Binocet...), *Thuốc an thần gây ngủ loại benzodiazepin* (diazepam: Seduxen Valium, rohypnol: tiếng lóng hiện nay “Rô cam”, “Rô hồng”).

Như vậy, ta thấy đa số ma túy và các chất gây nghiện đều là thuốc. Có thể nói, ma túy và chất gây nghiện đóng vai trò đáng kể trong dược học. Điều đáng chú ý là ma túy hay chất gây nghiện nếu được sử dụng đúng mục đích chữa bệnh là những thuốc rất quý. Chẳng hạn, tác dụng làm giảm đau của morphin, pethidin... trong nhiều trường hợp chẳng có dược phẩm nào khác sánh bằng để điều trị đau kiểu như đau ung thư. Và các thuốc này nên lưu ý phải có chỉ định và hướng dẫn sử dụng của thầy thuốc. Mọi trường hợp như: tự ý sử dụng không phải cho mục đích điều trị, tự ý kéo dài thời gian sử dụng, tự ý tăng liều, đều được gọi là lạm dụng thuốc hay lạm dụng ma túy mà hậu quả rất tai hại.

CƠ CHẾ GÂY NGHIỆN

HAY BẰNG CÁCH NÀO BỊ NGHIỆN?

Các chất gọi là ma túy như thuốc phiện, morphin, pethidin, ... có tác dụng giảm đau rất tốt nhưng lại gây nghiện. Hai tính chất này gần như đi đôi với nhau. Từ lâu, người ta có gắng tìm hiểu vì sao các thuốc này có tính chất như vậy và cho tới nay các cuộc nghiên cứu vẫn đang tiếp tục. Nhờ những tiến bộ đạt được trong

lĩnh vực sinh học phân tử và nhất là từ khi phát hiện ra các thụ thể (receptor) của thuốc, tức là nơi trong cơ thể được thuốc gắn vào mới phát huy tác dụng cho hiệu quả điều trị, người ta đưa ra giả thuyết về cơ chế tác động và gây nghiện của ma túy như sau.

Cơ chế gây nghiện giải thích theo lý thuyết "thụ thể"

Khi đưa vào cơ thể một thuốc gây nghiện, điển hình là morphin, sẽ làm giảm triệu chứng đau, đồng thời gây nên các hiệu ứng khác: ức chế hô hấp, kích thích tim, chống sự co thắt của nhu động ruột (người nghiện thường bị táo bón) và đặc biệt, gây cảm giác khoái lạc mà người nghiện mô tả là không có cảm giác khoái lạc nào bằng, sau đó là gây nghiện tức là không bỏ thuốc được, bằng bất cứ giá nào phải tiếp tục sử dụng nó. Có được những hiệu ứng như thế do morphin đã gắn vào các receptor của nó có trong cơ thể (nhiều nhất ở não, tủy sống) được gọi là opioid receptor (opioid bắt nguồn từ opium là thuốc phiện). Có thể hình dung các receptor này như ổ khóa, ma túy như chìa khóa, tra chìa vào ổ sẽ làm khóa mở, tức là gây nên tác dụng.

Vào đầu những năm 1970, người ta mới phát hiện ra các opioid receptor và hiện nay đã phân thành 4 loại:

- Receptor "muy" (μ): là receptor khi morphin gắn vào sẽ *gây tác dụng giảm đau, gây khoái cảm, ức chế hô hấp và gây lệ thuộc thể chất* (tức gây nghiện).
- Receptor "kappa" (κ): *gây an thần, thu hẹp đồng tử* (tức con người ở mắt).
- Receptor "delta" (δ): *gây ảo giác, kích thích tim*.
- Receptor "nociceptin": mới phát hiện, *gây lo lắng, trầm cảm, thèm ăn*.

Khi phát hiện ra các opioid receptor, người ta hết sức phân vân tự hỏi không lẽ receptor này hiện diện trong cơ thể là thừa, chỉ sử dụng thuốc giảm đau là thuốc gây nghiện bên ngoài gắn vào mới phát huy tác dụng? Thiên nhiên ít khi đặt để một cái gì thừa cả. Vậy phải có chất gì có chính trong cơ thể để gắn vào các receptor này. Các nhà khoa học cố tìm cho ra chất ấy. Thật không uống công. Vào năm 1975, người ta phát hiện và trích ly từ não heo hai hợp chất được đặt tên chung là enkephalin có tác dụng giống như morphin gắn vào các opioid receptor. Hai hợp chất chỉ có 5 acid amin, cả hai đều giống cả bốn acid amin chỉ khác ở một acid amin còn lại; một có chứa methionin nên được gọi là Met-enkephalin, một chứa leucin được gọi là Leu-enkephalin. Chính hai hợp chất này đã mở đầu cho việc tìm kiếm các chất có trong cơ thể có tác dụng như morphin gọi là *endorphin* (morphin nội sinh). Như vậy, ta thấy trong cơ thể ta cũng có ma túy nhưng loại ma túy này hoàn toàn vô hại do chính cơ thể sản xuất ra, không quá thừa và chính nhờ chúng mà cuộc sống ta mới thoải mái. Nếu không có các endorphin, ngưỡng đau của ta sẽ rất thấp, đáng lý đau chút ít sẽ thành đau rất nhiều. Khi bị chấn thương, ta bị đau và có thể "cần răng chịu được" ấy là nhờ cơ thể đã sản xuất ra endorphin hỗ trợ cho ta. Sự phát hiện

ra endorphin phần nào giải thích cơ chế của một số phương thức trị liệu không dùng thuốc giảm đau, chẳng hạn như châm cứu gây tê. Châm cứu làm giảm đau được một số nhà y học giải thích là do kích thích cơ thể tiết ra endorphin nhiều hơn.

Sự phát hiện ra các opioid receptor và các endorphin giúp giải thích tính chất gây nghiện của ma túy và hiểu biết vì sao người ta lại nghiện. Khi sử dụng chất gây nghiện nhiều lần, chất gây nghiện gắn vào các receptor và làm thay đổi một số chất sinh học đóng vai trò điều hòa hoạt động sinh lý của cơ thể. Cơ thể phải tự điều chỉnh để quen dần sự thay đổi do sự hiện diện của chất gây nghiện. Mặt khác, chính các endorphin, do cơ thể đã có chất gây nghiện, sẽ tự ức chế tiết ra ít dần đi và sau cùng hoàn toàn không tiết nữa. Đây là cơ chế gọi là sự phản hồi (feedback), giống như một nước quen nhận viện trợ, không thèm sản xuất, đến lúc nào đó hoàn toàn chỉ sống nhờ vào viện trợ. Có thể nói, người nghiện không còn khả năng sản xuất endorphin, do không có endorphin phải sống lệ thuộc vào chất gây nghiện. Nếu ngưng sử dụng chất gây nghiện, do hoàn toàn không có endorphin, sự điều chỉnh hoạt động của các chất sinh học bị hụt hẫng, sẽ bị cơn vật vã dữ dội mà người nghiện khó lòng chịu đựng được.

Trên đây nói về cơ chế gây nghiện của một chất gây nghiện cụ thể. Thế còn trường hợp nghiện game online hay nghiện sex thì như thế nào? Tại sao không sử dụng bất cứ chất gì, mà chỉ là "từ cảm giác, cảm xúc đưa đến hình dung, suy tưởng, tưởng tượng" thế sao lại nghiện? Lý thuyết "thưởng phạt" đã được các nhà khoa học đưa ra để giải thích trường hợp sau.

Cơ chế gây nghiện giải thích theo lý thuyết "thưởng phạt"

Phải tiếp tục thực hiện hành vi đã có trước đây để hưởng *hiệu ứng thưởng* (rewarding effects) đưa đến, như "dùng ma túy" để được thưởng hiệu ứng "gây sảng khoái", "dùng rượu, thuốc lá" để "gây thư giãn". Hoặc phải tiếp tục "chơi game online" để "hưởng khoái cảm được thắng trong trò chơi", hoặc phải tiếp tục có "hành động sex" để "đạt cực khoái", v.v.

Hiệu ứng "thưởng" xảy ra trong giai đoạn đầu của sự nghiện và gây lệ thuộc tâm lý. Còn hiệu ứng "phạt" thường xảy ra đối với việc sử dụng chất gây nghiện điển hình là ma túy. Phải tiếp tục dùng thuốc để tránh *hiệu ứng phạt* (punishing effects) chính là "*hội chứng cai thuốc*" xảy ra do ngưng dùng thuốc. Hiệu ứng phạt xảy ra khi dùng thuốc một thời gian và gây lệ thuộc thể chất.

Người nghiện chất gây nghiện ở giai đoạn đầu phải dùng thuốc do hiệu ứng thưởng nhưng càng về sau không thể bỏ thuốc, phải tiếp tục dùng thuốc chính vì hiệu ứng phạt. Sự thưởng phạt còn được giải thích thông qua hoạt động của chất dẫn truyền thần kinh. Chất gây nghiện gây ra hiệu ứng thưởng bằng cách *tăng cường sự dẫn truyền của hệ dopamin*, tức làm cho

chất dẫn truyền thần kinh là dopamin hoạt động mạnh lên. Chất gây nghiện như opioid mặc dù tác động chủ yếu trên thụ thể opioid nhưng cũng gián tiếp tăng cường hệ dopamin. Còn sự khoái cảm do chơi game online hoặc do hoạt động sex hiện nay đã được biết có liên quan đến các chất dẫn truyền thần kinh như dopamin, serotonin... Hiệu ứng thường làm thay đổi hoạt động của hệ dopamin và đưa đến cơ thể tự điều chỉnh để đáp ứng sự thay đổi này. Sự tự điều chỉnh chủ yếu xảy ra ở hệ thần kinh còn gọi là *sự thích ứng thần kinh* (neuroadaptation) thể hiện bằng sự giảm bớt các thụ thể của chất gây nghiện ở hệ thần kinh, chính sự giảm bớt các thụ thể của chất gây nghiện do sự thích ứng giải thích cho hiện tượng "*lờn thuốc*" (thuốc dùng liều trước đây sử dụng nhưng do thụ thể gắn nó ít đi đến sự giảm tác dụng gây tình trạng phải tăng liều chất gây nghiện). Trường hợp nghiện game online hay nghiện sex cũng có thể gặp hiện tượng "*lờn*", tức người nghiện cứ muốn ngày càng chơi nhiều hơn để có khoái cảm. Nên lưu ý, sự thích ứng thần kinh tạo sự cân bằng xảy ra với sự hiện diện của chất gây nghiện hoặc hình ảnh, cảm giác mà trí não đã được kinh nghiệm. Nếu đột ngột ngưng chất gây nghiện, sẽ có sự hụt hẫng, sự thích ứng thần kinh ban đầu không còn thích hợp, cơ thể tự điều chỉnh để có sự cân bằng mới. Lần này sự tự điều chỉnh chính là "*hội chứng cai thuốc*" trừng phạt người nghiện một cách nghiệt ngã. Còn đối với nghiện game online hoặc nghiện sex, sự tự điều chỉnh khi không tiếp tục hành vi bị nghiện ở mức độ nhẹ hơn là cảm thấy rất khó chịu, luôn bị ám ảnh phải tiếp tục thực hiện hành vi bị nghiện đó bất chấp sự tự chủ của bản thân.

LÀM SAO ĐỂ KHÔNG BỊ NGHIỆN?

Hiện nay người ta đã phát hiện sự nghiện có liên quan đến gen, tức cấu trúc di truyền. Bởi vì có người khi tiếp xúc chất gây nghiện rất dễ dàng bị nghiện trong khi ở người khác thì sự nghiện đến chậm và gây sự lệ thuộc khó khăn hơn. Thêm nữa, yếu tố môi trường tức hoàn cảnh bên ngoài sẽ tác động rất mạnh mẽ làm cho con người ta bị nghiện. Tuy nhiên, chỉ có một phương cách rất ráo giúp người ta không bị nghiện là KHÔNG TIẾP XÚC VỚI CHẤT NGHIỆN, đặc biệt sự tiếp xúc cứ kéo dài lặp đi lặp lại. Tức không tạo điều kiện cho chất gây nghiện đưa vào trong cơ thể đã gắn được vào thụ thể của nó nằm ở hệ thần kinh trung ương và sự gắn này cứ tiếp diễn nhiều lần, hoặc không đưa những hình ảnh bạo lực, khiêu dâm của các game online và nuôi dưỡng chúng dài ngày trong tâm thức, hoặc không lặp đi lặp lại các hành vi tà dâm, không đánh động mãi dục vọng không chính đáng để sa vào cái gọi là nghiện sex.

Từ hơn hai ngàn mấy trăm năm trước, Đức Phật Thích Ca đã cung cấp cho nhân loại phương pháp thực tập tuyệt vời gọi là thực hành Năm giới để đạt được hạnh phúc chân thật. Chính từ Năm giới, chỉ cần sống đàng



hoàng, trọn vẹn với *giới thứ ba* và *giới thứ năm* thì con người đủ sức tránh được nghiện các thứ kể ở trên. Để thoát ra khỏi đau khổ, Năm giới là con đường thoát mà Đức Phật chỉ ra gồm có: *giới thứ nhất* là bảo vệ sự sống tức không sát sanh, *giới thứ hai* bảo vệ sự liêm khiết của bản thân tức không trộm cắp, *giới thứ ba* là bảo vệ hạnh phúc cá nhân và gia đình tức không tà dâm, *giới thứ tư* là nói nghe trong chánh niệm tức không nói dối, *giới thứ năm* là tiêu thụ trong chánh niệm tức là không uống rượu và dùng chất gây nghiện. Rõ ràng là khi hiểu thấu, sống trọn vẹn với *giới thứ ba*, *giới thứ năm* tức ngay từ đầu con người, đặc biệt là giới trẻ, sống vững chãi, không đưa vào cơ thể các "*độc chất*" là các chất gây nghiện như ma túy hoặc các cảm giác, hình ảnh mà thực chất đó là chất liệu của bạo lực, tà dâm thì con người làm sao lại bị nghiện cho được. Khẩu hiệu thường dùng để phòng chống tệ nạn nghiện ma túy là "*Không bao giờ dùng thử ma túy dù chỉ một lần*". Rất cần thiết cho giới trẻ biết được khẩu hiệu đó và quan trọng hơn là tự sâu thẩm trong lòng họ, họ hiểu ra mọi sự và họ nhất quyết không dùng bất cứ "*độc chất*" nào để đầu độc chính họ. ■

Thầy chùa

THỊ GIỚI

Gần đây, tôi có nhận được một điện thư của người bạn liên quan đến hai tiếng “thầy chùa.” Trong bài viết này, tôi muốn chia sẻ bức điện thư và một góc nhìn (có thể chủ quan) về câu chuyện “thầy chùa” với bạn đọc Văn Hóa Phật Giáo.

Vì bức điện thư khá dài, tôi xin phép tác giả được cắt bớt một số đoạn mà tôi nghĩ sẽ không làm sai lệch ý nghĩa của bức điện thư. Tôi cũng xin giữ nguyên “văn phong điện thư” của bức thư, chỉ thay tên người bằng XYZ.

“Không cần phải nói là không ai trong chúng ta đã nhìn thấy Đức Phật. Chúng ta chỉ thấy tượng Phật thôi. Mà tượng Phật thì có lẽ cũng... tám vạn bốn ngàn hình dạng. Nhưng dường như tôi đã thấy... một ông bác của tôi. Đó là một ông thầy chùa, như cách nói của XYZ. Bác tôi có gia đình, nghĩa là có vợ con. Người con (trai) duy nhất của bác lớn hơn tôi năm hay bảy tuổi.

Bác đi tu từ bao giờ tôi không biết. Khi tôi có hiểu biết thì đã thấy bác là một ông thầy chùa. Khi tôi hiểu biết thêm một chút nữa thì cả gia đình bác đã có một ngôi chùa riêng. Trước đó bác tụng kinh gõ mõ trong ngôi nhà thờ của dòng họ mà bác là người vai trưởng được cai quản. Tôi phải nói là bác tôi vừa là một ông thầy chùa nhà quê, vừa... mù chữ. Có lẽ ông không biết một chữ a, b, c nào cả. Nhưng ông biết “chữ nho”. Bác tụng niệm ê a bằng “chữ nho”.

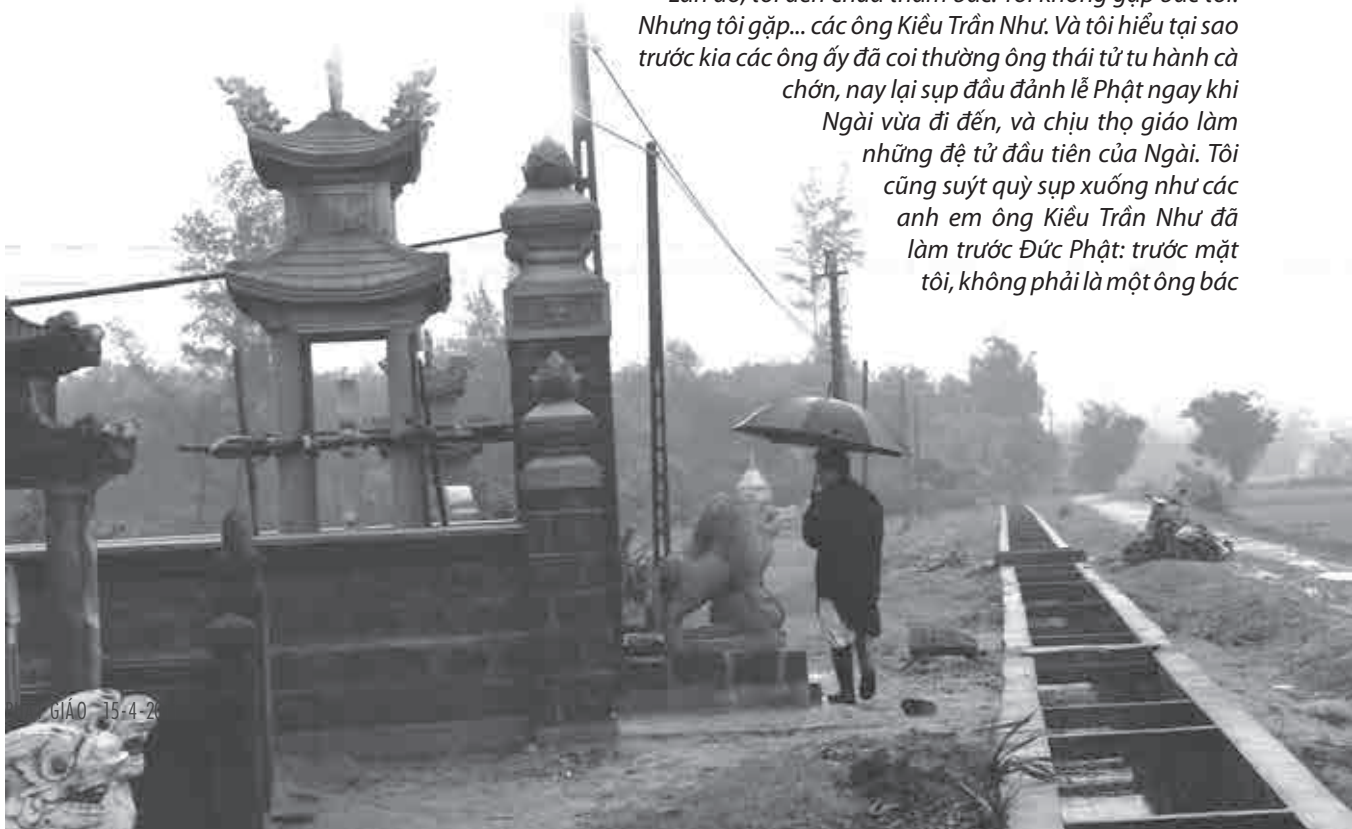
Tôi lớn lên, tôi đi học hành. Tôi đi đây đi đó. Tôi “biết” được nhiều thứ. Tôi biết nhiều chuyện năm châu bốn biển, nhưng bác tôi vẫn là một ông thầy chùa nhà quê, cùng với vợ và con tu hành một cách quê mùa và lặng lẽ, trong một ngôi chùa nhà quê.

Năm 1968, tôi giải ngũ (thương binh loại 2), về thăm nhà trước khi tiếp tục đi lang bạt. Tôi đến chùa thăm bác tôi.

Người ta gọi ông là Hòa thượng. Với tôi, ông cứ là bác Ba. Vì tôi đi lang bạt kỳ hồ lâu quá, không có cơ hội gần gũi với ông nhiều để quen với tình trạng tu hành của ông và chuyển đổi quan niệm về sự liên hệ, nên tôi vẫn giữ nguyên tình giòng họ gia đình.

Và lại, trong con mắt tôi, một thanh niên “tân tiến” đã đi đây đi đó, đã nghe đã thấy nhiều chuyện trên đời; hơn nữa, hồi nhỏ, tôi có một thời kỳ làm đệ tử xuất gia của một vị thầy khác ở Sài Gòn, cho đến khi thầy viên tịch thì tôi... xuất tục. Tức là tôi đã đi tu ở thành phố đàng hoàng chứ không phải tu ở nhà quê. Tôi có học “chữ nho” đọc được hết kinh sách trong chùa. Và được học cả tiếng Tây nữa. Mà bác tôi vẫn chỉ là một ông thầy chùa nhà quê mù chữ. Càng là thầy chùa nhà quê, vì chắc chắn là bác tôi chưa bao giờ đi ra khỏi cái làng Long Hương thuộc quận Tuy Phong tỉnh Bình Thuận quê tôi, nơi mà sau khi làng tôi bị giặc Pháp tàn phá và tàn sát vào năm 1949, dân trong làng đã di cư sang đó sinh sống. Gia đình bác tôi cũng di cư sang đó lập một cái am nhỏ sau đó trở thành một ngôi chùa.

Lần đó, tôi đến chùa thăm bác. Tôi không gặp bác tôi. Nhưng tôi gặp... các ông Kiều Trần Như. Và tôi hiểu tại sao trước kia các ông ấy đã coi thường ông thái tử tu hành cà chớn, nay lại sụp đầu đánh lễ Phật ngay khi Ngài vừa đi đến, và chịu thọ giáo làm những đệ tử đầu tiên của Ngài. Tôi cũng suy tởm sụp xuống như các anh em ông Kiều Trần Như đã làm trước Đức Phật: trước mặt tôi, không phải là một ông bác



ruột quê mùa mù chữ, mà là... Đức Phật. Hình ảnh Đức Phật đã hiện thân trong ông bác tôi. Ngài mỉm cười nắm tay tôi, để tôi khỏi quỳ sụp xuống. Ngài hiền hòa và rạng rỡ. Dường như Ngài tỏa hào quang. Tôi không nghe một lời "pháp" nào cả. Tôi chỉ nhìn thấy Ngài tĩnh lặng như thế. Một sự tĩnh lặng bình yên, dịu dàng và mênh mông và vĩ đại. Tất cả sự cảm nhận của tôi vào lúc đó không cần lời, không thông qua một lời nói "pháp" nào cả.

Hơn bốn mươi năm rồi mà bây giờ hồi tưởng lại giây phút kỳ diệu đó, tôi vẫn thấy mình xúc động rất sâu sắc...

XYZ thân mến, chắc "cậu" vừa chớm nghĩ: Rồi ông ấy có tiếng tăm gì không? Và ông ấy đã làm được chuyện gì cho đạo Phật và cho cuộc sống? Nếu có một ông thầy chùa "đắc đạo" sao không nghe ai nói?

Tôi không nói bác tôi "đắc đạo". Bác không thuyết giảng gì cả. Bác tôi chỉ nói chuyện thân mật với một đứa cháu. Cho đến lúc đó, không những tôi "hiểu biết" chuyện năm châu bốn bể, chuyện khoa học, đất trời, đời sống vân vân nhiều hơn bác, mà cả "chuyện đạo Phật" có lẽ tôi cũng "biết" nhiều hơn ông bác nhà quê của tôi. Vì trước đó khi ở chùa không những tôi đọc được kinh sách chữ Nho (như bác) mà còn được đọc nhiều kinh sách chữ Quốc ngữ của... ông Đoàn Trung Còn. Thế thì bác có gì để "giảng thêm" cho tôi!

Tôi run run khấp nép ngồi bên cạnh bác, ngây ngất nhìn bác, ngây ngất nghe bác hỏi thăm về cuộc sống của mẹ con tôi. (Bố tôi mất hồi tôi còn nhỏ lắm - nên tôi mới... đi tu!).

Những lời thăm hỏi của bác không phải là "lời pháp" gì cao siêu để tôi vin vào đó mà nói rằng bác tôi "đắc đạo". Dường như bác tôi không làm gì cả. Không có tiếng tăm gì cả. Rồi bác tôi qua đời hồi nào tôi không hay. (Vào lúc cả nước đang đói, tôi đang ở Quảng Nam, đưa gia đình lên núi làm rẫy). Mặt trời mọc lên lặng lẽ thế nào thì khi lặn xuống cũng lặng lẽ thế ấy.

Dường như trong một cuốn sách nào đó, Sư ông Nhất Hạnh có nói về khái niệm "đạo đức vô hành" của những nhà tu hành chứng đắc. Các ngài không nhất thiết phải "làm" gì cả. Càng không cần nổi tiếng ồn ào. Chỉ sự hiện diện vô hành của các ngài đã đủ quan trọng và lợi ích cho cuộc sống.

Có một lần, trong câu chuyện lật vật với nhau về sinh hoạt nhà chùa chung chung, nhà thơ Phạm Thiên Thư kể rằng ở một ngôi chùa (tôi không nhớ tên), có một người

đàn ông lớn tuổi "làm công quả". Ông giữ việc quét dọn trong chùa và chăm sóc khu vườn quanh chùa. Ông không phải là nhà sư, không có "liều" riêng trong chùa. Ông làm một cái "cốc" nhỏ bằng các vật liệu nhẹ ở một góc vườn chùa. Buổi tối, ông cũng è a tụng kinh ở đó. Tính tình ông rất hồ hởi và cởi mở, có thể nói là rất xuề xòa hếch hạc. Người ta mến nhưng không ai coi trọng. Đến chùa ai lại coi trọng một ông quét dọn hơn các vị tu hành công đức! Vì tính ông rất hếch hạc, chẳng mấy ai quan tâm đến những gì ông nói. Một hôm, ông bỗng đi chào từ biệt mọi người trong chùa. Ông vui vẻ hể hả như tính ông bình thường hàng ngày, nói cho mọi người biết ông sắp "đi", nên ông đến chào từ biệt họ. Người ta cười.

Tối hôm đó người ta vẫn nghe ông è a tụng kinh trong cái "cốc" ngoài góc vườn, nhưng trưa hôm sau, suốt buổi sáng không thấy ông ra quét dọn, người ta mới cho người đi tìm và sừng sốt phát hiện ông đã "đi" trong tư thế ngổ kiết già trong cái "cốc" sơ sài hếch hạc của ông. Tôi không nhớ nhà thơ Phạm Thiên Thư nói sau các thủ tục "khám nghiệm tử thi", người ta an táng hay hỏa thiêu ông. Nhưng người ta sừng sốt rằng ông "đắc đạo"(!)

XYZ thân mến, có lẽ có nhiều ông thầy chùa như thế. Sự chứng đắc có thể làm biến đổi diện mạo bề ngoài của một ông thầy chùa nhà quê mù chữ như ông bác tôi, khiến mọi cử chỉ an nhiên tự tại của ông trở nên như tỏa hào quang thư thái an lành trước mắt tôi, nhưng cũng có thể vẫn giữ cái vẻ xuề xòa hếch hạc như ông làm vườn "công quả", hoặc vị sư Tế Điền huyền thoại trong tiểu thuyết Tàu. Các vị ấy có thể không "hiểu" Phật pháp bằng hoặc như cái hiểu của chúng ta. Tương truyền Lục tổ Huệ Năng của Tàu cũng mù chữ, (tức là "thua" cả ông bác nhà quê của tôi, vì bác tôi thông thạo "chữ nho") nhưng chỉ nghe kinh Kim Cương mà ngộ. Phật pháp không phải để "hiểu". Phật pháp là để chứng ngộ. Bát Nhã Tâm kinh chỉ có mấy trăm chữ, tuy cao siêu, nhưng có hàng vạn người từ Đông sang Tây, từ xưa đến nay đã lý giải, soi rọi bằng đủ thứ "ánh sáng". Tức là có hàng vạn người "hiểu" trong đó Phật nói gì. Tôi cũng "hiểu", nhưng từ cái "hiểu" này đến sự chứng ngộ bản chất của "Sắc và Không" là một chuyện xa xăm như từ trái đất chúng ta đến một hành tinh nào đó có sự sống trong vũ trụ. Tuy vậy, có lẽ ông bác nhà quê của tôi đã "đến" được hành tinh đó, trong khi tôi có thể "hiểu" nhiều hơn, hiểu "rộng" hơn ông ấy, thì tôi không là gì cả. Mà hàng triệu người "hiểu nhiều hiểu rộng" hơn tôi cũng chẳng là gì cả. Thậm chí tôi chưa được quỳ xuống đảnh lễ ông bác thầy chùa nhà quê của tôi...

Trong một cuốn sách (có lẽ cũng của thầy Nhất Hạnh mà tôi không nhớ tựa), tác giả tỏ ra, đại ý, hết sức kính trọng một ông sư quê mùa cả đời chỉ tụng đọc một cuốn kinh và chứng đắc, mà "sợ" quý vị tu hành thông thái cõi hỏa tiễn bay qua rừng tam tạng.

Không loại trừ việc các thầy cố ý gạt bớt, nếu không phải là gạt hết, kiến thức, để giảm thiểu cái tình trạng tâm ý gọi là "tâm viên ý mã", dập tắt sự biện biệt "nhị nguyên"





cho trí dễ im và tâm dễ lặng. Làm như vậy, có thể các thầy bị “chúng ta” coi thường, thậm chí là miệt thị, vì cho là dốt nát hay sai lầm thiếu sót chỗ này chỗ khác. “Thầy chùa” là một từ miệt thị như thế. (TK)

Nếu hai tiếng “thầy chùa” dùng để chỉ một vị tu sĩ “quê mùa”, ít sách vở, không văn chương... thì thầy tôi cũng chính hiệu là một ông “thầy chùa.” Ông thầy chùa đó, ngày ngày, với bất cứ bộ áo quần nào có thể có được và một đôi giày bố lính, sáng vác cuốc đi, chiều vác cuốc về... Và cho đến bây giờ đã tròn trăm tuổi, không còn vác cuốc đã mấy mươi năm, “sự nghiệp một đời” của thầy cũng chỉ đếm được chừng đó, không bớt cũng không thêm.

Khi xem bộ phim *Xuân, Hạ, Thu, Đông...*, vị sư già trong phim, hình ảnh của một “thầy chùa” đúng nghĩa, đã làm tôi liên tưởng đến thầy:

“Thầy, tâm nhẩn như mặt đất, đơn giản và khiêm cung như chiếc am nhỏ trên mặt hồ giữa thung lũng sâu. Sáng tối thầy mở khép cánh cửa không, không có vách ngăn. Có phải thầy đang nghiêm túc chơi một trò đùa? Đất trời của thầy trọn vẹn khít khao. Thầy không trèo lên tận đỉnh ngọn núi thật cao để nhìn trời đất rộng lớn. Chỗ dừng của thầy là đối ăn khát uống. Đến thời tiết thì bình thản ra đi. Đó là Xuân Hạ Thu Đông của thầy, cũng là lòng từ bi của thầy.

Trò, như con sóng nô đùa trên biển lớn không biết mình là nước. Mùa xuân theo dục vọng tạo nghiệp trong mùa xuân, mùa hạ theo dục vọng tạo nghiệp trong mùa hạ, rồi trả nợ trong mùa thu, tìm kiếm trong mùa đông... Hành xác để chuộc tội lỗi chăng? Leo lên tận đỉnh núi thật cao để tìm kiếm phương trời cao rộng chăng? Bốn mùa xuân hạ thu đông vẫn tiếp diễn, chiếc am nhỏ vẫn bình bồng trên mặt nước. Tìm thầy ở đâu? Tìm phương trời cao rộng ở đâu? Xả lợi của thầy hãy thả cho trôi theo giòng nước.

Thầy, hình ảnh của nước một vị. Trò, hình ảnh của sóng lăn tăn. Người đệ tử lạy thầy để đi vào tù, tôi cũng đã lạy thầy để tiếp tục cuộc bon chen. Nhà tù và cuộc bon chen có khác nhau chăng? Có điều tôi tin là lạy thầy để ra đi cũng có nghĩa

là hứa với thầy sẽ trở về. Sóng hứa với nước sẽ trở về với nước dù biết mình vẫn là nước” (Xuân Hạ Thu Đông).

Thầy Nguyễn Thế Đăng viết về vị thầy chùa nông dân đó như sau:

“Những khi thầy đi một mình trên con đường từ rẫy về chùa, khuôn mặt thầy là nổi hân hoan của trời đất, là vẻ xanh tươi của cây cỏ bốn mùa... Thầy nói: “Người thấy Tánh thì nhìn một chiếc lá rụng cũng thấy vui tràn bờ”. Có những lúc thầy ngồi một mình trong vườn, không quá khứ, không hiện tại, không tương lai, vô niệm, vô tướng, vô trụ... như Bát Nhã, đích thực là Bát Nhã vậy” (Ai tri âm đó).

Đối với chúng tôi, ông thầy chùa đó chính là nước một vị, còn như chúng tôi, những đệ tử của Thầy, học đủ thứ trên trời dưới đất, viết đủ chuyện bốn biển năm châu, quỳ trước thầy thì vẫn như những con sóng bập bềnh trôi nổi... Có lần cúi xuống lạy thầy, khi nhìn lên tôi bắt gặp một nụ cười của thầy. Tôi bỗng biết đó là nụ cười từ ngàn xưa cho đến ngàn sau:

“Sau khi lạy thầy ba lạy để từ giã, nhìn lên tôi bắt gặp cặp mắt và nụ cười của thầy. Tôi biết rằng đó vẫn là cặp mắt và nụ cười tự thuở nào và cũng sẽ là cặp mắt và nụ cười trong tương lai” (Đêm qua sân trước).

Một vị “thầy chùa” khác mà tôi muốn được chia sẻ với bạn đọc là Hòa thượng Chí Tín, trụ trì đời thứ ba chùa Long Sơn, Nha Trang. Một đêm giao thừa ở xứ người, tôi đã viết về Hòa thượng như sau:

“.. Chùa Tĩnh Hội gần trường Bồ Đề có thầy trụ trì mà bao nhiêu năm hình ảnh vẫn không thay đổi. Đó là hình ảnh của một vị chân tăng tâm không hề có tăng có giảm, dù chùa Tĩnh Hội là nơi xảy ra nhiều sự đến đi tăng giảm...” (Việc đời qua trước mắt).

Vị thầy chùa đó trụ trì một ngôi chùa lớn mà tôi được biết cách đây trên 50 năm, quần lúc nào cũng xắn cao, trên tay như lúc nào cũng có cây rựa, quan sát chỗ này chỗ kia trong vườn chùa. Mỗi khi có một ít tiền là thầy lại đi giúp người nghèo, thăm bệnh nhân ở bệnh viện. Cách đây ba năm tôi về có ghé thăm thầy. Vẫn áo quần đơn sơ, tấm phản nằm đơn giản với chiếc chiếu không trải hết phản, cũng vốn vãi gần gũi như thuở nào. Chỉ có một cái khác là thầy không còn cầm trên tay cây rựa như ngày xưa vì lớn tuổi. Nghe nói sau năm 1975, có lần có người lên vào chùa leo lên trần định lấy trộm bóng đèn điện, thầy hay được chạy đến bảo người ăn trộm hãy từ từ kéo té, để thầy đi lấy cái thang cho.

Vâng, có nhiều ông “thầy chùa” như vậy đó. Và chính những ông thầy chùa này đã trực tiếp đóng góp một phần rất lớn trong việc làm cho đạo Phật thấm vào lòng người và lan ra xã hội. Và tôi nghĩ các vị thiền sư thuở xưa, nếu không vì một cơ duyên nào đó mà để lại dấu vết cho đời, thì cũng là những ông “thầy chùa,” những vị “bần tăng” đốn củi, hái rau, cày ruộng, cuốc đất. Người đời làm sao thấy được dấu vết của các ngài!

“Mắt xanh ít người biết

Mây trắng hỏi đường qua!” ■



Tẩu hỏa nhập ma

MINH HẠNH ĐỨC

“**T**ẩu hỏa nhập ma” là thuật ngữ thường được nói đến trong võ học. Đó là tình trạng rối loạn khí huyết, đảo lộn kinh mạch do tu luyện khí công, nội công sai phương pháp hoặc do nóng vội mà luyện tập không đúng trình tự, diễn tiến; dẫn đến nhẹ thì sinh bệnh, nặng thì bán thân bất toại, điên loạn, thậm chí tử vong. Người tu theo đạo học thỉnh thoảng cũng dùng thuật ngữ “tẩu hỏa nhập ma” để chỉ tình trạng cuồng tâm loạn trí, ảo tưởng hoặc rơi vào tà kiến, ngoại đạo... do dụng tâm, dụng công sai trong quá trình tu tập. Có thể nói “tẩu hỏa nhập ma” là một dạng bệnh lý; trong võ học nó thiên về thân bệnh, trong đạo học nó thiên về tâm bệnh.

Tình trạng tẩu hỏa nhập ma trong giới võ thuật tuy biểu hiện là thân bệnh nhưng ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý người bệnh, có thể khiến cho người bệnh thay

đổi tính khí, thay đổi tâm tư tình cảm, có thể khiến một người có bản tính lương thiện trở thành kẻ hung ác. Tình trạng tẩu hỏa nhập ma trong giới tu tập theo đạo học tuy là tâm bệnh nhưng cũng ảnh hưởng không ít đến cơ thể sinh-vật lý.

Trong Phật giáo không có thuật ngữ “tẩu hỏa nhập ma”, nhưng những tình trạng tương tự tẩu hỏa nhập ma được kinh điển đề cập rất nhiều thông qua các từ “ma sự”, “ma chướng”, gồm cả nội ma lẫn ngoại chướng mà tiêu biểu là 50 món ma đã được kinh *Thủ Lăng Nghiêm* nói đến.

Trong kinh *Thủ Lăng Nghiêm*, Đức Phật dạy có 10 món ma thuộc về sắc ấm, 10 món ma thuộc về thọ ấm, 10 món ma thuộc về tưởng ấm, 10 món ma thuộc về hành ấm, và 10 món ma thuộc về thức ấm; tổng cộng có 50 món ma. Trong 50 món ma nói trên, có hai trường hợp mà người tu hành thường gặp phải:



Thứ nhất, tâm sinh đại ngã mạn: người tu tự cho việc tu hành của mình với những sở ngộ, sở đắc như thế là đầy đủ, viên mãn rồi; từ đó sinh tâm đại ngã mạn, khinh khi chư Phật, các bậc Thánh văn, Duyên giác; tự cho là mình chứng Thánh, không lạy Phật, lạy Tổ; lại còn hủy hoại kinh tượng.

Thứ hai, tham cầu thần thông, diệu dụng: người tu khởi tâm tham cầu thần thông, diệu dụng và những cảm ứng linh nghiệm. Thiên ma biết được tâm niệm đó thừa dịp nhập vào người giúp người tu có thể hiển thị thần thông diệu dụng, hoặc sai sử người tu làm việc phạm trai, phá giới, thuyết tà pháp, bày điều mê tín dị đoan, tiên tri kiết hung họa phước.

Đôi khi người tu hành học đạo rơi vào tình trạng “tẩu hỏa nhập ma” mà không hay, đó là những hiện tượng:

1. Tư tưởng rối loạn do tích chứa quá nhiều kiến thức mà không thể tiêu về một mối, không thể quán triệt thấu suốt để dung hòa, từ đó cũng không biết chỗ để thực hành, tu tập.

2. Học không bắt đầu từ căn bản, không có cơ sở, nền tảng vững chắc, không được chỉ dạy, huấn luyện phù hợp căn cơ, trình độ. Căn cơ trình độ thấp kém nhưng tiếp cận giáo lý Đại thừa nên sinh tâm ngã mạn, rơi vào tà kiến, ngoại đạo. Việc tu tập những pháp môn không phù hợp căn cơ, trình độ, chẳng những

không đạt kết quả mà còn có hại cho bản thân.

3. Tự thấy mình có khả năng tiên tri, dự đoán kiết hung, tiêu tai giải nạn, xem mình như thần thánh có quyền ban phước giáng họa, thay đổi điều kiết hung mà không cần phải tuân theo nhân quả, bằng cách dùng thần chú, mật ấn, Phạn tự nếu là người tu theo Phật giáo, dùng tà thuật nếu là ngoại đạo; có người còn tự xưng là Vô thượng sư, Đạo sư, Phật sống, Tổ sư v.v. và thấy rằng mình đáng được mọi người sùng bái, kính ngưỡng. Trong Đạo giáo - do Trương Đạo Lăng thành lập vào thế kỷ thứ II ở Trung Quốc, thờ Lão Tử làm Giáo tổ, dạy cách tu tiên, dùng bùa phép, chú thuật trừ tà, trị bệnh, sai khiến quỷ thần - có nhiều người còn tự xưng mình là Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thái Thượng Lão Quân, Nguyên Thi Thiên Tôn, Tây Vương Mẫu v.v. Thời nào cũng có những người tu tập theo đạo học như sai đường lối, rơi vào tà kiến, mắc phải tâm bệnh, làm việc ma sự. Hầu hết những người này đều có ảo tưởng rằng mình đã chứng đắc thần thông hoặc được các đấng thiêng liêng phù trợ. Hiện tượng này giống như tình trạng bệnh tâm thần phân liệt thể hoang tưởng. Ở phương Tây trước giờ cũng có vô số trường hợp “tẩu hỏa nhập ma” khiến phát sinh tâm thần do cuồng tín, do có niềm tin và cách hành đạo lệch lạc, làm hại bản thân và hại nhiều người khác.

Người tu học Phật nếu dụng tâm sai (không có chánh kiến, không có chánh niệm, móng tâm vọng niệm chấp trước, tham cầu thần thông diệu dụng, tu hành với niệm tham, sân, si, tu hành với mục đích có được lợi dưỡng, danh tiếng, sự trọng vọng), dụng công sai (tình trạng thái quá hoặc bất cập trong tu tập, hoặc thực hành sai phương pháp, không đúng lộ trình), hoặc nếu không có thầy hướng dẫn... đều có thể rơi vào đường tà hoặc rối loạn tâm thần, điên loạn (nếu như tu thiền sai phương pháp, lạc vào tà thiền, ngoại đạo thiền). Có thể nói không ít người đã từng tiếp xúc với các trường hợp như thế. Có một vị Phật tử nọ, sau một thời gian tu thì nảy sinh tình trạng “ợ ợ ngáp ngáp”, cho rằng mình được “đấng bề trên” độ mạng; anh thường hay coi bói, đoán kiết hung cho người khác, chỉ cách cúng kiếng, cầu khẩn. Thấy bạn của anh cho rằng anh đã lạc vào đường tà, tìm cách giúp anh nhưng anh cứ khư khư là mình tu đúng chánh pháp. Có nhiều người sau khi tu theo Mật tông một thời gian thì tự tin rằng mình có khả năng tiêu tai giải bệnh, trừ tà, giúp người kinh doanh mua bán hanh thông phát đạt, dám tiên đoán người bệnh trong bao lâu sẽ bình phục hoặc mãn phần. Nhưng khi sự việc xảy ra không như lời “phán” của “cao nhân” thì “cao nhân” lánh mặt hoặc tìm lý do để ngụy biện, đôi khi tự gạt cả bản thân mình vì có ảo tưởng mình có khả năng đặc biệt hoặc có hộ pháp, chư thiên ủng hộ.

Tình trạng “tẩu hỏa nhập ma” tinh thần không dễ nhận ra nếu như không có minh sư, không có thiện hữu tri thức khai thị, chỉ điểm, dẫn dắt. ■



Chuyện lẻ

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

Trong quán nhậu

Quán quay lưng ra sông, đẹp từ lối vào với những chậu hoa đứng châu hai bên đến những bức thư pháp trên tường luôn hút ánh nhìn của khách. Trong góc quán, có “ba cây” đang chụm lại bên những đĩa môi đã vơi non nửa và nổi lẩu vừa được bê ra. Đồng vò chai ngổn ngang dưới gầm bàn ngầm cho biết “cuộc chiến” này đã “khai hỏa” từ lâu. Tương phản với những thức ngon trên bàn là nền nhà bên dưới bừa phứa đầu tôm, xương cá lẫn trong giấy thải ướt nhòe nhoẹt đang phả mùi bãi rác. Họ - một chàng mang kính trắng, tiếp đến là chàng có mụn nốt ruồi dưới cằm với mấy sợi râu dài nhằng xoắn tít, và chàng thứ ba cắt tóc đầu đinh. Nghe chuyện, biết họ làm cùng công ty, đang thả hồn trong chương trình “gặp nhau cuối tuần”.

“Con ranh này, mà mù hà?!” Người trong quán giạt mình nghe giọng chàng kính trắng rít lên như tiếng kim khí cọ nhau. Chàng trừng mắt, ghim cái nhìn nãy

lửa vào cô nhân viên phục vụ đang co rúm, tái mét như gà con gặp quạ. Chuyện là cô nhân viên thu dọn bàn, khi bê cái đĩa đã sợ ý để nước thức ăn thừa đổ vào áo “thượng đế”. Cô ta rối rít xin lỗi, rối rít lấy khăn thơm lau vệt nước bẩn do mình dây ra nhưng vẫn chưa đủ độ làm ông khách hạ nhiệt. Anh ta vung tay, miệng liên tục phun những từ mà nếu ghi lại thì phải viết tắt để người đọc có tự trọng khỏi đỏ mặt. “Xin lỗi nè!” - dường như chưa hả, anh ta giằng cái đĩa trên tay cô nhân viên ném vèo ra đường trước những ánh mắt sững sờ. Hết nhìn ba dị nhân, thực khách quay ra nhìn đám mảnh vỡ đang chia mùi nhọn trên đường. Người rụt cổ, kẻ quay mặt hướng khác, bởi không muốn đối diện tai họa được báo trước. Quán lặng lại trong chờ đợi, phập phồng.

Ai đó reo lên khe khẽ khi thấy bà cụ bán vé số chậm chậm bước ra giữa đường. Bà cụ chống gậy, già đến độ thật ít gặp những người như thế đi một mình ngoài phố. Bà cụ gơ tay, hươ hươ vào khoảng không

báo hiệu nguy hiểm cho dòng người xuôi ngược. Những chiếc xe đột ngột giảm tốc độ, lách xa đám mảnh chai - cái bẫy được sinh ra từ sự vô cảm. Bà cụ ngồi xuống nhặt từng mảnh vỡ, cả những mảnh li ti, bỏ vào bịch ni lông rồi nhúc nhắc đi tới thùng rác công cộng đặt gần đó. Rất nhiều ánh mắt thiện cảm

nhìn theo dáng lợm khộm của bà cụ đang hòa vào dòng người trên phố.

Khác với những tiếng nói cười đang trở lại trong quán, ba chàng ngồi trong góc đột ngột im re. Cũng đột ngột như thế, các chàng đứng lên thanh toán tiền rồi lên xe, biến mất.

Trong quán cà phê

Theo lời “tiếp thị” của bạn, mới đây tôi tìm đến quán cà phê không tên trong hẻm, gần một trường đại học của thành phố. Quán chỉ có mỗi bà chủ phúc hậu đã lúống tuổi nhưng đông khách thành ra khách thường chờ hơi lâu mới được nhâm nhi thức uống mình thích; bù lại, cà phê ở đây ngon tuyệt, giá lại rẻ. Tôi để ý, khách quen của quán phần nhiều là thầy cô giáo và sinh viên của trường học bên cạnh.

Có một khách nữ tuổi ngoài ba mươi, mỗi lần vào quán là tíu tít “cô cô - con con” với bà chủ như người nhà. Cũng tự nhiên như người nhà, chị luôn tự làm thức uống cho mình thay vì ngồi chờ được bê tới như những người khác. Những khi đi cùng các bạn, chị giúp chủ quán phục vụ cho họ rồi tự phục vụ mình. Thỉnh thoảng, chị nán lại quán lâu hơn, cùng bà chủ bưng bê rồi thu dọn, lau bàn. Xong đâu đó, chị trả tiền rồi lật đặt ra về. Bữa nào vội, chị thường thốt lên giọng áy náy: “Cô ơi, hôm nay con bận nên phải về đây”.

Sáng Chủ nhật dậy muộn nào đó, tôi đến quán cà phê khi khách đã vãn nên có dịp ngồi trò chuyện với bà chủ. Nghe hỏi về người phụ nữ thường phụ bán hàng mỗi sáng, bà tươi cười với niềm vui ngời trên nét mặt rồi hào hứng kể. Thì ra, chủ quán là cô giáo nghỉ hưu và người phụ nữ kia (hiện là giảng viên của trường đại học bên cạnh) từng là học trò lớp một của bà hơn ba mươi năm trước. Thương cô giáo cũ nên nữ giảng viên ấy thường đưa các bạn đến đây uống cà phê. “Nhiều lần tôi bảo, em vào quán cứ để cô phục vụ tự nhiên, em chẳng việc gì phải ngại”, bà chủ tâm sự, “Nhưng cô ấy nhất quyết không chịu và nói, học trò dù có là ‘thượng đế’ cũng không được để cô giáo bê nước ‘hầu’ mình.” Quả là chị đã làm đúng điều mình nghĩ và hơn thế như tôi nhiều lần chứng kiến. Thấy tôi suy tư, chủ quán nói thêm: “Nhiều sinh viên vào đây, lúc đầu thấy cô giáo phụ giúp bán hàng thì ngạc nhiên lắm; sau, biết chuyện, các cháu cứ...” Tôi cảm nhận được điều bà chủ quán chưa nói hết. Nhiều sinh viên đã bối rối đứng lên, đưa cả hai tay đón lấy ly nước từ tay cô giáo-người bán hàng không chuyên; có em tự chạy lại quầy bê lấy cà phê, trà đá cho mình.

Hẳn các em đã học được những điều đáng trân trọng từ cô giáo của mình, không phải trên giảng đường mà ngay trong quán cà phê này. ■





Ảnh: **Bá Hạnh**

“Ăn chè... rồi lại ăn xôi”

HUỲNH KIM BỬU

Mặn, nhạt, chua, cay, lẫn ngọt, bùi” (Thơ Nguyễn Bình Khiêm): Vị giác cũng đó mà tình đời cũng đó. Món ngọt phong phú lắm: Bánh thuẫn, bánh in, cốm nếp, cốm ngô... Mà phải chăng, trong đó chè là món thứ nhất?

Chè nào chẳng nấu với đường và thường không thiếu các “gia vị” vẫn dành cho nồi chè: Dầu chuối, gừng, va – ni, lá dứa...

Chè tổng hợp là món chè thường gặp nhất ở nông thôn, nói khác đi, người nông dân thường ăn nhất. Chè chế biến từ *đậu đen, nếp, đậu phụng rang để nguyên hạt*. Tại sao nông dân thích ăn chè tổng hợp? – Vì trong các gia đình nông dân vẫn sẵn có những thổ sản này. Chè tổng hợp nấu đặc. Người nông dân thích ăn đặc, cho chặt bụng mà cầm cày, cuốc, nên gặp món chè này thì phải lòng không gì hơn. Chén chè tổng hợp nóng, bốc hơi, tỏa đủ hương vị: Thơm - nếp, bùi - đậu đỗ, vị ngọt của đường *tối*. Người sành ăn sẽ ăn nóng, bẻ bánh trắng nướng giòn giòn, thơm thơm xúc ăn, cho thêm hương vị. Chén chè này, ăn nguội sẽ mất hết hương vị, bỏ cục đá lạnh của thời nay vào sẽ rất nhạt nhẽo; chế biến chè phải dùng đường đen (đường muổng hay đường tán) mới có vị ngọt đậm đà tính dân dã, nó không hợp với đường cát trắng, dành cho bữa chè khác của nhà khá giả.

Chè thập cẩm thời nay là một sự “phát triển” của chè tổng hợp xưa, có thêm nhiều loại đậu đỗ để cho thành

“thập cẩm”. Vẫn thấy có những quán chè thập cẩm dọn ra đến trên dưới mười cái xoong trắng tinh đựng chè, xếp thành hình vòng cung, giống như một dàn trống võ; mà bà bán chè với những thao tác uyển chuyển nhanh nhẹn để khiến người ta liên tưởng đến người nghệ sĩ biểu diễn dàn trống đó.

Chè đậu đen, nấu loãng, ăn với đá lạnh, có giá trị giải khát lắm.

Chè đậu xanh, chế biến từ nếp, đậu xanh, đường cát vàng mỡ gà, thường gặp ở các nhà trung lưu trở lên. Chè này ăn với đá lạnh vừa mát miệng vừa đã khát.

Chè đậu xanh đánh được chế biến bằng bột đậu xanh mịn, đường cát vàng hay đường cát trắng, đánh nhuyễn. Để nguội, ly chè đặc lại thành bánh, có thể cầm trên tay ăn.

Chè đậu ván, nấu bằng đậu ván nguyên hạt, cho bột mì hạng nhứt và đường cát vào. Chè đựng trong ly, người ta thích ăn với đá lạnh.

Chè đậu ngự, ngọt thanh, cắn hạt đậu ngự, nghe thơm, bùi. Đậu ngự còn được dùng nấu canh với thịt nạc, xào với bún Tàu - thịt nạc đều ngon đặc biệt. Do vậy, nó thường được để dành dâng vua, bởi thế mới đặt tên là *đậu ngự*.

Chè hạt sen thường nấu dâng cúng Phật. Hạt sen còn làm mứt, ăn mứt hạt sen cắn tức tắc, rỉ rả trong ngày Tết ngày tư hay trong đám tiệc, cũng vui, chẳng khác gì cắn hạt dưa.

Chè chuối nướng - nước dừa - đậu phụng rang giã

nhỏ là món chè bình dân, vẫn “kết bạn tâm giao” với giới lao động và học sinh ở các thành phố.

Chè nếp nấu đặc, đựng trong chén, thường gặp trong những bữa cúng *Các bác* ngày sóc ngày vọng hàng tháng, bên cạnh các đĩa xôi nếp đậu xanh, đĩa củ lang luộc chín và những chén cháo trắng.

Chè bắp, chế biến từ bắp non. Nấu sênh sếch hạt bắp non bào nhỏ với đường cát sẽ cho ly chè bắp ngọt thanh, ăn lợi tiểu, chẳng khác gì uống thuốc bắc.

Chè trôi nước, chế biến bằng nguyên liệu bột mì viên, có nhân. Gọi là chén chè trôi nước, bởi vì những viên bột mì hình thoi bọc nhân là hạt đậu phụng rang, to bằng hạt mít, nổi trôi trong chén chè loãng. *Chè ỉ* khác với chè trôi nước ở viên bột mì. Viên bột mì, chính là viên chè. Nó to và tròn trĩnh như quả chanh, mang nhân đậu đỏ hay nhân dừa bào mảnh thành sợi, hương thơm, vị béo mà ngọt lịm. Chè ỉ múc cả nước lẫn cái vào chén hay ly thủy tinh, sẽ bắt mắt, kích thích vị giác, vì cái viên chè to tướng nằm choán hết chỗ của ly chè.

Bánh canh ngọt là món gần gũi, bà con dòng họ với chè. Món này chế biến bằng bột gạo. Bột rạo được rây nước vào cho ướt đều, xe thành cọng to, dài bằng chiếc đũa con; kế đó, cầm từng cọng bột trên tay, đưa tay ra ngang tầm nồi nước đang bắc trên bếp lửa, dùng kéo cắt cọng bột thành từng đoạn dài từ năm tới mười phân, cho rơi thẳng vào nồi nước, kế tiếp cho đường vàng vào. Nồi bánh canh vẫn ở trên bếp, cho tới khi nào nghe mùi thơm của bột gạo chín, của đường tới, thì hạ xuống. Bánh canh dùng nhiều gia vị gừng (như chè đậu đen, chưa có bột va – ni, dầu chuối như ngày nay). Chế biến bánh canh xong, múc ra chén, bát vại, sắp vào mâm, bà nội trợ mời cả nhà ăn. Ăn uống tùy sức, ai hảo ngọt thì ăn bát vại. Đứa con nít nào hư bị người lớn đánh đòn, nút lần ngang, dọc ở mông đít, thì gọi là đã bị “cho ăn... bánh canh”!

Chè bánh trắng là “sáng chế” của mấy chị em nhà nọ mỗi khi cha mẹ vắng nhà. Cầm dao, gọt đường tán vào bát đã có sẵn bánh trắng bẻ vụn, rồi chế nước sôi vào. Chế bậy đứa bậy tởm, tức thì mỗi đứa có một tô chè bánh trắng, ăn cũng ngon như thường.

Chè đông sương chế biến từ rau câu xay thành bột, đóng gói, bán ngoài chợ. Cho bột rau câu vào xoong nước đang bắc trên bếp hồng, nấu sôi, cho gia vị vào, rồi tắt lửa, hạ xuống, múc ra chén. Đợi nguội, nếu nấu loãng thì cho chè đông sương (đông mềm) nếu nấu đặc thì cho bánh đông sương (đông cứng). Ăn chè, bánh đông sương, nhớ xu xoa cũng chế biến từ rau câu, chỉ khác ăn xu xoa, nghe rõ mùi rau câu hơn, khiến cho người dễ mũi lòng nảy sinh tình cảm nhớ biển... mặn.

Thường thì chè đặc đựng trong chén, bát; chè loãng chứa trong ly. Nhưng cũng còn tùy thuộc vào những gì có sẵn trong sòng chén của bà nội trợ nữa. Các bà nhà khá giả quản lý sòng chén, đã chia tô, chén, đĩa thành mấy loại: Chén ăn cơm, *chén ăn chè* (còn gọi tắt là *chén*

chè) chén nước mắm, đĩa trái đào, đĩa con vịt bầu, chén da lươn... Chén chè là chén mỏng (thuộc nhóm *đồ mỏng, đồ Tàu*) don don, đứng trái, đáy sâu, đồng triện *Nội phủ* dưới khu chén, khác với chén ăn cơm lớn hơn, miệng rộng; chén nước mắm nhỏ, đáy nông. Như vậy, có chén chuyên dụng: *Chén chè*.

Khi nào thì người ta ăn chè?

Người ta vẫn thường ăn chè khi trong nhà đã có sẵn các nông thổ sản có liên quan tới nổi chè, xoong chè.

Trưa, nhất là những trưa hè nóng bức, bà nội trợ chế biến sẵn từ hồi nào, dọn lên bữa chè đậu xanh hoặc đậu đen nấu loãng đãi cả nhà ăn. Ăn với đá lạnh. Ăn xong, được cái cảm giác mát rượi chạy khắp người, ông chồng hứng quá khen vợ mình đảm đang, lũ con bắt chước bố khen mẹ mình giỏi giang hết ý. Khách tới nhà chơi, được chủ nhà mừng rỡ, cầm chân mời ăn cơm trưa, ngũ trưa, xế thức dậy còn cho ăn chè, rồi mới được thả cho về. Người lớn, trẻ con hảo ngọt, trông cho luôn có dịp ăn chè và chắc đã có không ít lần thốt lên “tiếng lòng”: “*Cu kêu ba tiếng cu kêu / Cho mau tới Tết dựng nêu ăn chè...*” (Ca dao). Trong các làng ở quê tôi xưa, rải rác có quán chè, có những gánh chè bán dạo xóm, dạo đồng đang mùa gặt hái, đông người. Ở Quy Nhơn hồi cách đây vài mươi năm, đường Phan Bội Châu, đường Trần Phú... nối đuôi nhau các tiệm chè, bởi thế, được nhiều người gọi là *máy phố Chè*, cho nó văn nghệ. Cũng thời đó, ai thích món chè chuối nướng, cứ chờ tới đến, đạp xe thẳng tới đường Mai Xuân Thưởng (đoạn gần Nhà hàng Trầu Cau bây giờ), lên Cầu Đồi... Ở các nơi đó, quán chè chuối nướng la liệt trên hè phố mà quán nào cũng đang đông vui những người hảo ngọt tụ lại. Còn các gánh chè bán dạo phố phường thì sớm trưa chiều tối, gánh nọ đựng đầu gánh kia.

Gu của người ta, ăn chè thường kèm với ăn xôi, chè – xôi vẫn đi đôi với nhau: “... *Ăn chè rồi lại ăn xôi / Còn ba đòn bánh tét để dành hạ nêu*” (Ca dao).

Xôi được chế biến từ các nguyên liệu chính: nếp, đậu xanh, đậu đen, đậu phụng, đậu ngự... Nói chung, nguyên liệu chế biến xôi, giống như chè, chỉ khác: Xôi không đường, nấu bằng *chõ* (1) để cho xôi vò hoặc bằng nồi để được cơm nếp.

Ngày nay, cái thú ăn chè đã giảm đi nhiều. Ở Quy Nhơn, những phố chè ngày trước nay chuyển sang bán buôn mặt hàng khác. Thậm chí, gánh chè rong phố, cũng đã ít gặp! Phải chăng, người ta ăn kiêng món đường ngọt, như kiêng thịt mỡ, da gà? Nhớ quá, những bữa chè với bạn bè ở đường Phan Bội Châu (gần trụ sở Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh) tình bạn cứ thêm ngọt ngào!

(1) Dụng cụ nhà bếp bằng đất nung, giống cái vò nước nhưng đáy đục nhiều lỗ, thả lọt hòn bi ve. Khi nấu xôi, đặt chõ lên miệng nồi, trát đất kín chỗ chõ tiếp giáp với miệng nồi, rồi cho nếp nguyên liệu và các thứ thịt thả đậu đổ vào chõ (có lót lá ở đáy chõ), đốt bếp cho đến khi nếp trong chõ chín và thấm thắp thành xôi vò. ■

Hàng cây thấp nền

PHAN THÀNH MINH

Tưởng nhớ NS Trịnh Công Sơn

Đã mấy mùa qua rồi
Hạ trắng
Thao thức chờ ai nữa
Ước thề
Mưa xõa tóc dài ôm nguồn cội
Đá buồn từ độ vắng si mê

Rừng xưa đã khép
Thu thay lá
Ai biết đàn ai lặng phím chờ
Cánh vạc đợi ngày thơm tóc gội
Nến buồn
Lệ nhỏ xuống hư vô

Từ lúc vai đời buông gánh khổ
Chân quen lá cỏ
Lối phiêu bông
Ngày sau sỏi đá còn thương nhớ
Ru ta ngâm ngùi giọt mắt trong

Biển nhớ đợi thuyền từ xa vắng
Lời mẹ ru
Ấm giấc nôi hồng
Xin tạ ơn một ngày cát bụi
Diễm đã vào hạ trắng mênh mông.

Ru đời lá cỏ

PHAN THÀNH MINH

Ru mây bông bênh
Đời đá xanh rêu
Em gầy lá cỏ
Phúc âm rừng chiều

Rụng vàng tơ nắng
Che chiều buồn vui
Đồng dao vườn mẹ
Uyên nhiên ngâm ngùi

Chợt đêm tóc trắng
Nghe đời cứu mang
Loanh quanh gác trọ
Ru giấc da vàng

Mùa đau cặm cụi
Hoa thơm ngai ngần
Sầu che tơ nắng
Mơn chiều ái ân...

Ân sư

PHAN NHƯ

Như người phu xe
Leng keng chùm lục lạc
Lang thang cõi hồng trần
Khi cheo leo bờ vực
Khi lên thác xuống ghềnh
Tưởng như có lúc cuối đường
Con đã cầu xin
Sức mạnh nghìn cân
Cho một lần vượt thoát

Nhưng không
Không phải là thần thông
Đâu cần chi phép lạ
Chỉ là ngón tay dịu dàng
Cọng sen ngát hương
Và nụ cười vô ngôn
Đưa con tìm lối cũ
Dù quê nhà còn xa mênh mông

Ôi! Nếu như tay con được cầm
Chân con được dặt
Về tận nơi mái nhà góc phố
Không bằng con đường tự thân
Thì nay con đã lỡ!

Xin cúi đầu thọ ân
Nam mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Loài người thật vui!

ĐỖ NGHÊ

*vô vô minh
diệt vô vô minh tận...
(Tâm Kinh)*

mặc cho sóng thần
mặc cho động đất
mặc cho rò rỉ hạt nhân
bom vẫn nổ ở afghanistan
đạn vẫn bay ở lybia
và nhiều nơi khác nữa...
loài người thật vui!

mặc cho núi lửa
mặc cho tan băng
mặc cho dịch bệnh
mặc cho đói rét
vẫn loay hoay tận diệt
tiếp tay trời đất...
loài người thật vui!

Rùng mình...

ĐỖ NGHÊ

*Tùng địa dũng xuất
(Pháp Hoa kinh)*

Người rùng mình hỏi vì sao động đất sóng thần cứ
triền miên
hết ngày này sang ngày khác?
Vì sao núi lửa cứ phun trào?
Vì sao băng tan vì sao bão táp...?
Vì sao trẻ con người già bị cuốn trôi bị thiêu đốt
thành phố tan hoang cửa nhà đổ nát như món đồ chơi
của một đứa trẻ đang giận dữ
Vì sao và vì sao?...

Nhưng hãy lắng nghe
Dù trong giây lát

Trái đất cũng đang rùng mình tự hỏi vì sao
những ngọn núi cứ triền miên đổ sập?
vì sao những dòng sông nghẽn tắc?
những mũi dao cứ ngày đêm xoáy sâu vào lòng đất?
Vì sao chim rừng cá biển không chốn nương thân
Vì sao cỏ thụ mầm xanh bị tận diệt
Vì sao lúa bắp phải cấy ghép gen người?...
Vì sao và vì sao?

Ta nương tựa vào nhau.
Nay có vẻ đã không còn cần nhau nữa!
Đất rùng mình phận đất
Người rùng mình phận người...

Tim

HỒ ANH THÁI

Tôi nghỉ nhờ trong một Thiền viện Phật giáo Nepal. Lang thang cả tháng trời trên dãy Himalaya, loanh quanh ở vùng biên giới Nepal - Ấn Độ, tôi tình cờ tìm ra cái thiền viện này và xin tá túc. Chùa Nepal nhưng có ảnh hưởng phong cách Tây Tạng. Vùng này người Tây Tạng sống lưu vong khá nhiều, giống như vùng Dharamshala bên Bắc Ấn. Bên ấy có cả thiền viện trung ương của người Tây Tạng. Tôi có lần ghé lại mấy ngày, có lần nghe Đà Lai Lạt Ma giáo chủ giảng bài. Một thứ tiếng Anh truyền cảm, trong vắt. Chuyện đã lâu rồi, nhưng nhớ mãi cái giọng ngài.

Còn ở vùng này, đất Nepal, nóc chùa Phật là bảo tháp hình bán cầu, đặt trên bán cầu là một kiến trúc hình vuông, vẽ cặp mắt Phật. Đây là kiến trúc điển hình chùa Phật của Nepal. Nhưng dấu ấn Tây Tạng lại ở những cái bánh xe cầu nguyện kinh luân khắp xung quanh chùa. Người đến chùa vừa cầu nguyện vừa đẩy cho bánh xe kinh luân quay tít. Dòng chữ Phạn khắc trên ấy cứ thế mà quay. Om mani padme hum. Quay mãi.

Bên trong thiền viện có hai nhà sư Nepal đang tỉ mỉ dựng một bức tranh bằng bơ. Thêm một nét Tây Tạng. Thông thường tranh bằng bơ chỉ có người Tây Tạng làm. Xứ lạnh cao nguyên. Nước còn đóng băng chứ chưa kể đến bơ. Bơ cắt từ sữa bò, người ta đem nhuộm, nhuộm nhiều màu, rồi dùng thứ bơ đặc sệt làm chất liệu để tạo tác những bức tranh. Tôi chỉ mới biết đến nghệ thuật tạo tác mandala bằng cát nhuộm màu của Tây Tạng. Tranh bằng bơ là một điều mới lạ. Thế là tôi sà ngay vào.

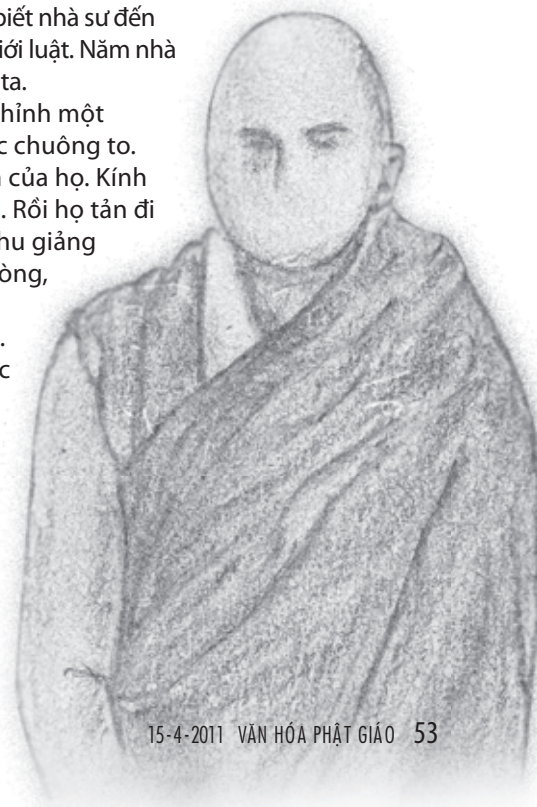
Đúng lúc ấy nhà sư Tây Tạng đến. Áo choàng màu nâu đỏ, gần như màu mặt chín, tay nải trên vai. Nhà sư đang ở tuổi thanh niên. Ông chấp hai tay trước ngực chào hai vị sư Nepal, xin được nghỉ lại. Xong thủ tục chào hỏi và nhận lời chỉ trong vài phút. Nhà sư Tây Tạng bỏ tay nải xuống, cũng sà ngay đến bên bức tranh đang dựng. Ông lấy cái bút chứa bơ màu trắng, tỉ mỉ bơm nó lên trên nền xanh dòng sông có bóng một con thuyền. Những làn sóng nước màu trắng cứ thế mà lăn tăn chạy ra từ tay ông. Sóng nhấp nhô.

Ngày hôm sau tôi đã thân với nhà sư Tây Tạng. Ông

dạy tôi những động tác rèn luyện thân thể. Nằm ngửa, dùng lực của thân dưới, đẩy cho hai chân duỗi thẳng bật lên chỉ hướng lên trời. Đây là tập cho khớp hông và xương sống. Hai tay dang ngang bằng vai, cứ thế mà quay toàn thân theo chiều kim đồng hồ. Đây là tập cho các luân xa trong thân bùng thức và chuyển động trở lại sau một giấc ngủ. Quay. Điều cốt yếu là trong khi quay phải luôn ngấm vào một điểm nào đó làm mốc. Vừa quay vừa nhớ luôn đưa mắt tìm về cái mốc ấy. Để tránh mất phương hướng. Để tránh mất thăng bằng. Để tránh chóng mặt và ngã. Quay bảy vòng. Quay chín vòng. Quay mười lăm vòng. Quay đến hăm mốt vòng. Phải nhớ luôn để mắt xác định được điểm mốc.

Buổi chiều có năm nhà sư Tây Tạng tìm đến chùa. Những bóng áo cà sa nâu đỏ đi khắp nơi trong thiền viện. Họ được phép tìm kiếm khắp nơi. Bấy giờ tôi mới nhận ra nhà sư kia đã biến đâu mất. Năm nhà sư này thuộc đội duy trì giới luật của một ngôi chùa Tây Tạng, công việc của họ ở chùa cũng giống như đội quy tắc, đội trật tự trị an trong các làng xóm phường phố. Không ai hỏi, nhưng đều biết nhà sư đến chùa hôm qua đã phạm giới luật. Năm nhà sư này đang lùng tìm ông ta.

Các nhà sư vào chùa thỉnh một tiếng chuông bằng chiếc chuông to. Kính báo về sự hiện diện của họ. Kính báo về việc họ đang làm. Rồi họ tản đi khắp chính điện, khắp khu giảng đường, khắp khu trai phòng, ký túc xá. Không rón rén theo kiểu đội đặc nhiệm. Không khom người trước một cánh cửa hoặc sau một bức tường. Không đưa mắt láo liêng hoặc dòng tai nghe ngóng. Mỗi người một chiếc chuông nhỏ và một cái chày nhỏ bằng gỗ. Nhà sư cầm chuông trên



tay, dùng cái chày miết thành vòng tròn xung quanh vành chuông. Một âm thanh tròn đều, ban đầu nhỏ, sau to dần lên, cao vút lên, cho đến khi nó rít lên như một mũi kim đâm thẳng vào màng nhĩ. Không phải là tiếng chuông bình boong. Không khoan nhặt từng tiếng. Âm thanh dài, mảnh, triển miên, kéo dài mãi không dứt. Tạo ra tiếng chuông ấy cũng phải là người trong trạng thái thiền. Chỉ cần nhãng đi một tí, chỉ cần không đều tay, tiếng chuông căng dài sẽ đứt. Khục một cái. Lúc ấy người ta phải khởi động lại tay quay xung quanh vành chuông, từ đầu.

Tiếng chuông của năm nhà sư này thì đã thành thiện nghệ. Không một vết đứt. Nó cứ vi vút quay đều. Cứ kéo căng ra. Đó là công cụ tìm kiếm. Nói cho chính xác, đó chỉ là cái chuông cầu nguyện, nhưng các nhà sư đã phát minh ra cho nó cái tính năng tìm kiếm. Cái sợi dây âm thanh ấy đang kéo căng ra, nếu vướng phải một vật thể nào đó, một người đang nấp đầu đó trong góc tối chẳng hạn, âm thanh sẽ mắc lại. Các nhà sư sẽ nhận được sóng âm thanh dội lại mà phán đoán được chỗ nấp của kẻ bị truy lùng. Ở đây có cái gì giống như cách loài dơi bay trong đêm tối, vừa bay vừa phóng ra những sóng âm thanh dò đường, nếu gặp vật cản, âm thanh sẽ dội ngược lại, con dơi nhận được sóng dội lại mà bay tránh đi, không đâm vào vật cản.

Vi vút vi vút. Những chùm âm thanh cứ thế được phóng ra. Viiiiiiiiii. Vuuuuuuuuu. Từng sợi dây một được thả ra, kéo căng ra. Tiếng chuông chạm vào tượng vào chuông vào nến. Tiếng chuông dội lại khi chạm vào những bức tường là bích họa kể chuyện đời Phật. Chuông chạm vào vật bằng gỗ, bằng kim khí, vào tường gạch tường đá, vào lá vào cây. Mọi vật thể đều được xác định. Mọi thứ đều không qua được mắt năm nhà sư. Không qua được thính giác họ. Viiiiiiiiii. Vuuuuuuuuu.

Cuộc tìm kiếm kết thúc. Nhà sư kia đã biến mất.

Năm nhà sư vào chính điện, đánh một tiếng chuông kính cáo rồi xin phép ra đi.

Nửa giờ sau khi đội giới luật đã đi rồi, nhà sư kia xuất hiện. Ông đã thay chiếc áo cà sa bằng bộ trang phục của thường dân, trông như một thanh niên Tây Tạng hoặc Nepal. Chiếc áo cà sa ông vừa giặt đang phơi phía sau chùa. Chắc là ông vừa nấp ở một chỗ ô uế lắm và sau khi chui ra, ông phải đi giặt ngay.

Như đọc được ý nghĩ của tôi, ông bảo một nhà sư không có gì phải nấp phải trốn, nhưng một khi buộc phải nấp trong một nơi dù ướp đầy mùi trầm chẳng hạn, thì chiếc áo khi ấy không còn sạch nữa. Phải giặt. Thân thể khi ấy không sạch nữa. Phải tắm gội. Tâm khi ấy phải được tự thanh tẩy.

Vậy là lúc này ông đã trốn trong một nơi đặc biệt lắm, đến mức tiếng chuông họ đã không thể len vào góc ngách ấy được? Nói cho đúng, có hai vị sư đã đi qua cái ngách ấy, đã đều tay quay chuông, ông phải

nằm im như một tử thi trong góc tối. Hầu như không còn hơi thở, không còn sự sống trong mấy phút ấy.

Tôi lại hỏi chắc ông phạm lỗi gì nghiêm trọng lắm, khiến cả một nửa tiểu đội giới luật phải lùng tìm?

Có đấy, nhà sư thừa nhận thành thực. Ông chỉ tay vào ngọn tháp chùa bảo, sáng nay khi hướng dẫn tôi cách tập quay nhiều vòng, ông thấy tôi ngấm vào ngọn tháp. Lấy cặp mắt Phật phía trên tháp làm mốc. Phía trên cái kiến trúc hình vuông vẽ cặp mắt Phật "nhìn thấu mọi lẽ đời" là ngọn tháp hình xoáy tròn ốc mười ba nấc, tượng trưng cho mười ba bậc đi tới giác ngộ. Nhưng ở phía dưới ngọn tháp, cùng với hình vẽ cặp mắt Phật có một nét vẽ mà ai cũng tưởng là mũi Phật. Tôi cũng tưởng vậy. Nhà sư bây giờ mới cười bảo không phải. Cặp mắt Phật đã được vẽ theo phương pháp cách điệu, không cần vẽ miệng, thế thì việc gì người ta lại phải vẽ thêm cái mũi. Vậy, đó không phải là cái mũi. Đó là số một theo mẫu tự Nepal. Số một. Hàm ý con đường duy nhất để được khai minh là con đường mà Đức Phật đã chỉ ra.

Tôi đã lấy con số một ấy làm mốc khi tập quay tròn.

Còn nhà sư này, trong một cuộc thảo luận lý thuyết tại thiền viện của mình, ông đã sa vào tranh luận nảy lửa với các pháp hữu. Một cái gì nghiêm túc lắm, nghiêm trọng lắm mà ông không diễn đạt ra với tôi. Chỉ là tranh luận mà một người phải bỏ ra đi. Chỉ là lời lẽ mà một người phải bỏ ra đi. Không có xúc phạm, không có khiêu khích, không có gây tổn thương. Chỉ là người đi thấy rằng mình phải tự trừng phạt, phải tự lấy làm hổ thẹn mà ra đi.

Sáng hôm sau tôi rời chùa. Trùng hợp, nhà sư họ cũng tay nải ra đi. Ông mặc lại chiếc áo cà sa màu nâu đỏ đã giặt sạch. Chúng tôi đi bộ một đoạn đường xuống núi. Từ đây mới bắt xe khách đi tiếp. Ông kể rằng hôm qua lúc nằm trốn trong một ngách chùa, ông biết có hai nhà sư giới luật đã tìm kiếm xung quanh cái ngách ấy. Họ đi qua và đều tay quay chuông. Viiiiiiiiii. Vuuuuuuuuu. Tiếng chuông đã va phải người ông. Khục một cái. Ông nằm trốn vẫn nghe thấy. Vị sư thứ hai ở cách đó một quãng cũng nghe thấy. Vị sư quay chuông đi ra lẩm bầm với người kia, xin pháp hữu thứ lỗi, ta phân tâm, làm lỡ một nhịp chuông. Vị sư thứ hai không nói gì, bước vào thay, lại đều tay quay chuông. Viiiiiiiiii. Vuuuuuuuuu. Tiếng chuông này cũng va phải người đang trốn. Khục một cái. Ông ta lại quay ra, nói như xin lỗi, ta cũng phân tâm, ta cũng lỡ một nhịp chuông.

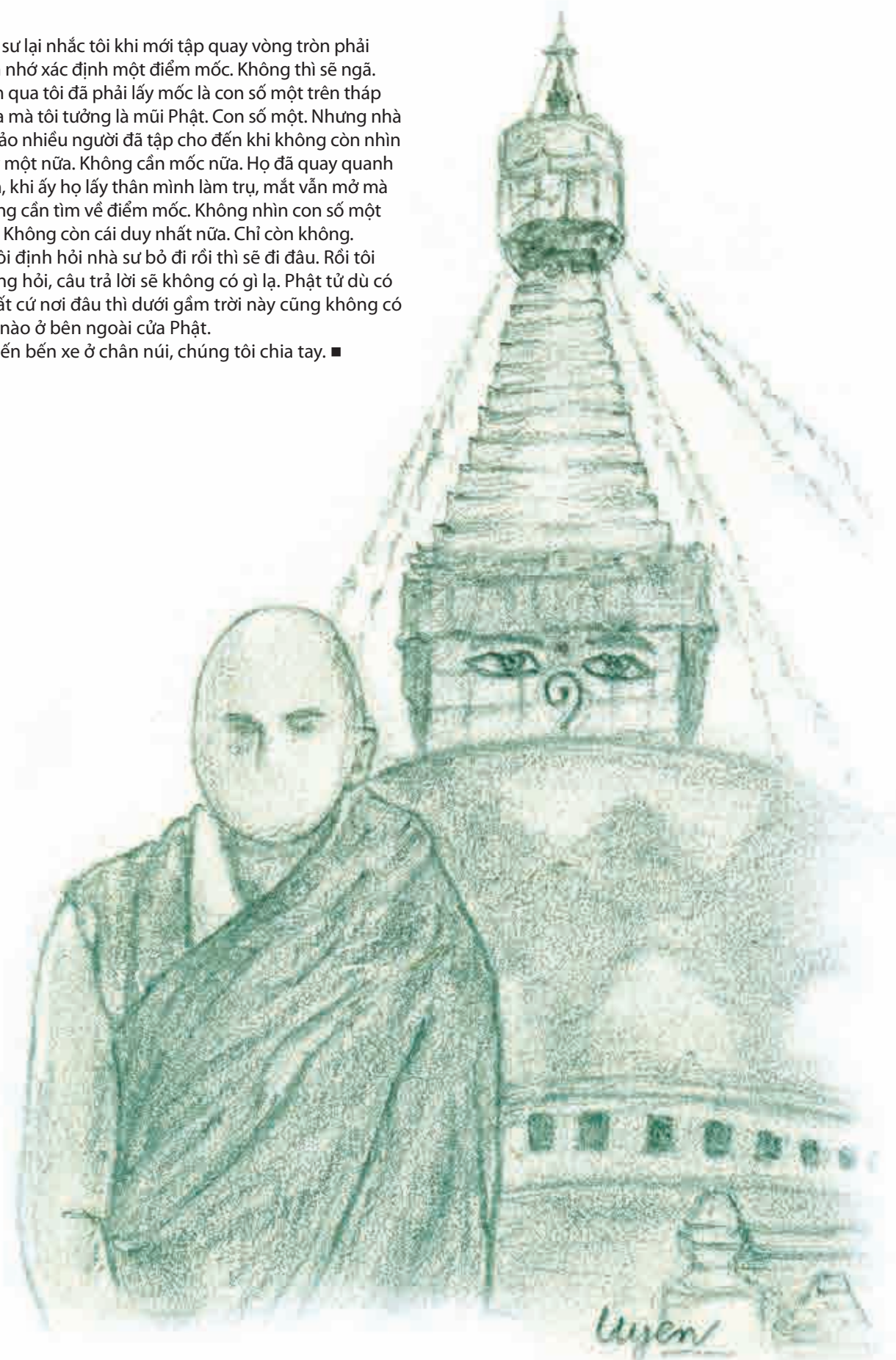
Người nằm trốn thì biết. Không có chuyện lỡ nhịp gì ở đây cả. Hai vị sư kia đã tìm ra. Nhiệm vụ của đội giới luật là phải đi tìm. Có người bỏ trốn thì phải có người đi tìm. Tìm bằng được. Nhưng ngay cả khi tìm được thì tìm được cũng không có nghĩa là bắt.

Con đường xuống núi thênh thang. Dãy Himalaya những đỉnh núi tuyết vĩnh cửu sáng bừng trong nắng vàng mật ong. Chuyện trò nhiều nên đường ngắn lại.

Nhà sư lại nhắc tôi khi mới tập quay vòng tròn phải luôn nhớ xác định một điểm mốc. Không thì sẽ ngã. Hôm qua tôi đã phải lấy mốc là con số một trên tháp chùa mà tôi tưởng là mũi Phật. Con số một. Nhưng nhà sư bảo nhiều người đã tập cho đến khi không còn nhìn thấy một nữa. Không cần mốc nữa. Họ đã quay quanh thân, khi ấy họ lấy thân mình làm trụ, mắt vẫn mở mà không cần tìm về điểm mốc. Không nhìn con số một nữa. Không còn cái duy nhất nữa. Chỉ còn không.

Tôi định hỏi nhà sư bỏ đi rồi thì sẽ đi đâu. Rồi tôi không hỏi, câu trả lời sẽ không có gì lạ. Phật tử dù có đi bất cứ nơi đâu thì dưới gầm trời này cũng không có chỗ nào ở bên ngoài cửa Phật.

Đến bến xe ở chân núi, chúng tôi chia tay. ■



Hẻm Sài Gòn

ĐOÀN ĐẠI TRÍ

Tôi mới đến sinh sống ở Sài Gòn được một thời gian chưa lâu; do đó, chắc chắn tôi chưa thể nào cảm được hết cái không khí Sài Gòn. Tuy nhiên, giữa cái náo nhiệt vốn có của phố phường nơi đây, điều khiến một kẻ lãng mạn như tôi cảm thấy thanh thản, nhẹ nhàng lại chính là những con hẻm Sài Gòn. Có lẽ phải ngồi nhâm nhi một ly cà phê đá mát lạnh trong một góc hẻm nào đó của phố phường Sài Gòn, người ta mới cảm nhận được cái không khí mà con hẻm mang lại. Nó như một thế giới khác, tách bạch với những đua chen ồn ào vốn dĩ của nơi từng được ví như viên ngọc vùng Viễn Đông này. Nơi những con hẻm nhỏ bé ấy, một thế giới rộng lớn và mệnh mang với bao điều thú vị cuốn hút lấy mình. Đó là một phần, là mạch máu của thành phố rộng lớn nổi tiếng khắp thế giới này.

Có lẽ người ta không thể nào khám phá hết thành phố này mà không đi vào những con hẻm. Có những hẻm lớn, hẻm nhỏ, hẻm nọ thông hẻm kia hoặc đơn giản chỉ là con hẻm cụt chẳng dẫn tới đâu. Quanh co, ngoằn ngoèo và hẹp chùng dăm ba mét nhưng lại đưa ta đến hết bất ngờ này tới bất ngờ khác. Tôi hay mừng tượng những con hẻm này như mạch máu trên lòng bàn tay số phận. Ở đó, chúng chính là huyết mạch, là đơn vị nhỏ nhất của đường phố để người dân đi lại, sinh hoạt. Đó chính là mạch sống của phố phường. Có một điều thú vị là, hình như những con hẻm ở Sài Gòn khác rất nhiều những con hẻm của các thành phố khác mà tôi từng đến. Không sâu và tối như hẻm Hà Nội, không buồn và tĩnh như hẻm cố đô Huế, không rộng và thoáng như hẻm thành phố trẻ Đà Nẵng và càng không gần như hẻm phố biển Nha Trang... Có một chút gì đó vừa đủ để nhận ra một khoảng yên bình đến nao lòng trong những con hẻm khiến ta thấy bình an quá đỗi.

Một người anh gọi điện hẹn đi uống cà phê. Tôi bảo, anh cứ tới quán trước đi, nhắn cho địa chỉ rồi lát sau em tìm đến. Anh cười trong máy, *Uống cà phê hẻm cậu à. Đây là quán cà phê quen thuộc của tôi, ngày nào tôi cũng phải ngồi ở đây một lần. Quán không có địa chỉ. Tôi phải dẫn cậu đến mới được.* Vậy là tôi phải gặp anh để được anh dẫn đi. Quán ở sâu trong một con hẻm yên

tĩnh gần như tuyệt đối. Chợt nhận ra rằng, không riêng gì người anh ấy mà có rất nhiều người khác cũng thích những quán cà phê trong hẻm ở Sài Gòn. Chẳng hiểu có phải chỉ có Sài Gòn mới có những quán cà phê trong hẻm hay không? Những quán chỉ phục vụ cho một lượng khách nhất định, có gu thẩm mỹ riêng. Bỗng nhận ra rằng, phải cảm ơn biết bao những con hẻm đã cho mình cái không gian riêng, yên bình rất đáng quý và đáng trân trọng này, nhất là ở một nơi hầu như lúc nào cũng chỉ thấy tiếng còi xe ầm ầm trên bất cứ con phố nào, suốt đêm ngày.

Nhớ con hẻm nhỏ trên đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, nơi dẫn vào nhà một người bà con của tôi. Chỉ mới có hơn 10 mét đi bộ là đã bước vào một thế giới hoàn toàn khác. Ngoài kia, với vô vàn những tiếng còi xe náo động và dòng người ùn ùn ngược ngược xuôi xuôi giờ tan tầm thì trong con hẻm này, đập vào mắt tôi là mấy chậu khế cảnh nhà ai đó trồng. Vài nhành hoa tím mỏng manh sao mà thân thương và nhẹ nhõm đến bất ngờ. Không hiểu sao, không khí ở đây trong lành và mát dịu đến thế. Tôi không thể nào hiểu được chỉ cách nhau có mấy mét không gian mà đã hình thành hai thế giới đối lập nhau như thế. Phải chăng, đó chính là điều thần kỳ của những con hẻm Sài Gòn. Những con hẻm mà chỉ ai am hiểu mới thấy thân thương mà thôi.

Tôi hay có thói quen ngồi uống cà phê mỗi sáng ở ngay con hẻm nơi mình ở trọ. Chủ quán là một bà cụ đã nhiều đời sinh sống ở đất Sài Gòn. Con cái của cụ đều đã thành đạt và có cơ ngơi riêng. Phần vì cái tính hay lam hay làm, phần nữa vì chẳng hợp với người con nào nên hai ông bà cụ vẫn hàng ngày bán cà phê đầu hẻm, như mấy chục năm về trước. Chỉ có hai cái bàn, sáu chiếc ghế nhựa, nép ngay nơi ngã ba đường lớn mà mấy chục năm hai ông bà cứ tất bật bán bán mua mua. Vậy mà cũng nuôi đủ năm người con, cả trai lẫn gái, nên người. Có nhiều người bảo ông bà cụ lấn chiếm lòng lề đường nhưng cả tổ dân phố ở đây ai cũng muốn để ông bà cụ bán. Nào có sao đâu, ngay dưới góc bàn ấy mà. Với lại cái chính là những buổi sáng, mọi người trong hẻm ra đó ngồi uống ly cà phê, râm râm bàn tán mấy chuyện trong hẻm, chuyện con



gái nhà thím Năm lấy chồng, chuyện cháu ông Bảy thi đậu đại học hay chuyện đánh nhau bằng tên lửa tận châu Mỹ, châu Phi... Đã thành thói quen, quán nhỏ như một phần của con hẻm rồi, bỏ cũng không được. Đó là nơi để nhiều người gặp nhau, tâm sự, trao đổi, chia sẻ tin tức.

Một lần khác, men theo xa lộ Hà Nội, tôi vào một con hẻm ở bên quận 2 khi trời đã nhá nhem tối. Con hẻm dài và nhỏ. Hai bên là nhà dân san sát với ánh điện nê-ông hắt ra đường. Qua khe cửa kính, tôi tò mò nhìn những gia đình quây quần bên mâm cơm, nhìn những em bé vô tư xem phim hoạt hình *Tom và Jerry* trong khi bố mẹ chúng ngồi bên vĩa lưng con vừa dỗ dành cho chúng ăn một cách âu yếm. Khung cảnh gia đình ấm áp không khác gì ở những miền quê nhỏ bé khác mà tôi từng đi qua. Nó mộc mạc và thân thương quá đỗi.

Nó gần gũi như chính thị trấn nhỏ bé của tuổi thơ tôi. Chợt nhận ra rằng, hình như những con hẻm nhỏ bé ấy chính là cầu nối giữa nông thôn và thành thị. Nơi mà khoảng cách gần như được rút ngắn đến không ngờ. Tình người, tình quê trong những con hẻm Sài Gòn tuy đơn sơ bình dị mà thấm thiết đến tận đáy lòng.

Tôi đã mất rất nhiều thời gian để lang thang khám phá những con hẻm Sài Gòn. Chẳng để làm gì mà chỉ để thỏa mãn trí tò mò cũng như giết thời gian trong những ngày đầu vào đây sống mà thôi. Chợt nhớ câu nói của người bạn, Sài Gòn là nơi hỗn độn, là nồi lẩu thập cẩm, là bon chen và vô số những vòng xoay bất tận của cuộc sống cuốn người ta đi nhanh đến chóng mặt. Tôi cười, có lẽ bạn tôi nói đúng nhưng chưa đủ, bởi thành phố này còn có một thế giới khác, rất đổi yên bình, thế giới của những con hẻm Sài Gòn. ■

Ga xếp tuổi thơ

HOÀNG THỊ GIANG

Với nhiều người, nhìn những đoàn tàu lấp lánh ánh đèn nê-ông sáng rực cũng chỉ là một điều gì đó rất bình thường; nhưng với tôi, những toa tàu đã trở thành ám ảnh suốt tuổi ấu thơ ngày ấy. Nhà tôi ở gần một ga nhỏ của tuyến đường sắt Bắc Nam, hàng ngày, hàng chục đoàn tàu đến và đi qua nhà tôi. Ga nơi tôi sinh sống là ga nhỏ, không có tên và cũng không phải là nơi dừng lại đón trả khách của bất cứ đoàn tàu nào. Tuy vậy, vẫn thường có một vài đoàn tàu dừng lại để tránh nhau ở ga này. Khi đó, lũ trẻ con chúng tôi lại chạy lăng xăng xung quanh những toa tàu cao lớn với ánh nhìn ngưỡng mộ. Lúc những hành khách hào phóng ném cho chúng tôi nào vỏ lon bia, vỏ nước lọc... thì cả lũ lại xúm lại tranh nhau. Khi đoàn tàu chuyển bánh, cả tụi vẫy vẫy tay như người ta tiễn nhau... trên ti vi rồi cười khúc khích với tâm trạng thích thú. Cuối cùng, chỉ còn hoang dại những bông hoa xuyên chi màu trắng mọc lẻ loi bên những đường ray dài hun hút bằng sắt đen sì khi đoàn tàu đi xa dần. Ga xếp vắng, buồn hiu hắt. Và, tuổi thơ nghèo khổ của lũ trẻ chúng tôi ngày ấy cũng buồn như chính cái ga xếp này.

Lớn lên một chút, ngoài giờ học, mấy đứa trẻ trong xóm lại rủ nhau bán hàng khi có đoàn tàu dừng lại. Chỉ là bịch nước mía, chai nước Coca-cola hay mấy trái bắp luộc thơm ngon hoặc trái ổi, trái táo gì đó. Mỗi ngày, thông thường có bốn đoàn tàu dừng lại ga xếp này. Tuy nhiên, một đoàn tàu dừng lại khi đêm đã khuya, một đoàn tàu nữa dừng vào giờ đi học của trường làng gần đó; chỉ còn lại hai đoàn tàu đến vào lúc chúng tôi chờ đợi, mà chúng tôi bảo nhau là tàu về. Những khi tàu về, chúng tôi vui lắm. Không phải chỉ vì số tiền lời lãi kiếm được giúp mẹ mua thêm sách vở mà vì cả bọn được

thoải mái nói chuyện, mặc cả, kỳ kèo với những hành khách sang trọng trên tàu. Có lúc, tàu

dừng cả tiếng đồng hồ và bao nhiêu hàng vật cũng bán hết.

Buổi chiều, ngồi trên thanh tà vẹt mòn vẹt dài heo hắt ngắm những chuyến tàu và nghe người gác đèn già kể chuyện đã trở thành thân thuộc với chúng tôi. Bác hay kể về thời trai trẻ, về những chuyến tàu đến và đi đến nhằm chán nhưng lại chứa đựng muôn vàn niềm nhớ nhung mong mỏi. Bọn trẻ chúng tôi đứa nào cũng mong ước một lần được bước chân lên những toa tàu sang trọng, được ngồi những chiếc ghế có bọc nhung êm ái, được tựa lưng vào thành tàu, ngắm cảnh vật ngược chiều hun hút phía sau. Niềm ao ước càng cháy bỏng hơn mỗi khi ngọn đèn báo màu đỏ bật lên báo hiệu sắp có tàu về ga. Tuổi niên thiếu gian khó của tôi cứ thế đi qua, theo những chuyến tàu nơi ga xếp không tên này.

Thế rồi tôi cũng bước chân lên một chuyến tàu và xa quê, xa ga xếp của thời niên thiếu với bao kỷ niệm vui buồn này. Chuyến tàu đêm với lý trình một ngày đêm ấy đã đưa tôi đi đến phương Nam đầy nắng gió. Ở đây, một ga lớn và có rất nhiều đoàn tàu cùng neo đậu. Ga tấp nập những người và ồn ào xe cộ. Rồi cuộc sống phố phường hút lấy tôi, như một chiếc vôi rỗng cuốn mình vào vòng xoáy bất tận. Tôi quên dần ga xếp và những buổi chiều đợi tàu ngày xưa cũ. Tất cả những kỷ niệm xưa chỉ còn trong nỗi nhớ bởi hằng đêm, tôi luôn ngon giấc vì không còn nghe tiếng xình xịch cũ mòn của những đoàn tàu. Căn gác trọ yên ắng làm cho tôi ngủ ngon hơn cho đến đêm nay. Rất nhiều chuyện mưu sinh làm mình mất ngủ. Ngoài kia, sau ô cửa sổ nhỏ tôi thêm được nghe tiếng ầm ầm của những đoàn tàu xiết bao. Tiếng ầm ầm một thời đã từng là nỗi ám ảnh của tuổi thơ. Chợt nhớ đến nao lòng những thanh tà vẹt cũ kỹ ấy, nhớ những mong ước nhỏ nhoi về chiếc ghế bọc nhung thừa nào. Nhớ cả người gác đèn già và những câu chuyện kể nghe hoài không chán. Tất cả có lẽ chỉ còn trong hoài niệm của riêng tôi. ■

Tiếng guốc gỗ...

THẢO NGUYỄN

Tình thoảng tôi mới về quê, thăm bên nội, bên ngoại và bà con chòm xóm. Mỗi lần về quê là mỗi lần được tận hưởng không khí chân tình, ấm áp, nhớ làm sao. Như chợt thấy tuổi thơ trong veo hiện về trong ký ức, rằng ngày xưa thế này, thế kia... Nhớ đến nao lòng...

Năm nay thời tiết thất thường. Ở miền Trung quê tôi, hết tháng Giêng, ra tháng Hai rồi mà chỉ được mười hôm nắng, còn lại, toàn những ngày mưa rả rích và trời lạnh lắm. Từ dạo Tết đến giờ, tôi mới về lại quê nhà. Những cánh đồng lúa đang thì con gái xanh mướt đồng hiện ra, xa xa cò trắng bay chấp chới. Chủ nhật, sẵn dịp hai đứa nhỏ được nghỉ học, tôi đưa các cháu về thăm ông bà. Chỉ mới đi trên đường rẽ vào nhà ngoại, hai đứa nhỏ đã thích lắm, giơ tay chỉ hết cái này tới cái kia, rồi trầm trồ đủ thứ, rằng sao ở quê cái gì cũng đáng yêu hết, mẹ nhỉ? Tôi mỉm cười, rằng các con cũng đáng yêu như thế đó.

Tôi tắt máy xe từ ngoài cổng, chợt nghe tiếng guốc gỗ gõ vào nền sân gạch vang lên những âm thanh giòn giã. Mẹ tôi đã mừng rỡ chạy ra dang tay ôm chầm hai đứa cháu ngoại vào lòng. Thú thực, tôi tự nhiên lặng người đi, bản thân bởi âm thanh tiếng guốc gỗ kia âm ỉ; và, như bị “thôi miên”, tôi trở về với những tháng ngày thời thơ ấu, như chạm đến trong sâu thẳm tâm hồn tôi về những kỷ niệm ngọt ngào êm đềm...

Còn nhớ, con đường làng dẫn tôi và chúng bạn đồng lứa đến trường ngày nào cũng vang vọng tiếng guốc trẻ con đi học. Thường cha mẹ đứa nào cũng mua hoặc tự đẽo gọt cho con, nhất là con gái, một đôi guốc mộc đơn sơ. Tôi nhớ một buổi trưa đi học về, cha tôi khẽ nhại mồm hỏi vừa “hoàn thành” đôi guốc gỗ cho tôi, ba bảo tôi ước thử, xem có vừa vặn không và có thích đôi quai guốc ấy không? Ba bảo ba đẽo gọt từ cây gỗ xoan
đó, loại

này mang nhẹ và nếu rửa chân ướt guốc thì cũng mau khô, mát đôi chân. Ba tôi khéo tay lắm, ba cẩn mẩn đẽo gọt cẩn thận sao cho mỗi chiếc guốc đều có độ cong, nhìn thật duyên dáng, mặc dù chỉ được làm ra từ gỗ mộc đơn sơ. Rồi ba bào đến láng bóng, lại đóng quai cho từng đôi guốc và còn đóng thêm vào đế guốc một lớp cao su để đi dễ dàng hơn. Ba kỳ công đẽo, bào, vuốt cẩn thận từng đôi guốc cho bà, cho mẹ, cho tôi và cả cho chị Hai nữa, sao cho mỗi đôi guốc đều vừa khít đôi bàn chân của người dùng; cả chiếc quai vắt từ bên này qua bên kia cũng được tính toán để ôm chặt lấy mu bàn chân. Còn nhớ ban đầu, đi đôi guốc ấy hơi gượng gạo, trật lên trật xuống nhưng rồi cũng quen dần. Và âm thanh tiếng guốc vang lên trong suốt những năm tháng tuổi thơ tôi, bên mẹ bên chị yêu dấu. Trên nền sân gạch trong nhà ngoại hiên, mỗi ngày tiếng guốc gỗ vang lên nhịp nhàng, như sự đoàn tụ ấm cúng của gia đình tôi trong thời tuổi thơ tôi đã qua đi. Riêng tôi, tiếng guốc gỗ của tôi đã theo chân ba, chân mẹ vào lớp học trường làng ngày nào, rồi có lúc riu rạn theo chị ra đứng đầu ngõ đợi mẹ, đợi bà đi chợ về... Tiếng guốc gỗ ấy, gợi lên trong tôi biết bao kỷ niệm thiêng liêng gắn với quê nhà.

Chao ôi! Bây giờ tiếng guốc gỗ bình thường ấy lại vang lên trong lòng tôi, cho tôi trở về hồi ức tháng ngày đã qua, nhớ cả một vùng quê, một ký ức xa xưa chợt về. Tôi thấp nén nhang lên bàn thờ ba, ba không còn nữa nhưng còn đó đôi guốc mẹ đang mang đến độ cũ mòn. Tôi về lại đây, trong ngôi nhà ba gian cổ kính, đầy ắp thời tuổi thơ nơi chị em tôi lớn lên trong tình yêu thương của ba mẹ. Không gian thanh tĩnh, tất cả như trầm mặc, lặng lẽ... để tôi có thể cảm nhận những tiếng guốc gỗ vang lên từ bước chân của mẹ, như những nốt nhạc ngân lên từ từ cho tôi nghe rõ dần nhịp điệu thời gian, tôi như thấy hiện lên hình ảnh ba ngày nào nhẵn nại, chăm chút cho mọi người trong gia đình từ bất cứ việc gì. Tiếng guốc gỗ ấy... bây giờ là cả một vùng ký ức xa xăm, là một chứng nhân của thời gian, là mạch sống... trong tâm tưởng tôi.

Tôi ngước nhìn lên di ảnh cha, và thầm kêu thảng thốt trong lòng hai tiếng “Cha ơi...!”.



Lời cảm ơn cuộc sống

Sáng chủ nhật (3-4-2011), tôi ngồi uống cà phê một mình trên đường Mạc Đĩnh Chi, quận 1, TP. HCM. Đường vắng, tôi lơ đãng đưa mắt nhìn theo những chiếc xe từ từ chạy qua. Bỗng dung tôi chú ý thấy một cô gái trẻ mặc áo dài điều khiển một chiếc xe gắn máy loại “tay ga”. Tôi vừa chột linh cảm tà áo dài của cô gái đang bị bánh xe cuốn, thì đã thấy cô ấy tấp xe vào lề đường; ngay sau đó, cũng có một chiếc xe gắn máy thứ hai dừng lại. Thì ra đúng như tôi nghĩ; nhưng cô ấy đã được báo động bởi hai người đi trên chiếc xe phía sau. Người phụ nữ ngồi ở yên sau chiếc xe sau đã lớn tuổi, ăn mặc lịch sự, vợ xuống xe, giúp cô gái gỡ tà áo của cô ấy ra khỏi cái đùm bánh xe, vừa làm việc vừa nói gì đó, có lẽ là nhắc nhở cô gái về việc giữ an toàn cho tà áo dài lúc ngồi trên xe; người đàn ông tắt máy xe bình tĩnh chờ. Tôi nghĩ chắc cả ba người đi chung, cô gái có thể là con của hai người lớn tuổi. Thế nhưng khi tà áo dài của cô gái đã được gỡ ra, tôi thấy cô gái nhoèn cười với cả hai người, cúi đầu thật lịch sự, có lẽ nói lời cảm ơn, rồi mới lên xe chạy đi, bấy giờ thì đã biết cách giữ an toàn cho tà áo dài. Người đàn ông chậm rãi nổ máy xe, chờ người phụ nữ lên ngồi ngay ngắn trên yên sau rồi mới từ từ cho xe chạy tới. Tôi còn nghe được tiếng nói của người đàn ông, “... Em cũng tinh mắt đấy nhỉ. May mà em phát hiện sớm, nếu không áo cô ấy đã bị rách...”. Vậy là họ đi riêng, và hai người đi sau thấy người đi trước sắp lâm vào tình thế xấu, đã kịp giúp đỡ. Người được giúp đỡ còn trẻ cũng có thái độ biết ơn và cũng biết lịch sự cảm ơn. Tự nhiên, ly cà phê tôi uống trở nên đậm đà hơn. Xin cảm ơn đời vẫn có những người có lòng, có hành động tốt, đã vô tình giúp cho tôi có lòng tin vào cuộc sống.

Hồ Thanh Hiền, Đa Kao, quận 1, TP.HCM

Đầu năm 2009, ba tôi bị tai biến mạch máu não. Sau khi điều trị, ông chịu di chứng liệt mắt nửa người bên phải. Thực tình, gia cảnh nhà tôi không vì ông bệnh, không đi làm việc được nữa, mà sa sút. Tuy nhiên, từ khi về nhà dưỡng bệnh, ba tôi trở nên khó tính, hay cáu gắt; trầm trọng nhất là ông hoàn toàn mất tin tưởng vào cuộc sống. Bác sĩ đưa nhân viên điều dưỡng chuyên về vật lý trị liệu đến giúp ông tập luyện, ông chỉ làm cầm chừng. Má tôi và anh em tôi rất lo lắng. Một hôm, chẳng biết em trai tôi mang ở đâu về một chồng tạp chí cũ, trong đó có nhiều tờ báo về Phật giáo, để trên bàn. Về sau ba tôi cho biết ông cũng đã đọc qua mỗi thứ một lượt. Ông cho rằng mọi tờ báo Phật giáo đều hướng người ta đến điều lành. Hiện nay, gia đình tôi là độc giả trung thành của VHPG. Đặc biệt là ba tôi, hàng ngày ông đều ‘nhâm nhi’ tờ báo; mỗi số, ông đọc cả nửa tháng mới xong, lại thường xuyên giở ra đọc lại những bài viết mà ông ưa thích đã được đăng trên các số báo cũ; do đó, chúng tôi đã đăng ký mua mỗi số 2 tờ, một tờ dành riêng cho ông, một tờ để cả nhà cùng đọc. Cũng từ đó, ông quyết tâm tập luyện theo hướng dẫn của nhân viên điều dưỡng vật lý trị liệu nên đã đi lại được. Hàng ngày, ông đi tập thể dục, đến dạo quanh những ngôi chùa gần nhà, rồi trở về đọc báo, làm việc vặt. Tôi thấy ông cũng hay ghi chép và đã yêu cầu anh em tôi trang bị cho ông một máy điện toán cá nhân. Vừa qua, cả gia đình tôi đã đến quy y tại một ngôi chùa nhỏ trong tỉnh, nơi ông đã thân với thầy trụ trì. Tôi xin gửi đến VHPG lời cảm ơn của cả gia đình tôi. Cảm ơn những bài viết nhẹ nhàng đã đưa gia đình tôi đến với sự nhiệm màu của Phật pháp.

Phạm Minh Quang, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Quả vả thuộc họ dâu tằm, là loại cây hoang thường mọc nhiều ở vùng gò đồi. Quả vả được cho là có tác dụng bồi bổ dạ dày, thanh nhiệt, nhuận trường... Vả dùng để làm gỏi, kho nấu các món chay rất ngon.

Gỏi vả dùng với bánh tráng mè

HOÀNG ANH - PHÚ XUÂN

Nguyên liệu:

- Quả vả: 10 quả
 - Đậu hũ: 1 bìa
 - Nấm hương (hoặc nấm rơm) khô: 10 tai
 - Thân boa-rô: 1 khúc
 - Đậu phụng: 1 muỗng súp
 - Mè: 1 muỗng súp
 - Rau răm: vừa đủ dùng
 - Bánh tráng mè: 3 cái
- Gia vị: muối, tiêu, đường, nước tương, dầu ăn

Cách làm:

- Vả: luộc mềm, gọt vỏ. Xắt lát mỏng, vắt ráo
 - Đậu hũ: chiên vàng, xắt lát mỏng
 - Nấm khô: ngâm nước cho nở, xắt lát, vắt ráo
- Ướp nấm và đậu hũ với chút gia vị và boa-rô xắt nhỏ.
- Đậu phụng, mè: rang vàng, đâm nhỏ.
- Bắc chảo nóng với một muỗng súp dầu ăn, phi thơm với boa-rô. Bỏ nấm, đậu hũ vào xào thơm. Tiếp tục bỏ vả vào trộn đều, nêm nếm lại cho vừa ăn. Nhắc xuống bỏ đậu phụng, mè và rau răm xắt nhỏ vào.



Ảnh: Võ Lộc



CƠM GẠO LỨT - BROWN RICE CHÂN NGUYÊN®

Natural Food - Natural Life

Phục vụ các món ăn được chế biến hoàn toàn từ gạo lứt, mè, rau đậu hạt thiên nhiên theo phương pháp OHS&A.

96H Võ Thị Sáu - P. Tân Định - Q.1 - TP.HCM ĐT: (08) 38251659

82 Nguyễn Du - Q.1 ĐT: (08) 22422372

237 Trương Chinh, P. 12, Q. Tân Bình

C1 Đường số 4 Khu Dân cư Tân Trường, Đường Gò Ô Môi, P. Phú Thuận, Q. 7





NHÀ HÀNG CHAY ÂU LẠC HEALTHY WORLD

Website: www.aulachealthyworld.com



PHỤC VỤ CÁC MÓN CHAY PHONG CÁCH Á - ÂU



FAST FOOD

LẨU BĂNG CHUYÊN

BUFFET

FAST FOOD LẨU BĂNG CHUYÊN CÁC MÓN Á - ÂU

HỆ THỐNG NHÀ HÀNG CHAY ÂU LẠC HEALTHY WORLD

- 237 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM - Tel: 3899 2923 - Fax: 3899 2925
- 63-65 Nguyễn Kiệm, P.3, Q. Gò Vấp, Tp.HCM - Tel: 3894 0211 - Fax: 3985 1625 *****Lẩu Băng Chuyên*****
- 239 Lê Văn Sỹ, P.13, Q.3, Tp.HCM - Tel: 3526 2391 - Fax: 3526 2389 *****Lẩu Băng Chuyên*****
- 247-247 Bis 249 Hai Bà Trưng, P.6, Q.3, Tp.HCM - Tel: 3820 8728/ 29 - Fax: 3820 5728 *****Lẩu Băng Chuyên*****
- 11A-13A Nơ Trang Long, P.7, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM - Tel: 3551 5013 - Fax: 3551 5020 *****Có Buffet*****

Vietpearl Corporation



Nuôi lớn mầm yêu thương
Nourish compassion

*Trăm năm trước thì ta chưa gặp
Trăm năm sau biết gặp lại không
Cuộc đời sắc sắc không không
Thôi thì hãy sống hết lòng với nhau*



DU LỊCH TÂM LINH
NGỌC VIỆT TRAVEL

CHÙA VĨNH NGHIÊM

339 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3, TP.HCM
Email: nhahangvietchay@yahoo.com
Tel: (08) 38 48 33 99
Email: ngocviet_travel@yahoo.com
Tel: (08) 38 48 33 88
www.vietchay.vn



Thân
nhẹ
Tâm
an
Miệng
mềm
cười

QUÁN CHAY

pháp uyển

*Nơi thưởng thức ẩm thực chay
lối sức khỏe, nhẹ tinh thần*

17/4 Nguyễn Huy Tường, Phường 6, Bình Thạnh, TP.HCM
website: www.phapuyyen.com, email: lienhe@phapuyyen.com
QUÁN CHAY PHÁP UYỄN - ĐT. 35 035 579



creative space
www.creativespace.vn

KHÔNG GIAN SÁNG TẠO

Hotline: 0988 895 798
Phone: (84.8) 6261 5846
<Cần tuyển 2 nhân viên kinh doanh>

THIẾT KẾ Logo, Danh thiếp, Lịch, Tờ rơi, Banner, Brochure, Catalogue,...

18/50A Nguyễn Chí Thanh, P.10, Q.10, TP.HCM / e-mail: info@creativespace.vn

**Ẩm Thực Chay
THIÊN DUYÊN**

Phước Đức Vạn Đầy Tâm An Lạc

- Nhận đặt tiệc chay, liên hoan, đám cưới, tiệc
- Giá 1.000.000vnd/bàn/10 người (gồm 6 món ăn + tráng miệng)

Địa chỉ:
141 Nguyễn Thị Thập
P. Tân Phú, Quận 7, TP. HCM



NGỌC HIỂN

QUÀ LƯU NIỆM - TRANG TRÍ
ĐỒ THỜ CÙNG - TƯỢNG PHẬT MÀ VÀNG

158 Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Quận 10, TP.HCM
ĐT: 38.355.590 - DĐ: 0983 675 570

Đã phát hành

Văn Hóa Phật Giáo

đóng bộ **Tập 2** năm 2010



Bạn đọc có nhu cầu xin liên hệ tại
Tòa soạn: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP. HCM
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576

- Quý độc giả có nhu cầu **QUẢNG CÁO**
- Xin vui lòng liên hệ: **Cô Sương**
- ĐTDD: 0918 032 040**
- Email: thusuong69@gmail.com

GIẤY CHỨNG CHẤM
VĂN HÓA
P H A T G I A O

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.

Cuộc sống đích thực

VNPT



www.hue.vnn.vn

Tập Đoàn Bưu Chính Viễn Thông VIỆT NAM VNPT Thừa Thiên Huế

ĐC: 8 Hoàng Hoa Thám, Thành phố Huế
Tel: 054.3824008 / 3834499 * Fax: 054.3823474



ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH



INTERNET ADSL



ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH KHÔNG DÂY



ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG VINAPHONE



INTERNET CÁP QUANG



TRUYỀN HÌNH INTERNET ĐỘ NÉT CAO

- Độ nét cao Full HD
- Kho phim truyện, ca nhạc khổng lồ
- Xem lại các chương trình truyền hình
- Nhiều tiện ích khác

ĐIỆN THOẠI HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG (MIỄN PHÍ)

- Báo hỏng dịch vụ viễn thông VNPT (ĐT cố định, Gphone, ADSL, FTTH, HueTV, MyTV...) : **119** (gọi từ ĐT cố định) / **054119** (gọi từ di động)
- Đăng ký hòa mạng, hỗ trợ khách hàng : **3999999 / 3555555**
- Giải đáp, hỗ trợ dịch vụ Vinaphone : **18001091 / 9191**
- Giải đáp, hỗ trợ dịch vụ internet : **18001260 / 61 / 62**



VNPT Thừa Thiên Huế "Năng lực vượt trội, chất lượng bền vững"

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

SỐ 128

Đặc biệt mừng Lễ Phật đản
Phát hành ngày 1 - 5 - 2011

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1
Chuyên viên Phòng Tổng hợp
Trường Đại học Kiến trúc
Km 10, đường Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chùa Long Khánh
Tỉnh Hội Phật giáo Bình Định, TP. Quy Nhơn
- Bình Định
LH: Anh Trần Ngọc Đạt
ĐT: 0979 178 869

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang. Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

DAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huấn,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Nhà sách Duy Tân
31 đường 3 tháng 2, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3821 188

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tỉnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 14.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG